

Thư APRICOT

LETTER FROM APRICOT

SỐ 01







Thư Apricot

Một lối đi không phải là bí ẩn

Thưa bạn đọc,

Trong tay bạn lúc này là số 1 của cuốn “Thư Apricot”. Lời đầu tiên chúng tôi muốn nói với bạn rằng: Thư Apricot không giống bất kỳ tạp chí nào mà bạn đã từng đọc. Và bạn có thể sẽ hỏi: Vậy Thư Apricot là gì? Chúng tôi xin trả lời: Thư Apricot là một lối đi riêng biệt dẫn bạn đến những vẻ đẹp vô cùng giản dị nhưng đầy bí ẩn của Hà Nội, nhưng Thư Apricot lại không phải là một lối đi bí ẩn. Nó đơn giản và thân thuộc với bạn như bạn mở cánh cửa nhà mình ngày ngày.

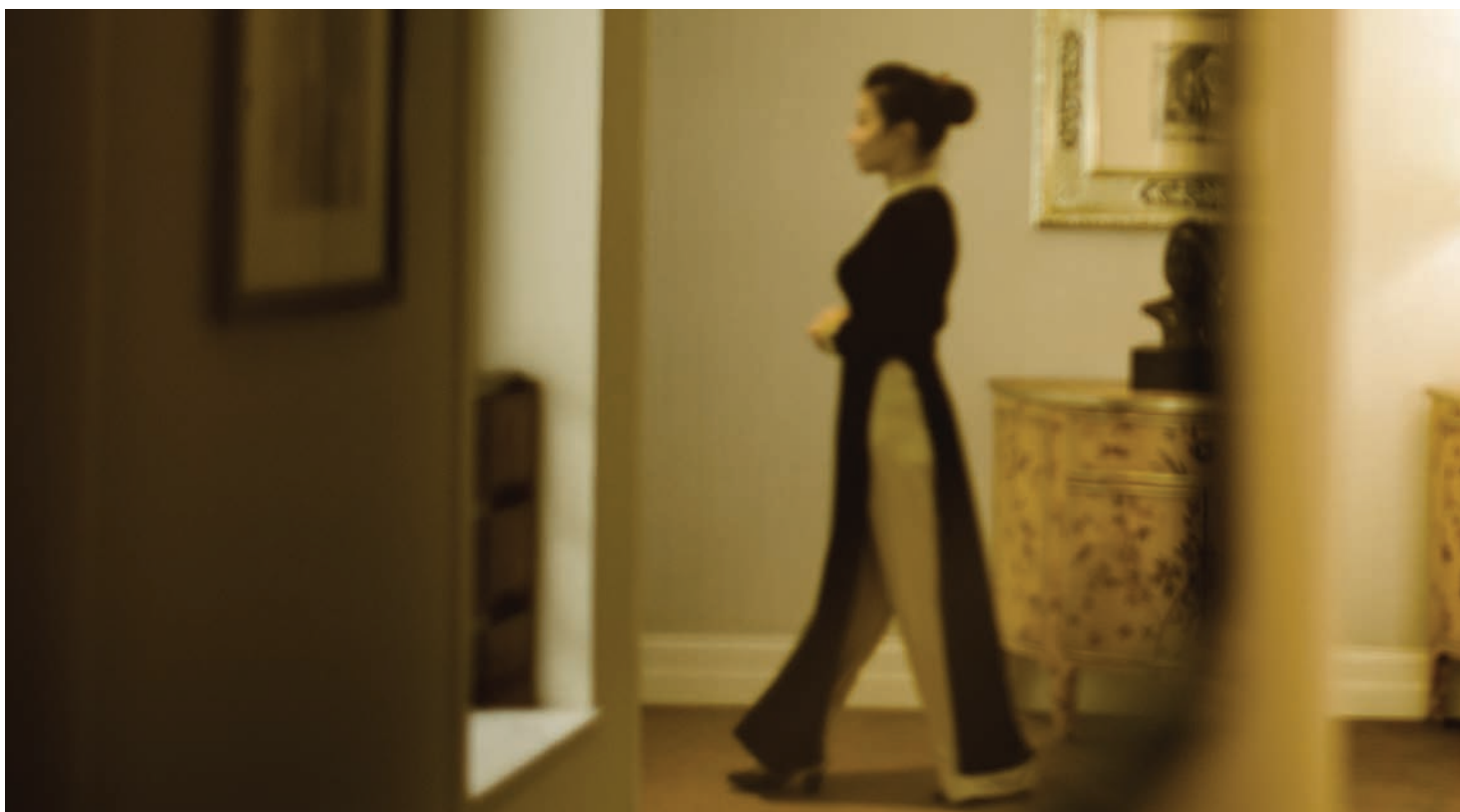
Lối đi này dẫn bạn đến với một Hà Nội trong một Hà Nội mà bạn đang sống trong đó, nhưng nhiều khi lại vô tình không nhận ra hoặc không có một lối dẫn để bạn tìm ra. Có bao vẻ đẹp của mảnh đất ngàn năm văn vật này đang ngày càng bị che khuất bởi một đời sống gấp gáp và đầy bức bối. Nhưng nếu bạn chỉ cần rẽ vào một ngõ phố, bước vào một ngôi nhà, ngồi xuống một góc trong một quán ăn, quán cà phê... thì ngay lập tức những vẻ đẹp của mảnh đất ngàn năm văn vật với bao trầm tích lịch sử, và sự chuyển mình trong nhịp sống hiện đại hôm nay sẽ hiện ra như một phép lạ. Và Thư Apricot chính là người đưa đường tin cậy nhất cho bạn đến với những vẻ đẹp này.

Mỗi số của Thư Apricot sẽ dẫn bạn đến một nơi chốn, gặp gỡ một số nhân vật của Hà Nội bằng nhiều cách khác nhau, và sẽ kể cho bạn nghe những câu chuyện nhỏ, về Hà Nội, về một danh họa, hay một thi nhân và lắng nghe, chiêm ngưỡng những kiệt tác của họ. Và ngay trong chính khách sạn mang tên Apricot này đã chứa đựng những vẻ đẹp mà bạn sẽ tìm thấy từ sự hòa đồng, thanh thản và những ấn tượng khó quên qua hội họa, ẩm thực, âm nhạc.

Số đầu tiên của Thư Apricot sẽ đưa bạn vào một thế giới ngập tràn màu sắc và những tạo hình đặc sắc của các tác phẩm hội họa của những họa sĩ nổi tiếng hàng đầu của Việt Nam, đưa bạn đến với một trong những viên ngọc của Hà Nội: Hồ Hoàn Kiếm qua những bức ảnh tư liệu và nghệ thuật giá trị... Đặc biệt, bạn sẽ bất ngờ trước lịch sử của chính mảnh đất mà khách sạn Apricot đang ngự trị trên đó cùng với những trải nghiệm không thể quên của những người đã từng chọn khách sạn Apricot chọn làm ngôi nhà thứ hai của mình.

Mọi điều kỳ diệu và bí ẩn luôn ở bên cạnh chúng ta. Chỉ cần bạn nhìn thấy lối đi đến với những kỳ diệu và bí ẩn ấy. Và Apricot chính là một trong những con đường ấy mà bạn chỉ cần đặt bàn chân của mình xuống và bước đi.

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều



Letter from Apricot

A Non-Mysterious Path

Dear readers,

You are holding the first issue of "Letter from Apricot". As our first words, we would like to convey this message: "Letter from Apricot" does not resemble any other magazine that you have read before. This may lead you to the question: "Then, what is "Letter from Apricot"? Our answer would be: "Letter from Apricot is a path of no mystery, which leads you to the beauty of Hanoi – perfectly simple yet astoundingly mysterious." However, Apricot's path is no mystery. It is as simple and familiar as how you open the door to your home every day.

This path takes you to another Hanoi inside the Hanoi that you are currently living in. Sometimes you walk by this microcosm of Hanoi without realizing it. How much of this 1000-year-old land's beauty is overshadowed by modern life full of haste and hassle? All it takes is for you to turn a street corner, to come inside a home, to sit down in a restaurant or coffee house... then, like a miracle, the beauty of this land filled with history, culture and its graceful transition into modern society will become apparent. "Letter from Apricot" is a trustworthy beacon that bringing you all of Hanoi's beauty.

Each issue of "Letter from Apricot" will take you to a place, introduce you to different Hanoian characters, and telling you little stories about Hanoi with its well-known painters and great poets, while immersing you in their best artworks. The hotel itself contains a harmonious beauty and peacefulness, and a lasting impression is left by the the paintings, the cuisine and the music.

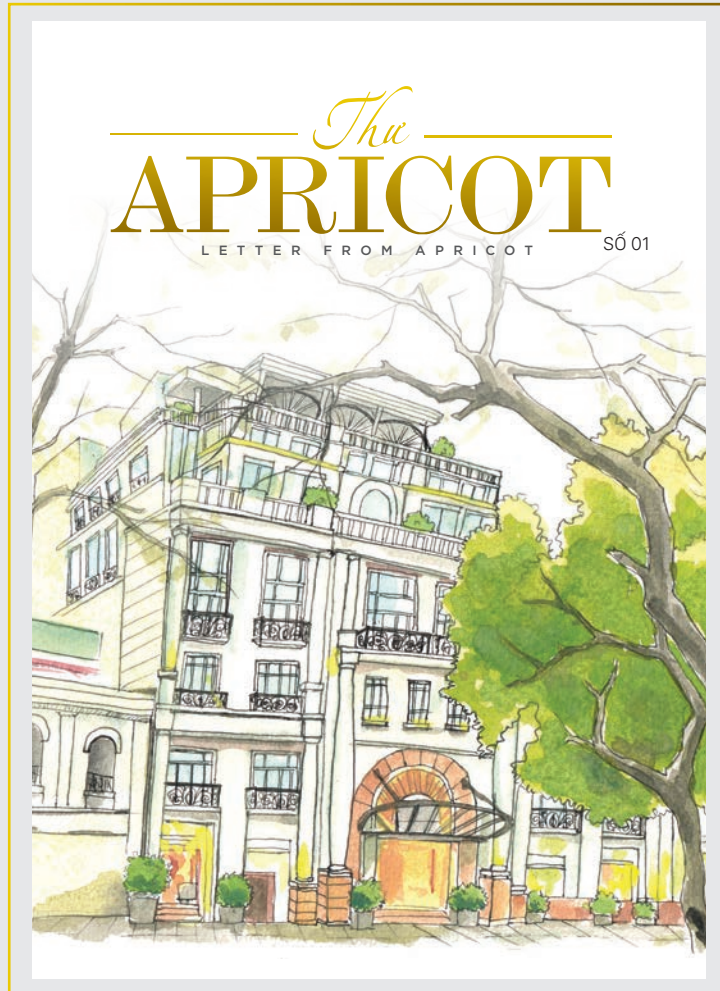
This first issue of "Letter from Apricot" will bring you to the exotic world of colors and shapes from paintings by leading artists in Vietnam. You will also have the chance to visit Hanoi's special gem – Hoan Kiem Lake – through valuable documentary and artistic photos. You will be greatly surprised by the history, behind the very land where Apricot Hotel is currently situated, together with memorable experiences from those who have chosen Apricot Hotel as their second home.

Mysteries and miracles are beside us every day. All you need to do is to take the first steps on the path that leads to those. And, Apricot is one of those paths – a path upon which to plant your feet firmly and walk on.

Poet Nguyen Quang Thieu



LETTER FROM APRICOT No.01



Apricot trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Nhà nghiên cứu Triết học Nguyễn Hào Hải, Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Nhà thơ Trần Đăng Khoa, Nhà văn Nguyễn Việt Hà, Nhà văn Như Bình, Nhà báo Nguyễn Ngọc Tiến, Nhà báo Hà Văn Bảy, Nhà báo Trọng Chính, Nhà báo Như Hoa, Nhà báo Bill Healey, Nhiếp ảnh gia Trịnh Đình Tiến, Nhiếp ảnh gia Lê Anh Tuấn... cùng những cộng sự đã góp phần tạo nên ấn phẩm này.

Apricot would like to express the deepest appreciation to Philosophy researcher Nguyen Hao Hai, Poet Nguyen Quang Thieu, Poet Tran Dang Khoa, Writer Nguyen Viet Ha, Writer Nhu Binh, Journalist Nguyen Ngoc Tien, Journalist Ha Van Bay, Journalist Trong Chinh, Journalist Nhu Hoa, Journalist Bill Healey, Photographer Trinh Dinh Tien, Photographer Le Anh Tuan... and colleagues whose collective contributions made this publication a reality.

street content contest



01 The Legend

- 10 - 15** Đóa mai bừng nở ven hồ
An Apricot Blossoms by the Lake
- 16 - 27** Từ đình Tự Tháp đến khách sạn Apricot
From Tu Thap Hamlet to Apricot Hotel
- 28 - 33** Một thoáng Apricot
A Glimpse of Apricot



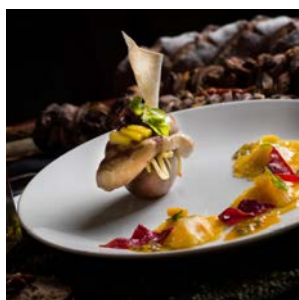
02 Hanoi through our lens

- 36 - 45** Hồ Gươm - Góc nhìn từ xưa đến nay
From the simple beauty in old photos to the present view
- 46 - 47** Tâm hồn Hà Nội
The soul of Ha Noi
- 50 - 55** Nghệ thuật tranh dân gian Hàng Trống
The Art of Hang Trong folk paintings



03 Where Art Resides...

- 58 - 59** Một tiếng nói lặng im của hội họa
Art's silent voice
- 60 - 65** Họa sĩ Dương Bích Liên
Artist Duong Bich Lien
- 66 - 75** Cuộc phiêu lưu của "Hào"
The Adventure of "Hào"
- 76 - 81** Kí Hoạ Trần Hữu Trí - Một Thế giới được hồi sinh
Tran Huu Tri's Sketches - A revived world
- 82 - 93** Triển lãm Nghệ Thuật "Genesis" - Một số tác phẩm được trưng bày
"Genesis" Art Exhibition - Showcasing Profound Vietnamese Artworks



04 The Art of Fine Dining

- 96 - 99** Lung Linh Hà Nội
Truly Ha Noi
- 100 - 103** Bún cá hồi - Phong vị Apricot
Salmon vermicelli Apricot's signature dish



05 Snap Shots

The Legend







Đóa Mai

bùng nở Ven hồ

✪ Nhà văn Nguyễn Việt Hà

“Khi tôi đến Hà Nội vào tháng 3/1897, khu phố của người An Nam vốn là những cửa hàng lán ra tới tận đường. Phố xá không có vỉa hè và chen chúc những người và người. Đó là những thứ đích thực của Hà Nội.”

Với hầu hết những người Hà Nội đã tha hương thì cảm thức nhớ hồ luôn là một nỗi thiết tha ám ảnh. Hà Nội có nhiều hồ và có vài hồ tuyệt đẹp, thế nhưng bao giờ Hồ Gươm cũng là lãng mạn quý phái bậc nhất. Cũng có thể là do nó nằm giữa ở trung tâm. Mà cũng có thể là do màu nước xanh lục độc đáo của nó. Không phải ngẫu nhiên có một đoạn xa xưa dài, người ta từng rưng rưng gọi Hồ Hoàn Kiếm là Lục Thủy. Có lẽ vì thế mà các phố quanh Hồ Gươm cũng luôn mang vẻ sang trọng rất riêng. Đinh Tiên Hoàng này, Hàng Khay này... Và nhất là đoạn cuối Hàng Trống kéo dài cho hết Lê Thái Tổ. Nó phảng phất “nửa Tây nửa ta”, thấm đẫm một kiểu giao hòa của tinh hoa văn minh Âu-Á.

Bởi ngay từ những năm đầu thế kỷ Hai Mươi, lúc người Pháp đang loay hoay mạnh mẽ quy hoạch đô thị, họ cũng đã rất lưỡng lự khi phải tìm cách xử lý kiến trúc những khu phố quanh Hồ Gươm. Vì đây là một nút giao kinh tế xã hội cực kỳ đặc biệt của đất Thăng Long nghìn năm văn vật. Một bên là khu phố cổ “ba mươi sáu phố phường” sầm uất những sinh hoạt thường nhật vừa ấm cúng vừa nhếch nhác của người bản địa. Một bên là những khu phố Tây (với biên dọc là đường Tràng Thi bây giờ cho đến hồ Halais chạy ra tới nhà thương Đồn Thủy) san sát những ngôi biệt thự đậm đặc chất Parisien văn minh ngăn nắp. Theo lời kể của Toàn Quyền

Đông Dương, “mơ xi ơ” Paul Doumer (nhiệm kỳ 1897-1901), một ông Tây thực dân khá tham lam nhưng có công tạo ra cho Hà Nội một bộ mặt mới mà cho đến giờ vẫn còn đậm nét thì, “khi tôi đến Hà Nội vào tháng 3/1897, khu phố của người An Nam vốn là những cửa hàng lán ra tới tận đường. Phố xá không có vỉa hè và chen chúc những người và người. Đó là những thứ đích thực của Hà Nội”. (Xứ Đông Pháp và những kỷ niệm). Bằng những việc làm nửa đúng nửa sai của mình, người Pháp đã vô thức làm cho những con phố ở Hà Nội đẹp thêm. Có thể nói không ngoa rằng, đoạn cuối Hàng Trống chạy vào Lê Thái Tổ ngày nay chính là điển hình cho một phố đậm đặc phong cách thị dân của các “cao bồi già Hà Nội”. Nó vừa tinh tế kiêu bạc, vừa bặm bải sâu lắng trữ tình.

Tất nhiên, khi đã là một con phố đặc biệt thì đương nhiên ở nó sẽ có một chỗ đặc biệt. Đây là một ngôi nhà tràn ngập văn hóa ăn uống vui chơi, khét tiếng mang tên Phú Gia. Theo truyền khẩu dã sử vỉa hè thì những người chủ đầu tiên của nhà hàng Âu Á Phú Gia có xuất thân vô cùng bình dị. Đó là một thanh niên được một gia đình người Pháp giàu có cứu mang giúp đỡ. Nhờ sự thông minh cùng với sự cần cù, người thanh niên này đã dựng xây lên một cơ ngơi đáng kể ở ngay giữa trung tâm linh địa Hà Nội. Trải qua bao thăng trầm, nhà hàng/khách sạn Phú Gia luôn tựa lưng vào Nhà Thờ Lớn rồi nhìn thẳng ra tháp

Rùa cổ kính thiêng liêng. Không phải ngẫu nhiên mà đối với rất nhiều cư dân trung lưu phố cổ, được ngồi uống ly cà phê hay ly rượu cốc bia ở nhà hàng Phú Gia luôn là một thói quen sang trọng khó bỏ.

Thời Hà Nội bao cấp còn thừa xe máy, Phú Gia là một cửa hàng ăn uống mậu dịch quốc doanh lừng danh. Tầng hai khá sang với "viu" đẹp, với bàn gỗ kéo kẹt một trái khăn trắng để bán đặc sản. Về thực đơn thì đặc sản ở Phú Gia hay của tư nhân ở phố ẩm thực Hàng Buồm hoặc Tạ Hiện cũng nhang nhác như nhau. Nó điển hình cho một thời trong veo mậu dịch. Nếu nhái kiểu Tàu, đương nhiên đầu vị là súp lơ. Rồi đến chim bồ câu quay, mực tươi xào và chót vót là cơm rang thập cẩm. Nếu nhái kiểu Tây thì "đét xe" bằng súp hải sản, rồi đĩa nguội có dăm bông pa tê bánh mì bơ đường. Đỉnh cao sẽ là bò, hoặc "lúc lắc" hoặc "bít tết". Chao ôi, "mơ niu" của một thời trong trắng, khi người được coi là có của chỉ giản dị là "Nó ở Tây về có máy khâu. Ra đường ăn diện đúng một

Ấu. Mỗi chiều xe máy bay giạt phố. Mọi người nhìn theo bảo nó giấu". Khá nhiều thằng con giai phố cổ đã làm xiêu lòng được mỹ nhân bằng cách mời các nàng đi ăn tối ở Phú Gia với thực đơn mà giờ đây nhan nhản thấy ở danh mục món ăn được ép ni lông nhờn mỡ của mấy quán bia hơi bình dân khắp đầu đường xó chợ của một Hà Nội đang hết dần thanh lịch. Khi vừa sạch vừa đói, con người ta thường biết cách tử tế. Miếng ăn không quan trọng bằng cách nấu cách ăn. Đầu bếp ở Phú Gia là những nghệ nhân ẩm thực bậc thầy. Ví như bếp trưởng Đinh Bá Châu chẳng hạn (giờ đây ông được phong là "Vua bếp Việt Nam"). Vì thế thực khách tuy tạp nhưng không đến nỗi "thực bất tri kỳ vị", cho dù đấy có thể là hoạt bát phe phẩy hay chân chất cán bộ tham những vật. Tất nhiên, biết thưởng thức một cách cầu kỳ thì vẫn phải dám gia đình tư sản cũ còn giấu được ít của chìm. Bọn họ thường ngồi ở bàn khuất, cố quên đi cái tủi thân hôm nọ ăn gà ở nhà không dám chặt. Thong thả uống chai bia Trúc Bạch, mắt mờ mờ như có ngăn nước, mơ màng vớt vát

Toàn cảnh Hồ Gươm về đêm. Ảnh: Lê Anh Tuấn



nhớ lại những ngày được hàng hoàng ngồi ăn trước bàn trải khăn trắng có dao nĩa bạc.

Tầng một Phú Gia ồn ào hơn vì bán bia hơi. Ngày đấy, đó là một sinh hoạt xa xỉ. Đấng trưởng phu nào tự nhiên có hiền thê hay người tình bán bia ở Phú Gia thì oai khủng khiếp, một cái oai bất khả giải thích. Xoe xoe nói to, mắt phán xét nhìn khách kiểu trịnh thượng như bố vợ nhìn con rể. Ở hồi gian nan vất vả tem phiếu ấy, đừng nói địa vị chót vót như ngồi đong bia, chỉ cần là dọn cốc, khi loẹt quẹt dép đến đâu thì đám mây râu dập dềnh dạt ra như bèo gặp chiến hạm. Và choáng váng thay khi nàng hất lại một nụ cười. Tây Thi là cái đỉnh gì. Tất cả kẻ sĩ quân tử đang thềm bia vốn cao ngạo bỗng thẳng hoa xu phụ giống hệt nhau, đều a dua cầu tài nịnh nọt cười, phong khí nhất loạt dịu dàng lễ phép không bút nào tả xiết. Có lẽ vì thế, giống như các minh tinh điện ảnh diva ca nhạc bây giờ, hầu hết các mẫu dịch viên tinh tướng bán bia đều ế chồng. Làm sao có thứ đàn ông nào trên đời lại dám tự tin cả gan tỏ tình đưa đón một VIP tầm

cỡ như thế.

Rồi thời gian lãng đãng trôi, nhà hàng/khách sạn Phú Gia thay tên đổi chủ vài ba lần. Đến 28/05/1998 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt phương án cổ phần hóa, công ty ăn uống dịch vụ Phú Gia từ một doanh nghiệp nhà nước được phép thành công ty cổ phần. Nhưng nó vẫn thẳng trắm, vẫn uế oải. Những người Hà Nội yêu hoài cổ khi đi ngang qua, bỗng nhói nhói như một nỗi niềm tiếc nuối. Có phải vậy chăng mà đến tháng 9/2006 công ty đã xin phép thành phố và sở chủ quản xây mới lại một khách sạn. Tới quý 1 của 2015 khách sạn Apricot đã chính thức khánh thành.

Và cũng thật lâu lắm rồi, cư dân phố cổ mới thấy một công trình thanh nhã tới vậy. Nó tô thêm cho con phố vốn rêu phong cổ kính một nét sang trọng hiện đại. Hồ Gươm như thắm xanh hơn khi một đóa mai tinh khiết (Apricot) đã kịp bung nở ở ven hồ. ■

Khách sạn Apricot ngày nay, nơi từng là khách sạn Phú Gia ngày trước



An Apricot blossoms by the lake

Words by Writer Nguyen Viet Ha

Hanoi is famous for its numerous lakes, and for many overseas Vietnamese, it's the memories of these scenic settings that remain close wherever they are in the world. Some are particularly charming, but none can compare with Hoan Kiem Lake in terms of romance and elegance. Sitting at the heart of the city, its unique green shade inspired its previous name of Thuy or Emerald Water. Along with the stunning views, the nearby streets are filled with the same elegant atmosphere. From Dinh Tien Hoang and Hang Khay to the end of Hang Trong and Le Thai To, there is a harmonious sense of a truly Eastern culture with hints of a Western legacy.

At the start of the 20th century when the French set about redesigning Hanoi's urban planning, they focused on the area around Hoan Kiem Lake. This was the socio-economic center of the thousand-year-old Thang Long, the old name for Hanoi, which means ascending dragon. While the original 36 streets of the Old Quarter were inhabited by locals, grand and luxurious Parisian-style mansions sprang up around the lake. The border between the two areas started from Trang Thi Street and extended to Thuyen Quang Lake and Don Thuy Hospital. A French official who contributed largely to the changes in Hanoi, Governor-General of Indochina Paul Doumer, described the city's layout before the restructure. "When I arrived in Hanoi in March, 1897, Annam's Old Quarter was a sprawling mass of shops with no pavements and a lot of people. It was a sight typical of Hanoi." (L'Indochine-Francaise Memories). Despite deciding what they judged to be right and wrong, the French colonial rulers' approach to city planning led to far-reaching changes, and made the streets more navigable and beautiful.

It is no exaggeration to say that the path from Hang Trong to Le Thai To is typical of Hanoi's architecture today: exquisite, romantic and comforting in both scale and design. Taking pride of place along that stretch was Phu Gia Restaurant where Apricot now stands today, a destination made famous in the past for its luxurious parties. The first owner of this Western-style eatery came from a modest background, but he received support from a rich French family. Smart and hardworking, he grew up to become the owner of this remarkable restaurant at the heart of the city. Phu Gia went through many ups and downs, but managed to retain its position between St Joseph's Cathedral and the Turtle Tower at the center of Hoan Kiem Lake. For middle-class citizens of the Old Quarter, enjoying wine or beer at Phu Gia Restaurant was a luxury.

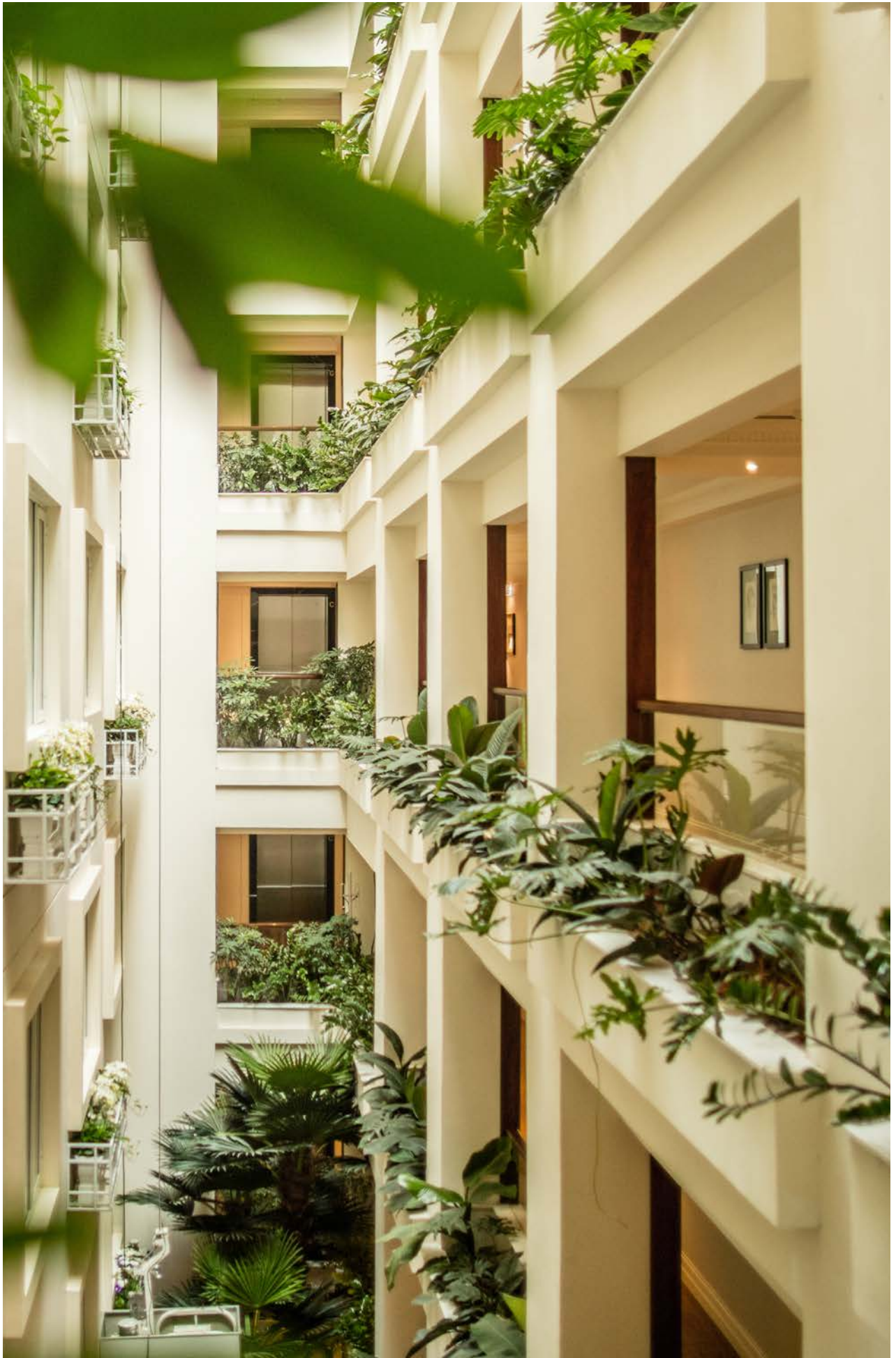
During Hanoi's subsidy period, Phu Gia became a renowned state-owned restaurant. The second floor offered an experience that couldn't be found anywhere else in the capital, with wooden tables covered in white cloth ready to serve local specialties. The menu at that time was similar to food streets like Hang Buom and Ta Hien. Typically for a restaurant during the subsidy period, the restaurant

imitated a Chinese menu, with eel soup commonly served as an appetizer. Options for main courses ranged from mouth-watering roast pigeon and delicately stir-fried squid, to the one and only mixed fried rice. For those who preferred western cuisine, seafood soup, cooked ham, pate or bread, sugar and butter were all available to satisfy their appetites. However, if none of these dishes appealed, "shaking" beef or the much-loved steak were also served. How pure and innocent things were when the wealth of a man could be simply measured by: "the status of coming back from western countries, owning a sewing machine made in these countries, and dressing in a suit while driving a motorbike on a cool and breezy afternoon". Back in the old days, young men born into families in the Old Quarter had beautiful girls fall head over heels simply for a night out at Phu Gia. The food served there can now be on greasy laminated menus at filthy-looking beer restaurants found on corners across Hanoi, where the idea of grace and elegance seems to have faded. To many, cooking as a form of art earns much more appreciation than the food itself. In every sense, Phu Gia chefs were true masters of the culinary arts, and perhaps such recognition was never more accurate when it was dedicated to Head Chef Dinh Ba Chau. Even though guests came from all walks of life, many of them still knew how to appreciate fine food. The most sophisticated group of guests came from the former capitalist class, who had somehow managed to hold onto some of their wealth. They usually sat at a table hidden from view, trying to suppress feelings of self-pity while reminiscing about the golden days when food was laid out with a silver service.

The first floor of Phu Gia was dedicated to the fresh beer trade. Working here was a luxury that not many could afford. Whether it was pouring beer or collecting empty glasses, every woman who worked at Phu Gia held a certain level of authority and superiority in society. Once in a blue moon, when they flashed a smile at beer lovers, it would leave men flustered and bewildered. Maybe that's why just like any other diva in modern times, women from Phu Gia usually found themselves left on the shelf because no man was brave enough to pursue a woman of a high status.

Over time, Phu Gia has been run by a number of different owners. On May 28, 1998, Hanoi People's Committee approved its privatization, but difficult times were still ahead. Nostalgic Hanoians always had a twinge of pain in their hearts when they passed by the old restaurant, so in September 2006, the company asked for permission to build a new hotel, and in 2015, Apricot Hotel officially opened.

It has been a long time since the citizens of the Old Quarter have seen such an elegant building in their neighbourhood, and it's helped breathe a modern but classical air into a street full of history. The evergreen Hoan Kiem Lake seems more poetic now with a pure Apricot flower blooming by the lakeside. ■



Từ đình Tự Tháp đến khách sạn Apricot

📍 Nhà báo Nguyễn Ngọc Tiến

Từ làng tranh Tự Tháp...

Từ một khách sạn Phú Gia đơn điệu, xuống cấp thời bao cấp, mảnh đất ấy đã biến thành khách sạn Apricot sang trọng, bề thế bên Hồ Gươm lãng mạn và huyền thoại. Quay ngược bánh xe thời gian, vị trí khách sạn Apricot hôm nay nằm trên đất làng tranh Tự Tháp xưa nổi danh thiên hạ...

Cuối đời Trần, phố Hàng Trống vẫn còn là con đê. Đê này ngăn nước sông Cái (sông Hồng) tràn vào phủ Phụng Thiên (phía đông thành Thăng Long) trong mùa lũ bắt đầu từ bến Đông Bộ Đầu, tức là đầu phố Hàng Than ngày nay, theo Hàng Đường, Hàng Ngang, xuôi Hàng Đào quặt ra Hàng Trống ăn xuống phố Bà Triệu rồi chạy xuống tận phố Nguyễn Du. Gọi là đê nhưng thực ra nó cao hơn bờ vùng. Cho đến hôm nay, bằng chứng của con đê hiện hữu bởi phố Hàng Trống cao hơn phố Lê Thái Tổ và từ Hàng Trống xuống phố Bảo Khánh là con dốc. Bên ngoài đê có một cái hồ dài (chính là Hồ Lục Thủy thời Lê) chạy tít xuống phố Lò Đúc bây giờ.

Thôn Tự Tháp khi đó nằm bên trong đê. Đến đời Lê, người ta

cho đắp con đê mới bên kia hồ Lục Thủy và đương nhiên đê cũ bị san phẳng, thôn Tự Tháp mở rộng ra sát mép hồ (tức là Hồ Gươm bây giờ). Truyền thuyết vua Lê trả kiếm cho Thần Kim Qui có lẽ ra đời trong đời Lê nhưng khó chính xác khoảng thời gian nào. Cuối Lê các chúa Trịnh xây phủ lớn ở phía Nam Tự Tháp (tương ứng khu vực đầu phố Quang Trung – Thư viện Quốc gia ngày nay) đồng thời cho đắp con đường sang lầu Ngũ Long (phía đông Hồ Gươm), đã chia Lục Thủy làm hai phần, phần trên gọi là Tả Vọng (Hồ Gươm ngày nay) và phần dưới là Hữu Vọng (đã bị lấp). Khi vua Minh Mạng thực hiện cuộc cải cách hành chính thì thôn Tự Tháp thuộc tổng Thuận Mỹ huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội. Căn cứ theo bản đồ Phạm Đình Bách vẽ năm 1873 thì Tự Tháp bắt đầu từ ngã ba Hàng Trống – Nhà Thờ kéo xuống khu vực Intimex bây giờ.

Ngã 5 Bờ Hồ Hoàn Kiếm nhộn nhịp. (Ảnh chụp năm 1973)





Nghệ nhân Lê Đình Nghiêm, nghệ nhân hiếm hoi còn trụ lại với nghề

Thôn Tự Thấp có nghề làm tranh. Trong bài thơ Tứ khúc thời vịnh của tiến sỹ Hoàng Sỹ Khải (đỗ tiến sỹ năm 1544) đoạn tả cảnh Tết ở Thăng Long đã nói đến tục dán tranh Hàng Trống trước nhà cùng với bùa yểm trừ ma.

*Chung Quỳ khéo vẽ nên hình
Bùa đào cấm quỷ, phong linh ngăn tà...
Và
Tranh vẽ gà, cửa treo thiếp yểm
Dưới thêm lầu hoa điểm Thọ Dương...*

Trong cuốn Một chiến dịch ở Bắc Kỳ, xuất bản năm 1892 ở Paris, bác sỹ Hocquard, người theo chân đội quân Lê Dương bình định Bắc Kỳ năm 1883 đã mô tả cảnh in tranh và bán hàng ở Hàng Trống: "Từ trẻ con đến người già bò trên phản tô màu vào khuôn gỗ, còn tranh bán thì treo trên vách, cột nhà và lơ lửng phất phơ gần nóc". Nhưng lâu nay người ta không gọi là tranh Tự Thấp mà gọi là tranh Hàng Trống vì khi mở rộng, người ta thấy đầu phố này có vài ba nhà bán trống nên gọi là phố Hàng Trống. Thực ra phố Hàng Trống có nhiều nghề, đoạn đầu làm trống, đoạn giữa là nghề thêu, còn dân gốc Tự Thấp thì làm tranh, cuối phố có nghề khảm trai. Đầu thế kỷ XX, mặt hàng thêu được lính Pháp ưa chuộng mua gửi về nước làm quà nên họ còn gọi là phố Hàng Thêu (Rue des Brodeurs).

Nhưng dân Tự Thấp xưa không làm ra toàn bộ bức tranh, họ đưa ra yêu cầu cần vẽ sau đó đặt nghệ nhân rồi chọn các mẫu ưng nhất thuê thợ khắc. Bí quyết giữ nghề là ở chỗ, họ sẽ dùng mẫu gì tô vào chi tiết nào trong tranh thì nghệ nhân vẽ mẫu và cả thợ khắc không biết. Tranh Hàng Trống có hai loại: tranh thờ và tranh trang trí. Hai loại này bày bán quanh năm còn cuối năm mới bày tranh Tết. Tranh thờ Hàng Trống uy nghiêm trang trọng và huyền ảo, ví dụ như: Hắc hổ thần tướng, Bạch hổ thần tướng, Ngũ hổ thần tướng... hay tranh danh nhân lịch sử: Hai Bà Trưng cưỡi voi, Đinh Tiên Hoàng phất cờ lau đánh giặc, Trần Hưng Đạo phá

quân Nguyên..., tranh sự tích có Trê cóc, Tống Trân Cúc Hoa, Kiều... ngoài ra còn tranh các con vật, tranh tứ quý mềm mại tươi mát ý nhị, tranh Tố nữ tươi mát, duyên dáng. Có tranh khổ lớn như Lý ngư vọng nguyệt, Chim công múa với màu sắc hòa hợp, tứ tranh hàm súc...

Tục vào đám rước lễ diễn ra vào tháng 2 âm lịch, vào hè thì làm lễ cầu mát và tục này vẫn duy trì đến trước năm 1945, sau đó do chiến tranh, dân bỏ nhà tản cư nên mất hẳn.

Tự Thấp không chỉ nổi danh là một làng tranh dân gian mà thế kỷ XIX còn nổi tiếng bởi có trường đại tập Hồ Đình (nay là báo Nhân Dân). Người sáng lập là tiến sỹ Vũ Tông Phan, ông đỗ tiến sỹ triều vua Minh Mạng, không ra làm quan mà mở trường dạy học, học trò của ông sau này có nhiều người thành danh và làm quan triều vua Tự Đức như: Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Trọng Hợp.

Thôn Tự Thấp hiện có hai ngôi đình là Đông Hương vốn trước kia là đền thờ ca nương Đào Thị Huệ, người đã có công giúp Lê Lợi diệt giặc Minh. Theo truyền thuyết Đào Thị Huệ múa hay hát giỏi, mở quán rượu, giặc Minh đến uống rượu xem hát bị chuốc say bí tỷ, sau đó ca nương sai nhét vào bao khiêng ném ra hồ Lục Thủy (tức hồ Gươm ngày nay). Thấy mất lính, chúng cho người dò xét và phát hiện ra việc làm của ca nương nên đã sát hại. Kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, để ghi công, Lê Lợi đã cho xây đền phong ca nương làm "Phúc thần duệ hiệu kiến quốc Trinh liệt phu nhân".

Phía dưới đình Đông Hương là đình Nam Hương, đình thờ Bạch Mã và Linh Lang. Năm 1884, công sứ Bonal quyết định chỉnh trang Hà Nội, việc đầu tiên Bonal cho làm con đường vòng quanh Hồ Gươm. Con đường đi qua thôn Tự Thấp nên nhiều nhà dân mất đất phải chuyển đi nơi khác. Phố Hàng Trống cũng được chỉnh trang và mở rộng nên một phần đình Nam Hương bị lấy đất, Bonal cho chuyển đình sang bên số lẻ và khách sạn Apricot hiện nay chính là một phần đất đình Tự Thấp xưa.

Theo cơn gió thời cuộc

Mặt đình thôn Tự Thấp lúc chưa bị chuyển về vị trí hiện nay quay về hướng Nam. Chiều ngang bắt đầu từ cuối khách sạn Apricot đến gần cây muỗm bên phía Bờ Hồ. Cây muỗm này nằm bên tay trái gần cổng đình. Khi công sứ Bonal giải tỏa nhà dân để làm đường năm 1884 đã cho giữ lại cây muỗm.

Sau khi làm đường quanh Hồ Gươm, chính quyền thành phố cho mở rộng phố Hàng Trống. Dân sợ các "quan Tây" có súng dài buộc phải đồng ý đền bù giá rẻ mạt. Bằng chứng của việc thu đất là giếng khơi ở nhà số 138 Hàng Trống nằm gần cuối thửa, khi bị lấy đất cái giếng lại nằm ở giữa nhà. Cho đến khi Apricot mua lại để sáp nhập vào số nhà 136 thì giếng này vẫn còn.

Trong toan tính quy hoạch của chính quyền khi đó thì khu vực phía Đông, phía Nam và phía Tây Hồ Gươm sẽ trở thành khu phố dành riêng cho người Pháp, vì thế năm 1886, Tổng trú sứ Paul Bert đã ra văn bản bắt buộc dân mặt phố Hàng Trống phải xây nhà gạch, sau một năm không thực hiện chính quyền sẽ trưng mua. Dân ở khu vực này và các khu vực khác trong thành phố khi đó vừa chạy loạn trở về, lại bị quân Cờ Đen cướp bóc nên không nhà nào có điều kiện xây. Họ đành phải bán lại và những người mua được hầu hết là người Pháp có tiền. Năm 1888, vua Đồng Khánh ra Đạo dụ, cắt một phần đất của tỉnh Hà Nội cho Pháp lập thành phố Hà Nội nhượng địa (tương ứng từ Bệnh viện 108 chạy qua phố Tràng Tiền-Tràng Thi đến Văn Miếu ngược lên đầu đường Thanh Niên vòng về Yên Phụ-Trần Khánh Dư-Trần Nhật Duật hiện nay). Nhà Nguyễn không có quyền hành gì ở đất nhượng địa và thành phố Hà Nội nhượng địa hoàn toàn theo luật Pháp quốc nên chính quyền càng dễ dàng giải tỏa để lấy đất.

Tết năm 1893, tòa đốc lý (tương đương UBND Thành phố hiện nay) khánh thành con đường quanh Hồ Gươm thì khu phố Pháp ở phía Đông và phía Nam Hồ Gươm đã có nhiều nhà xây, còn phía Tây (từ ngã ba Hàng Trống-Nhà Thờ đến ngã tư Hàng Trống-Tràng Thi hiện nay), đã từng từng Grand Hôtel (nay là Intimex). Khách sạn này xây năm 1889, cao 2 tầng có 50 phòng. Đây là khách sạn xây đầu tiên ở Hà Nội, có phòng tắm nước nóng và bàn bi a đầu tiên ở Hà Nội. Vì chưa có điện nên ban đêm họ thắp đèn măng xông. Trước mặt Grand Hôtel, chủ cho dựng chòi lá ngay sát hồ để khách ngồi uống rượu vang hay ngắm cảnh hồ lúc hoàng hôn. Dưới hồ có 2 chiếc thuyền chờ du khách đi ra Tháp Rùa.

Ngay gần đó, nằm chếch về phía Nam khách sạn Apricot hiện nay là khách sạn đầu tiên ở Hà Nội, theo kiểu tường đất, lợp lá, cửa ra vào là tấm phen, cửa sổ là tấm liếp. Bác sỹ Hocquard đã mô tả trong cuốn Một chiến dịch ở Bắc Kỳ "Vào mùa đông, cái rét đầy hơi ẩm làm tái tê du khách châu Âu nhưng vào mùa hè thì lại quá nóng bức bởi cái cửa sổ bé tí và mái nhà quá thấp". Thế nhưng năm 1883, các phóng viên của tờ Le Figaro, Hãng thông tấn Havard đi theo đội quân xâm chiếm thuộc địa vẫn phải thuê ở. Chủ của



Cầu Thê Húc lối vào đền Ngọc Sơn xưa.

khách sạn đất là một hào mục của thôn Tự Thấp. Khi Grand Hôtel xuất hiện thì khách sạn đất bị chính quyền phá bỏ để mở rộng đường.

Năm 1886, các công trình như Tòa đốc lý, Bưu điện, Ngân hàng và Bắc Bộ phủ bên phía Đông Hồ Gươm đang xây dựng. Trúng thầu hầu hết là các công ty từ Pháp sang. Không chỉ xây công trình dân sự mà họ còn tham gia xây các công trình quân sự nên nhu cầu nhập thiết bị, vật liệu từ châu Âu là rất lớn. Lại thêm hàng loạt các công ty thương mại của Hoa kiều ở Hà Nội nhập khẩu hàng tiêu dùng, thực phẩm từ Pháp, Hồng Kông, Ma Cao, Thượng Hải... nên cần phải có phòng thương mại để cấp phép và quản lý. Vì thế năm 1892, toàn quyền Đông Dương Lanessan (lúc này gọi là toàn quyền) quyết định xây Phòng Thương mại Pháp ở chính vị trí nền đình Tự Thấp. Lý do họ chọn vị trí này vì sau giải tỏa đình, nó là đất công và nằm ngay gần Ngân hàng Đông Dương (báo Nhân Dân hiện nay). Ban đầu Phòng Thương mại Pháp chỉ là những dãy nhà xây một tầng lợp ngói. Phía trên phòng thương mại là nhà tư của một người Pháp (trước 1954 là số nhà 52 Hàng Trống), phía dưới cũng là nhà tư (sau 1954 số mới là 138 phố Hàng Trống). Thửa đất bên trên số nhà 52 còn trống nên năm 1899, toàn quyền Đông Dương cho

xây Phòng thí nghiệm Nông nghiệp (sau 1954 là tập thể của Trung ương Đoàn, trước cửa lối vào hiện vẫn còn tấm biển bằng tiếng Pháp).

Và cũng từ khi hình thành khu phố Pháp ở phía Tây hồ Gươm, đầu ngã ba Hàng Trống-Nhà Thờ có trạm gác, cảnh sát Pháp không cho người Việt đi lại, còn nhân viên làm cho các công ty phải có giấy xác nhận, xe tay có khách mới được vào. Trong cuốn Nhớ gì ghi nấy, nhà văn Nguyễn Công Hoan kể rằng đầu thế kỷ XX, khi ông trọ học gần khu vực này thỉnh thoảng được cánh xe tay nhờ ngồi lên xe để họ xuống cuối phố đón khách. Năm 1914, nước Pháp bị cuốn vào chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhiều thanh niên Pháp phải về nước tham gia chiến đấu bảo vệ tổ quốc nên dân Pháp ở Hà Nội thưa thớt. Trạm gác ở Hàng Trống-Nhà Thờ bị xóa bỏ, người Việt Nam được phép đi lại tự do ở phố Hàng Trống. Chiến tranh kết thúc người Pháp lại ồ ạt qua Hà Nội tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Và cũng năm này, Phòng Thương mại Pháp chuyển địa điểm về phố Ngô Quyền. Nguyễn Lan Hương (đi lính thợ ở Pháp năm 1914, kết thúc chiến tranh

thế giới thứ nhất ở lại Pháp học nghề ảnh về Hà Nội) năm 1921 mua lại nhà 52 Hàng Trống mở hiệu ảnh Hương Ký. Năm 1920, vị trí Phòng Thương mại Pháp ở Hàng Trống trở thành Trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương. Chính quyền cho nâng cấp thành nhà ba tầng làm lớp học còn ký túc xá sinh viên ở phố Hai Bà Trưng (góc Hai Bà Trưng-Hàng Bài hiện nay). Năm 1927, trường có một sinh viên người đậm, hơi thấp nhưng có đôi mắt sáng, quê Nam Định vào học năm thứ nhất, đó là ông Trường Chinh (1907-1988). Ông từng giữ các chức vụ: Chủ tịch Quốc hội, chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, ông còn là nhà thơ với bút danh Sóng Hồng).

Từ khi có Trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương thì phố Hàng Trống không còn là khu phố Tây nữa, một số người Pháp làm ăn thua lỗ đã phải bán nhà. Cuối năm 1940, phát xít Nhật vào Việt Nam, chính phủ Pháp lúc đó chỉ còn trên danh nghĩa, khu đất Trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương (đã chuyển sang chỗ khác) bị bán đi và người trúng thầu là ông Công Tu Nghiệp (chủ khách sạn Phú Gia).

Từ đình Tự Thập đến khách sạn Apricot

Công Tu Nghiệp người làng Phú Gia (Phú Thượng ngày nay), vốn được một gia đình người Pháp nhận làm con nuôi và cho học nấu ăn. Sau này ông xin được lập nghiệp riêng và trở nên giàu có sau khi mở khách sạn ở Hàng Bông, khoảng năm 1936 (hoặc 1938) ông mua căn nhà ở 17 phố Lý Quốc Sư hiện nay. Ông có hai người vợ, bà cả cùng quê Phú Gia, bà hai quê ở Thái Bình. Những năm 1940, dân Phú Gia cứ nghe tiếng còi

ô tô bim bim ở đâu làng là biết xe ô tô của Công Tu Nghiệp về làng. Công Tu nghiệp là người Phú Gia đầu tiên có xe ô tô và cũng nằm trong số ít ở nhà tư sản dám chơi ô tô khi đó. Trong cuốn hồi ký Những ngày tháng khó quên của nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa Vũ Ngọc Phan thì “Buổi tối đi bên này Hồ Gươm nhìn sang Phú Gia ánh đèn điện sáng trưng, tối thứ bảy toàn khách sang đến đây ăn uống”.



Phố Hàng Trống xưa với Phòng Thương mại Pháp. Ảnh chụp năm 1892.



Toàn cảnh Hồ Gươm hôm nay nhìn từ phía phố Hàng Trống và Lê Thái Tổ. Ảnh: PieroHN

Trước khi diễn ra Lễ Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945, Hương Ký khi đó là công ty Việt Nam duy nhất có máy quay phim đã nhận lời với ban tổ chức sẽ quay sự kiện này. Không chỉ có máy, Hương Ký còn có kinh nghiệm vì những năm cuối thập niên 20 thế kỷ XX, Hương Ký đã bỏ tiền sản xuất nhiều phim câm và sau là phim có tiếng. Trưa ngày 2/9 các nhân viên của Hương Ký đã có mặt ở Ba Đình mang theo máy quay Arriflex. Khi quay xong mang về 52 Hàng Trống để tráng thì phim hỏng hết, Hương Ký không dám báo với ban tổ chức, chỉ khi có người đến hỏi thì Hương Ký mới dám thú thật. Song những thước phim về Lễ tuyên ngôn độc lập mà Việt Nam đang lưu giữ do Hương Ký quay rồi giấu đi hay do phái bộ quân sự Mỹ khi đó tham gia sự kiện này quay còn là câu hỏi chưa có lời đáp. Chuyện đó bị lãng quên vì Pháp tái chiếm Hà Nội tháng 12/1946. Tại sao Hương Ký bán nhà 52 Hàng Trống cho Phú Gia cũng là câu hỏi, vì Hương Ký không thiếu tiền. Sau khi mua, Công Tu Nghiệp nối với Phú Gia nên mặt tiền rộng hơn. Khách ở Phú Gia phần lớn là người nước ngoài và các “anh hai Sài Gòn” ra vì vị trí thuận tiện và các món đặc sản vô cùng nổi tiếng toàn xứ Bắc Kỳ. Trong năm 1953-1954, nhiều phóng viên quốc tế đã ở đây để theo dõi và đưa tin trận chiến Điện Biên Phủ. Nhưng thời thế đã đổi khác...

Ngày 10/10/1954, bộ đội từ chiến khu về tiếp quản Thủ đô, rất nhiều nhà tư sản, trí thức lớn, bác sĩ ở Hà Nội đã bỏ tư gia

di cư vào Nam nhưng Phú Gia quyết định ở lại. Từ năm 1955 đến 1957, thành phần kinh tế tư nhân vẫn hoạt động bình thường, báo tư nhân vẫn xuất bản, các nhà máy xí nghiệp của chủ không di cư vẫn sản xuất dù cầm chừng. Nhưng thương mại và dịch vụ thì sa sút hẳn vì không còn khách phương Tây, khách Sài Gòn cũng không còn vì vĩ tuyến 17 tạm chia cắt hai miền, tầng lớp trung lưu thưa thớt và họ bắt đầu kín đáo trong sinh hoạt. Cái tên Phú Gia lừng lẫy giờ đều hui, vắng khách.

Tháng 9/1958, Hà Nội bắt đầu thực hiện cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh vì Chủ nghĩa Xã hội chỉ chấp nhận hai thành phần kinh tế là nhà nước và tập thể. Hàng loạt nhà máy xí nghiệp, khách sạn trở thành công ty hợp doanh trong đó có Phú Gia. Các hiệu ảnh, cửa hàng cắt tóc, xe xích lô vào hợp tác xã. Ngày 15/12/1959, nhà tư sản thương nghiệp Phương Xuân Thực ở 23 Hàng Bồ là phó ban vận động công tư hợp doanh quận II (sau đổi thành quận Hoàn Kiếm) bị bắt vì tội phân tán tài sản. Em gái Công Tu Nghiệp xuống thăm anh phải đến ban đêm vì trong giai đoạn này ai quan hệ với các nhà tư sản có thể bị nghi ngờ tẩu tán tài sản. Nhiều nhà tư sản chấp nhận hiến phần hợp doanh cho nhà nước và các công ty hợp doanh trở thành công ty nhà nước. Phú Gia cũng như vậy. Trong suốt thời gian chống Mỹ và bao cấp cũng giống như các công ty dịch vụ khác, Phú Gia thực hiện theo kế hoạch cấp trên đề ra.



Năm 1986, Việt Nam thực hiện Đổi mới, chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế tự hạch toán, nhưng trước đó, năm 1985, quán cà phê Bốn Mùa và Phú Gia đã nhạy bén đổi mới trước. Tăng một khách sạn này làm lại nội thất, buổi sáng bán phở, cà phê và nước giải khát, cung cách phục vụ có khác, không dừng dưng cao ngạo nên thu hút khá đông khách đến ăn sáng và uống cà phê.

Đầu những năm 1990, tối tối Phú Gia đón vị khách "đặc biệt". Đó là một thanh niên, anh ta không uống cà phê mà uống rượu Johnnie Walker. Bây giờ "Jon đỏ" là hàng thấp nhất trong dòng whisky nhưng vào thời điểm đó nó thuộc top đầu. Anh ta không gọi cả chai mà nhâm nhi ly lẻ. Có hôm ngồi một mình, có hôm thì ngồi với bạn và khi tính tiền thì hôm ít là 1 triệu, hôm nhiều hơn 2 triệu đồng (tỷ giá chợ đen là 100 đô-la Mỹ ăn 1.100.000 đồng). Cứ đều đặn như vậy một năm trời. Có hôm uống xong anh ta cởi áo bơi sang Tháp Rùa rồi lại bơi về, để cả quần áo ướt đi về nhà. Anh ta chính là nhà văn Nguyễn Việt Hà, người nổi danh với tiểu thuyết Cơ hội của chúa, Khải huyền muộn và năm 2014 là Ba ngôi của người. Tập tản văn Con giai phố cổ trở thành cuốn sách bán chạy nhất trong năm 2013, 2014.

Năm 1995, nhà nước chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thành phố Hà Nội cũng phải thực hiện chủ trương này và Phú Gia từ khách sạn tư nhân thành khách sạn nhà

nước nay lại trở thành khách sạn cổ phần. Khi hội đồng quản trị quyết định xây mới để tăng thêm công suất phòng thì có ý kiến muốn mua thêm số nhà 138 Hàng Trống để mở rộng mặt tiền. Việc mua lại số nhà này là câu chuyện dài vì gia đình đó rất đông anh em. Ông chủ ngôi nhà trước năm 1954 lái xe ở Đại sứ quán Pháp, sau 1954, ông tiếp tục lái cho Đại sứ quán Pháp ở Hà Nội cho đến khi nghỉ hưu. Trong thời gian mua bán giữa hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phú Gia với những người có quyền lợi theo pháp luật chưa xong, ngôi nhà không được tu sửa đã xuống cấp, tường tróc lổ, mặt tiền rêu phong, dương xỉ mọc um trên ban công. Một vài tờ báo không hiểu lấy tư liệu ở đâu dựng lên đủ thứ chuyện khiến nhiều người có công việc về muộn không dám đi qua Hàng Trống mà tránh ra phố Lê Thái Tổ. Cuối cùng việc mua bán kết thúc, Phú Gia cũ bị phá đi để xây mới và mang cái tên khác: Apricot.

Người Việt Nam xưa khi xây chùa, dựng đình bao giờ cũng nhờ thầy phong thủy, xem đất, xem hướng. Và thường thì chùa bao giờ cũng ở ngoài làng và đình, nơi sinh hoạt cộng đồng, thường nằm giữa làng. Theo tâm linh người Việt, đất đình, đất chùa là đất "mát mẻ". Cũng chẳng phải vô cơ mà Vũ Tông Phan đổ tiền sữ đời vua Minh Mạng từ quan đi dạy học lại chọn thôn Tự Tháp mở trường Hồ Đình (nay là báo Nhân Dân). Từ đất đình Tự Tháp đến khách sạn Apricot còn nhiều câu chuyện khác, chúng tôi sẽ kể thêm khi có điều kiện. ■

From Tu Thap Hamlet to Apricot Hotel

🌟 Words by Journalist Nguyen Ngoc Tien

From Tu Thap painting village...

On the banks of the legendary Hoan Kiem (Returned Sword) Lake today proudly stands the elegant Apricot Hotel. The hotel has restored the area's former glory, replacing the delapidated Phu Gia Hotel-Restaurant⁽¹⁾ that had stood there before the national renewal process. Turning back the wheels of time, the land where Apricot Hotel stands was also part of the distinguished Tu Thap Painting Hamlet.

At the end of the Tran Dynasty, Hang Trong Street was still part of a dyke system that prevented the Cai River (Red River) from flooding Phung Thien Palace (East of Thang Long Citadel) during the rainy season. The dyke ran through many streets including Dong Bo Dau (Hang Than today), Hang Duong, Hang Ngang, Hang Dao, Ba Trieu and Nguyen Du. Evidence of its existence can be seen easily as Hang Trong is still higher than Le Thai To, and there is an incline between Hang Trong and Bao Khanh Street. On the other side of the dyke was a long lake named Luc Thuy or Green Water under the Le Dynasty.

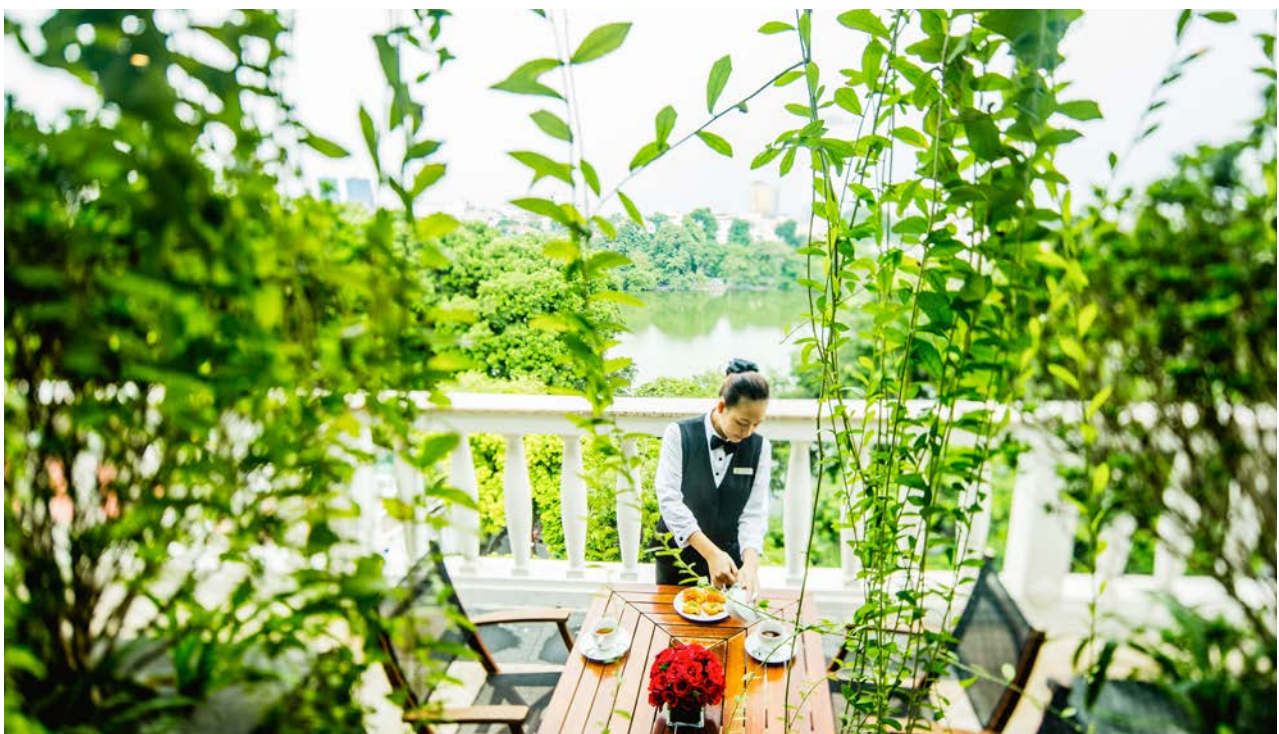
At first, Tu Thap Hamlet stood inside the dyke, but under the Le Dynasty, the dyke was demolished and a new one was built on the other side of Luc Thuy, and Tu Thap Hamlet has extended to the edge of the lake ever since. Legend has it that this was where Emperor Le Loi returned the magic sword to the Golden Turtle God, but nobody knows when the

legend started.

At the end of the Le Dynasty, Lord Trinh built a grand palace in the south of Tu Thap Hamlet, which is now home to the National Library on Quang Trung Street. A new road was also built leading to Ngu Long Palace to the north of Hoan Kiem Lake, which divided the lake into two parts, known as Ta Vong (now known as Hoan Kiem Lake) and Huu Vong (later filled in). When King Minh Mang implemented his administrative reforms, Tu Thap Hamlet became part of Thuan My Commune, Tho Xuong District, Ha Noi Province. Based on a map drawn in 1873 by Pham Dinh Bach from Hanoi's Geography Department, Tu Thap Hamlet started from Hang Trong at the Nha Tho fork and ended where the Intimex building stands today.

Painting is a long-standing tradition in Tu Thap Hamlet. In "Tu khuc thoi vinh", a four-season poem by the celebrated

Photo of Sword Lake taken from the Library of Apricot Hotel



Hoang Sy Khai, it mentions a local custom of hanging paintings from Hang Trong above the front door of people's houses to drive away ghosts and demons.

Chung Quy⁽²⁾ is portrayed so vividly

Along with him, the incantations and wind chimes drive away devils

and

On the gate, a painting of a cockeral hangs to ward away spirits

In the garden, an apricot is in blossom

Doctor Hocquard Edouard, who followed the French Foreign Legion troops to Tonkin in 1883, also describes the printing and selling of paintings on Hang Trong Street in a book entitled: *A Campaign in Tonkin (Une Campagne au Tonkin)*, published in Paris in 1892.

He wrote: "From children to the elderly, all are bent over wooden frames, filling them with colors, while paintings can be seen on the surrounding walls and pillars rising up to the ceilings."

Tu Thap paintings are now known as Hang Trong (Drum Street) paintings after the drum shops that sat at one end of the street. As well as paintings, Hang Trong was famous for a variety of traditional products, including drums, embroidery and pearls. At the beginning of the 20th century, embroidery was sold to French soldiers as souvenirs, earning it the alternative name of Hang Theu or Embroidery Street.

The villagers did not create the traditional paintings from scratch. They actually employed artisans sketch their ideas, and the best drafts were sent craftsmen who carved them into woodblocks. However, neither the artists or the craftsmen know clearly about the villagers' secret of applying colours on their products. The paintings are filled with refined dark and light hues that is due to the combination of printing strokes with black colour by woodblocks and using soft brushes to apply colours.

Hang Trong paintings are usually used for worshipping or decorative purposes. They are sold the year-round, while festive paintings are only available over Tet. They are inspired by mysterious spirits, like the Black Tiger, White Tiger and Five Tigers, or the legends of the Trung Sisters riding elephants, Dinh Bo Linh raising reeds to fight the enemy,

and Tran Hung Dao's victory over Mongol Yuan invaders. Other paintings use folk characters as their subjects, such as Tre Coc (The chronicle of the catfish and the frog), Tong Tran Cuc Hoa (characters in a traditional epic poem in lục bát verse from 18th or 19th Century Vietnam), Kieu (an epic poem in Vietnamese written by Nguyen Du, and is widely regarded as the most significant work of Vietnamese literature) or events or people of the daily life like "Tu Quy" (Four Seasons) and "To Nu" (Four Lady Musicians). Among the most famous paintings are "Ly Vong Nguyet Cau (Carp Looking at The Moon) and "Chim Cong Mua" (Peacock Dance"), which are vivid and vibrant thanks to their bright colors and intricate details.

As well as its traditional folk paintings, Tu Thap was also well known for Ho Dinh School, which is now the headquarters of the People's Newspaper. The school's founder was Vu Tong Phan, a first- rank Doctoral Laureate⁽³⁾ under the reign of King Minh Mang who rejected life as a mandarin. Instead, he selected to be a teacher, and opened Ho Dinh School to provide an education for local students. Many of them went on to become mandarins under the reign of Emperor Tu Duc, and even made their own places in history like Nguyen Tu Gian and Nguyen Trong Hop.

Back then, Tu Thap Hamlet also had two temples. One of them was Dong Huong where ceremonial singer Dao Thi Hue used to perform. The story goes that under the Ming occupation, the beautiful singer opened a tavern to lure Ming aggressors and get them drunk, before putting them in sleeping bags and throwing them into Luc Thuy Lake at night. Discovered later, she was captured and killed by the enemy. When Emperor Le Loi won back independence for Vietnam from China in 1428, he decided to build this temple to worship the singer.

Deeper into the hamlet was Nam Huong Temple, where Bach Ma and Linh Lang were worshipped. In 1884, French envoy Bonal decided to make some changes to Hanoi's architecture, and one of his decisions was to build a road around Hoan Kiem Lake, which passed across Tu Thap Hamlet forcing some households to relocate. The temple was also later moved to the other side of the street, and the land where Apricot Hotel stands today was part of the original ancient building.

1 - Phu Gia Hotel-Restaurant was a hotel combined with a restaurant which offered a variety of dishes from Europe to Asia.

2 - Chung Quy is a figure from Chinese folklore, a vanquisher of ghosts and evil beings.

3 - During Viet Nam's dynastic period, students who had completed ten years of study took part in the provincial examination (Thi Huong), which were held every three years. Those who passed with high marks were called cu nhan, and those with lower marks were called tu tai. Cu nhan continued their studies another three years to participate in the Metropolitan Examination (Thi Hoi). Those with high marks took part in the Highest Imperial Examination (Thi Dinh). Those who passed the thi Dinh were called Doctoral Laureate (Tien Sy).



The artistic ambience of Apricot Hotel's lobby.

Changes over time

Before alterations were made, the main temple in Tu Thap Hamlet faced the South. Its front extended from one end of Apricot Hotel today to a horse mango tree standing next to Hoan Kiem Lake. Envoy Bonnal Raymond decided to keep the tree when he scheduled site clearance to build new roads in the area in 1884.

After the roads around Hoan Kiem Lake were completed, municipal authorities started to expand Hang Trong. Local residents, threatened by "Western mandarins" who had long rifles, reluctantly agreed to receive under-market-price land compensation.

Under the city's master plan, the East, the South and the West of Hoan Kiem Lake would become French neighborhoods. As a result, Paul Bert, the Governor-general of Annam and Tonkin (now Vietnam), issued a document to ask Hang Trong's residents to build brick houses within a year, otherwise they would have to sell their land to the city. Most local people, who just came back from fleeing, and many of whom were robbed by Co Den robbery gang, did not have enough money to do so, and were forced to sell their land to rich French buyers. According to historical records, in 1888, King Dong Khanh issued an official document to grant part of Hanoi to the French. Hanoi Nhuong Dia was established, covering the streets from Trang Tien-Trang Thi to Van Mieu, Thanh Nien, Yen Phu, Tran Khanh Du and Tran Nhat Duat. Under French law, the Nguyen Dynasty had no

rights to Hanoi Nhuong Dia, so the colonial authorities were able to take more land from local residents.

During the Tet holiday in 1893, the Town Hall (Hanoi People's Committee today) opened a road around Hoan Kiem Lake. At that time, many villas and mansions had already been built in the French Quarter to the East and South of the lake, while to the West was the Grand Hotel (Intimex building today), the first of its kind in Hanoi. Coming to life in 1889, the hotel had two floors, 50 rooms, hot-water and billiardstables. Since there was no electricity, manchon lights were used to light up the hotel. At the front was a lakeshore camp for visitors to enjoy wine by the lake, and there were also two boats waiting to transfer guests to the Turtle Tower in the middle of Hoan Kiem Lake.

In fact, the first hotel in Hanoi was in a nearby neighborhood to the South of Apricot Hotel today. It had earth walls, leaf roofs, wattle doors and windows. French doctor Charles-Édouard Hocquard, author of *A Campaign in Tonkin*, described the hotel in his book.

After the roads around Hoan Kiem Lake were completed, municipal authorities started to expand Hang Trong. Local residents, threatened by "Western mandarins" who had long rifles, reluctantly agreed to receive under-market-price land compensation.

Under the city's master plan, the East, the South and the West of Hoan Kiem Lake would become French neighborhoods. As a result, Paul Bert, the Governor-general of Annam and Tonkin (now Vietnam), issued a document to ask Hang Trong's residents to build brick houses within a year, otherwise they would have to sell their land to the city. Most local people, who just came back from fleeing, and many of whom were robbed by Co Den robbery gang, did not have enough money to do so, and were forced to sell their land to rich French buyers. According to historical records, in 1888, King Dong Khanh issued an official document to grant part of Hanoi to the French. Hanoi Nhuong Dia was established, covering the streets from Trang Tien-Trang Thi to Van Mieu, Thanh Nien, Yen Phu, Tran Khanh Du and Tran Nhat Duat. Under French law, the Nguyen Dynasty had no rights to Hanoi Nhuong Dia, so the colonial authorities were able to take more land from local residents.

During the Tet holiday in 1893, the Town Hall (Hanoi People's Committee today) opened a road around Hoan Kiem Lake. At that time, many villas and mansions had already been built in the French Quarter to the East and South of the lake, while to the West was the Grand Hotel (Intimex building today), the first of its kind in Hanoi. Coming to life in 1889, the hotel had two floors, 50 rooms, hot-water and billiard tables. Since there was no electricity, manchon lights were used to light up the hotel. At the front was a lakeshore camp for visitors to enjoy wine by the lake, and there were also two boats waiting to transfer guests to the Turtle Tower in the middle of Hoan Kiem Lake.

In fact, the first hotel in Hanoi was in a nearby neighborhood to the South of Apricot Hotel today. It had earth walls, leaf roofs, wattle doors and windows. French doctor Charles-Édouard Hocquard, author of *A Campaign in Tonkin*, described the hotel in his book.

"The coldness during winter made European tourists shiver to death, but in the summer, it was too hot because of the small windows and low roof". However, in 1883, journalists from *Le Figaro*, a French daily newspaper, who followed the French troops to Vietnam, had no other choice but to rent rooms at the hotel. Its owner was a local hao muc, a notable and influential person from Tu Thap Hamlet. When the Grand Hotel opened, this place was torn down by the city's authorities for new roads.

In 1886, buildings such as the town hall (French: *Maison de Ville*), post offices, banks and Palace of Superior (French: *Palais du Résident Supérieur*) were all constructed on the Eastern side of Hoan Kiem Lake, and the successful bidders for these buildings were mostly French companies. Since these companies engaged in both civic and military constructions, imports of materials and equipment from Europe were in great demand. In addition, a large number of Chinese commercial companies based in Hanoi imported consumer goods and foods from France, Hong Kong, Macau and Shanghai, creating the need for a Chamber of Commerce for the approval and

management of these activities. For this reason, Governor-General of French Indochina Jean-Marie de Lanessan decided to build the French Chamber of Commerce close to where Tu Thap Hamlet used to stand. The reason for his choice of location was that the area now belonged to the State and was close to The Indochina Bank (the People's Newspaper building today). Initially, the French Chamber of Commerce was just a line of single story houses with tiled roofs. On one side of the Chamber of Commerce stood the private home of a French national (this was numbered 52 Hang Trong before 1954), the other side was next to another private establishment (which was renumbered 138 Hang Trong after the year of 1954). Since the plot of land adjacent to the house number 52 was not in use at the time, in 1899, the Indochina had an Agriculture laboratory built on this piece of land (The residential building of the Central Committee of the Communist Youth Union was here during the post-1954 period and there is still a sign written in French hanging at the entrance) we should cut all of this!!!

Following the emergence of a French street to the West of Hoan Kiem Lake, checkpoints were set up at the junction of Hang Trong and Nha Tho. French police forbade Vietnamese nationals from entering the area, and only those with documents who worked for French companies or passenger buses were granted access. In his book entitled "*Nho gì ghi này*", which roughly translates as *Jotting Down Whatever Memory Brings*, writer Nguyen Cong Hoan recounted a story at the beginning of the 20th century about how he was sometimes asked to duck down in the bus when it was driving down the street to pick up passengers. In 1914, when France was engaged in World War I, many French nationals returned home to fight, and not many were left in Hanoi. The checkpoint set up at the junction of Hang Trong and Nha Tho was removed and Vietnamese people were allowed free access to Hang Trong Street. When the war ended, many French nationals returned to Hanoi to look for business opportunities, and the French Chamber of Commerce moved to nearby Ngo Quyen Street. Nguyen Lan Huong was an unskilled worker who stayed in France after the war to study photography. When he returned to the capital, he purchased the house situated at 52 Hang Trong and opened a photography studio named Huong Ky (Country Journal). In 1920, the French Chamber of Commerce on Hang Trong Street was converted into the Indochina Commerce College and upgraded to a three-story building. In 1927, a relatively short, thick-built student with bright eyes named Truong Chinh (1907-1988) from Nam Dinh enrolled as a freshman at the college. He went on to hold positions including Chairman of the National Assembly, Chairman of the State Council and Secretary General of the Communist Party of Vietnam. He was also a poet with the pen name Song Hong.

With the presence of the Indochina Commerce College, Hang Trong Street was no longer considered a Western street and quite a few French businessmen were forced to put their houses up for sale as their profits started to fade. At the end of 1940, Japanese Fascism invaded Vietnam and the French government no longer held any real power in the country. The plot of land where the Indochina Commerce College had stood was sold to Mr. Cong Tu Nghiep, the future owner of Phu Gia Hotel.

From Tu Thap Hamlet to Apricot Hotel

1. Cong Tu Nghiep from Phu Gia Village (Phu Thuong Village today) was adopted by a French family, who sent him to train as a chef. He was then asked to set up his own business and became rich after opening a successful hotel on Hang Bong Street. Between 1936 and 1938, he bought the house at 17 Ly Quoc Su Street. He had two wives, the first from Phu Gia and the second from Thai Binh Province. In the 1940s, residents knew whenever they heard a car honk that Cong Tu Nghiep was visiting. He was the first Phu Gia villager to own a car.

2. The autobiography Unforgettable Days by writer and cultural researcher Vu Ngoc Phan said: "It was impossible to ignore the bright lights of Phu Gia Hotel on the other side of Hoan Kiem Lake. It was always packed with guests on Saturday night."

Before the Declaration of Independence in Ba Dinh Square on September 2nd 1945, Country Journal, the only company to have camera equipment, agreed to film the event. The journal had strong experience in working with the equipment and invested in producing silent movies and then films with sound at the end of the 20th century. At noon on September 2nd, Country Journal's cameraman showed up at Ba Dinh Square with their Arriflex camera. When they got back to the office on Hang Trong, the crew found that the camera reel had been damaged and the material was lost. The company was too scared to inform authorities and they kept quiet. It was only discovered when the organizers asked the journal for the footage.

However, it transpired that Country Journal may have tried to hide the footage for reasons unknown, and it is unclear whether the footage Vietnam currently has archived was shot by Country Journal or by a representative from the American Military Mission, who attended the event to record it.

That story was forgotten after the French reoccupied Hanoi in December 1946, but the reason why Country Journal sold the house at 52 Hang Trong to Phu Gia is also in question as the company was not in a difficult financial situation. After the sale, Cong Tu Nghiep joined the two properties together and widened the front. Most of the clients who stayed at

Phu Gia were foreigners and "Sai Gon bro" due to its good location and well-known Northern specialties. From 1953-1954, many foreign correspondents stayed at the hotel to report on the Battle of Dien Bien Phu Battle, but things changed as time past.

On October 10th, 1954, while many capitalists and well-educated people left Hanoi to migrate to the South when the army returned from Dien Bien Phu to retake the capital, Cong Tu Nghiep decided to stay. Between 1955 and 1957, private businesses continued to function normally. Private newspapers were still published and companies and factories continued to operate, although production was slower. Trade and services, however, were severely hit as there were no more westerners or Saigonese customers due to the divide in the country. The middle class shrank and started to become more cautious with their spending. The once busy Phu Gia became quiet.

In September 1958, Hanoi started reforming its trade structure as communism only accepted two economic parties: the state and cooperatives. A series of factories and hotels including Phu Gia were nationalized. Photo and hairdressing shops and xích lô (cyclo) companies joined different cooperatives. On December 15th, 1959, after bourgeois Phuong Xuan Thuc, who lived on nearby Hang Bo, was arrested for hiding assets from the state, Cong Tu

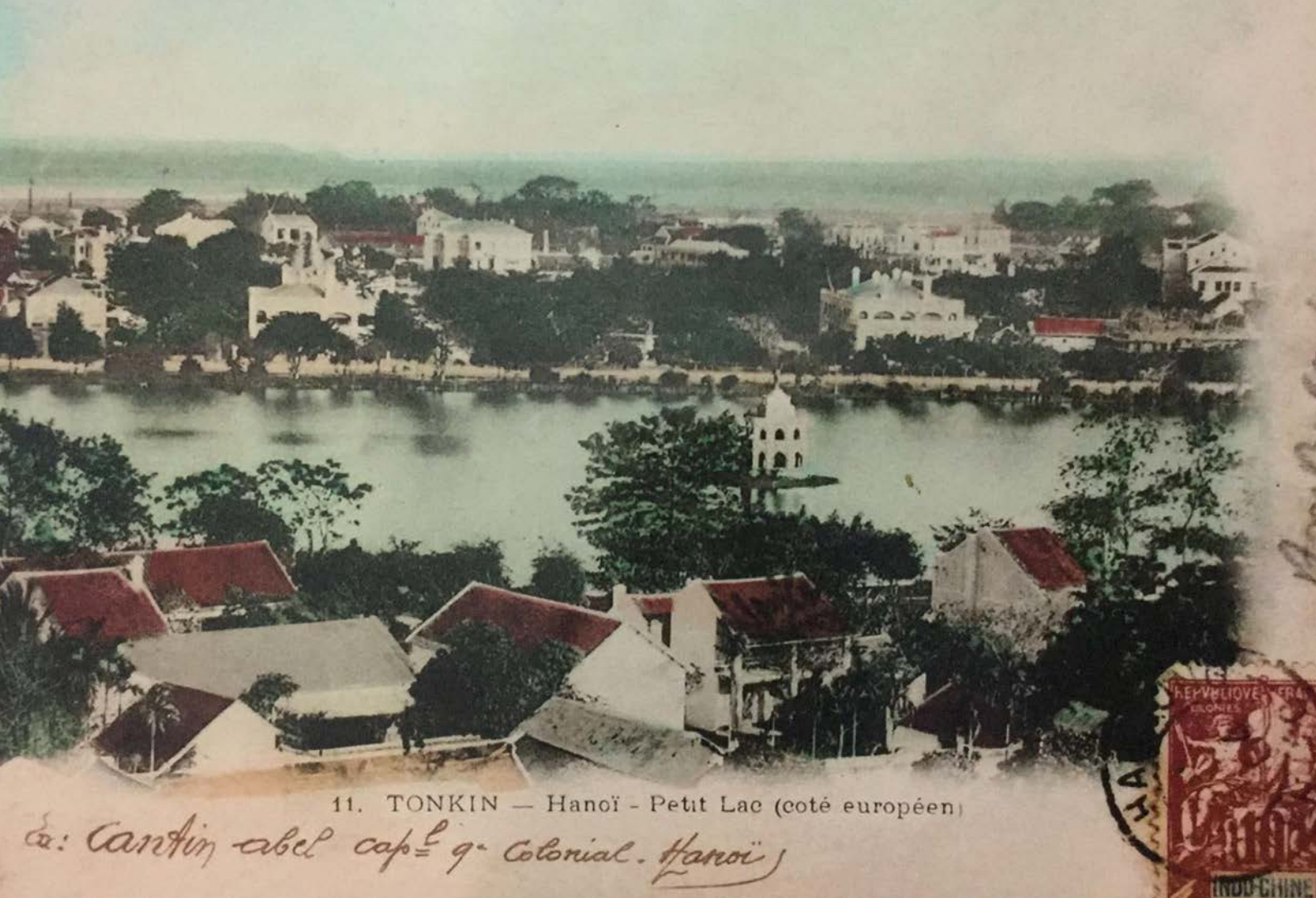


Photo of Hoan Kiem Lake taken in 1910.

Nghiep's family was on high alert for fear of being suspected of the same crime.

As a result, many bourgeois agreed to donate their partnerships to the state, and many became state-owned companies. Phu Gia did the same. During the American War and subsidy period, like many other companies involved in hospitality, Phu Gia always adhered to these regulations. In 1986, Vietnam started the *doi moi* (renovation) process to move from the subsidy period to a self-financing mechanism. Thanks to some shrewd thinking, The Four Seasons Café and Phu Gia started the process earlier than their rivals. The first floor of the hotel was turned into a restaurant serving pho and drinks. The attitude was service oriented, which was different from the arrogant and bureaucratic style of state-owned companies, and attracted a significant number of customers.

At the beginning of the 1990s, Phu Gia had a "special" customer every night. He never ordered coffee, only Johnnie Walker, which was a luxury spirit back then. He normally ordered by the glass. Sometimes he was by himself, and other times he was joined by friends, but his bill was never less than one million dong (nearly \$100 at that time). It was like that for a year. He even jumped into Hoan Kiem Lake to swim across to the Turtle Tower and then went home with soaking wet clothes. He was writer Nguyen Viet

Ha, who became famous for the novels *The Chance of God*, *Late Beginning* and the newly published *Three Pronouns of Human Beings*. His book *Old Quarter Boys* was also a best seller in 2013 and 2014.

In 1995, the government started its privatization policy, which included Hanoi. Phu Gia became state-owned and restored as a joint-stock hotel. When the management board decided to rebuild the hotel to improve the room capacity, a suggestion to buy the house at 138 Hang Trong was made to expand the front. The purchasing process was a long story as the large family made the negotiations complicated. The owner was a driver at the French Embassy in Hanoi, where he worked until his retirement in 1954. The house became degraded and covered with moss and ferns during the long drawn out negotiations between Phu Gia Joint Stock Company and the parties who had the legal rights to the house. Some newspapers used that to create creepy stories that made people scared of walking down Hang Trong at night. They chose to take Le Thai To instead. When the negotiations were finally finished, the old Phu Gia was replaced by a brand new hotel named Apricot.

There are many other stories from the land of Tu Thap Communal House and Apricot Hotel, and we promise to tell them another time. ■

Một Thoáng Apricot

✪ Nhà thơ Trần Đăng Khoa

I

Nếu chỉ nhìn thoáng qua cái dáng vẻ bên ngoài, có cảm giác khách sạn Apricot không có mấy đặc biệt. Đẹp. Sang trọng. Hiện đại, nhưng vẫn phảng phất nét cổ xưa. Bởi thế, nó dễ dàng hoà nhập với cảnh quan và môi trường xung quanh của phố Lê Thái Tổ, nơi có những ngôi nhà xây trước đó đến cả hàng thế kỷ. Đó là cái tài đặc biệt của vị kiến trúc sư nào đó đã tạo dựng Apricot. Nhờ thế, nó không thành một vẻ đẹp lạc lõng, trơ trọi và vênh vác nom rất khó chịu như rất nhiều công trình được xây dựng sau này ở không ít tuyến phố trên đất Kinh kỳ này.

Vậy mà rồi chỉ bước qua cánh cửa rất vui vẻ và niềm nở kia, ta đã đến một cõi khác, ở một đẳng cấp khác. Vô cùng sang trọng, ấm cúng và độc đáo. Sự sang trọng, ấm cúng ấy, có thể nhiều khách sạn hiện đại khác của Thủ Đô cũng vươn tới được, nhưng vẻ độc đáo của nó thì không có chốn thứ hai ở đất ngàn năm văn hiến này. Và nếu so với cả thế giới, cứ đem ra mà đong đếm, chắc cũng không hết 5 ngón tay trên một bàn tay.

Apricot là Khách sạn. Nhưng cũng là Bảo tàng Nghệ thuật. Một Bảo tàng sang trọng, hiện đại một cách cổ kính, nhưng lại không có mùi ẩm mốc lưu cữu của thời gian.

Thế mới tài.

Tài thật đấy!

II

Không hiểu sao, câu thơ “Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa”... của cụ Nguyễn Du, nói về nỗi đau bể của mối tình trai gái lại vọng lên trong tâm trí tôi, khi tôi đang thả bước trong bầu khí quyến Apricot này.

Chạnh nhớ Khách sạn Phú Gia xưa, nơi cất giữ nhiều kỷ niệm của đời tôi, của gia đình tôi. Lễ cưới của chúng tôi diễn ra ở đây. Ở cái khách sạn giờ đã xa lắt ấy. Vợ tôi làm lễ tân ở đó 5 năm. Còn mẹ vợ tôi, bà Nguyễn Thị Hồng, một đầu bếp của Phú Gia thì đã có 35 năm gắn bó với mảnh đất này. Trọn vẹn một đời lao động của bà trải qua ở đó. Cứ như lời bà thì Phú Gia xưa nghe nói là một sàn nhảy của Pháp. Sau năm 1958, nó thành Cửa hàng Ăn uống của công ty Thương Mại Hà Nội. Rồi khách hàng không phải chỉ ăn mà còn có nhu cầu được nghỉ lại. Thế là người ta xây thêm, coi nới thêm một số phòng nghỉ, thành Nhà khách của Thành uỷ Hà Nội, rồi lâu dần, nó hoá khách sạn Phú Gia.





Khách sạn Phú Gia! Cái tên nghe rất sang, lại toạ lạc ngay bên Hồ Hoàn Kiếm, lại càng sang trọng. Nhưng bên trong phong phanh chỉ có mấy chục buồng. Giá thuê buồng cũng rẻ. Có buồng chỉ hơn trăm ngàn. Chẳng khác gì một nhà nghỉ bình dân. Khi có đám cưới, người ta chuyển giường ra, lấy chỗ kê bàn ăn. Có phòng khéo xếp lăm cũng chỉ đặt được mấy bàn. Chính vì sự khu biệt, như những hang hốc của một "tổ đế" nhiều hang, do xây dựng chắp vá của thời bao cấp, mà tôi chọn địa điểm này làm nơi tổ chức lễ cưới. Bạn bè tôi đông, lại rất khác nhau về quan niệm nghệ thuật. Chính vì sự khác nhau ấy mà nổ ra nhiều cuộc tranh luận nóng bỏng. Có anh còn "phang" nhau, "nện" nhau chí chết trên văn đàn ở thế giới ảo. Bây giờ lại chạm trán nhau giữa đời thật, khéo tiệc cưới lại thành nơi cãi vã thật thì chẳng còn ra làm sao. Thế là nhà văn Lê Lưu, nhà thơ Trần Nhuận

Minh, nhà lý luận Ngô Vĩnh Bình cứ nở nụ cười hòa hợp, nụ cười tươi xanh suốt bốn mùa mà đón khách, rồi riu rít mời khách vào từng phòng riêng biệt. Mỗi phòng một trường phái. Một cõi riêng chẳng ai biết ai. Thế là tương bưng vui vẻ cả làng.

Hóa ra đối với tôi, Phú Gia là nơi "hòa hợp dân tộc". Còn Apricot bây giờ là chốn "Hội nhập Quốc tế!".

III

Có vào Khách sạn Apricot mới thấy hết cái tài của người sáng lập. Cũng phải là một họa sĩ tài danh, ông mới tạo được sự độc đáo của khách sạn này. Nó là khách sạn, nhưng cũng gần như là Bảo tàng Mỹ thuật. Một bảo tàng sống động, hơn bất kỳ bảo tàng nào ở thành phố ngàn năm văn hiến này. Hơn 700 bức tranh và ký họa. Mà đều là tranh gốc, tranh độc bản của các họa sĩ nổi tiếng nhất của đất nước này, như Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Phan Chánh... Không thể kể hết tên các họa sĩ. Trong đó có cả những họa sĩ trẻ mà tác phẩm của họ luôn được giới sưu tập tranh săn tìm cả trong nước và thế giới.



Đám rước - Bùi Hữu Hùng - Sơn mài trên toan

Ở đây, nhìn đâu cũng thấy tranh. Tranh treo trong phòng. Tranh trưng bày dọc các hành lang. Nhiều bức ký họa rất nổi tiếng, vào đây, ta mới được chiêm ngưỡng bản gốc. Rồi ta ngỡ ngàng nhận ra rằng, hình như cái toà nhà trắng lệt này sinh ra là để treo tranh, chính nó làm cho những bức tranh thoát khỏi kiếp cầm tù của những xác ướp lạnh lẽo mà ta thường thấy trong các viện bảo tàng nghệ thuật. Bức tranh nào vào đây cũng như được sống lại, nó đang sống một cuộc sống đặc biệt. Rồi chính sức sống mãnh liệt của nó đã trở thành tâm hồn của cái khách sạn bảo tàng đặc biệt này. Không phải khách sạn nào cũng có tâm hồn. Thế mà Apricot có tâm hồn đấy. Và như thế, nó thành cơ thể sống!

Khách vào đây như người thường thức nghệ thuật. Có thể đi miên man chiêm ngưỡng những tác phẩm đặc sắc của các họa sĩ hàng đầu Việt Nam. Vừa xem tranh, vừa được nghỉ trong những căn phòng sang trọng ở giữa trung tâm Thủ đô văn hiến. "Ông có định mở rộng đến cả những bức tranh của các họa sĩ nổi tiếng thế giới không?" Tôi hỏi Ngô Tấn Trọng Nghĩa (một cổ đông trong công ty). "Không! Đây là Việt Nam. Vì thế, chỉ nên tôn vinh các họa sĩ Việt Nam thôi! Trừ tượng, quả là mình không có nhiều tượng đẹp, lại phù hợp với không gian trưng bày ở đây, nên em đành phải dùng duy nhất một bức tượng của một nhà điêu khắc Hồng Kông. Còn tranh thì toàn của họa sĩ ta cả. Em cũng muốn chứng minh cho bạn bè quốc tế biết rằng, người Việt không phải chỉ giỏi đánh giặc. Người Việt còn biết làm nghệ thuật. Và nghệ thuật ở đỉnh cao. Ngoài các tầng trên trưng bày những tác phẩm hội họa đặc sắc, Apricot còn có một phòng biểu diễn sang trọng với hơn 300 ghế ngồi ở tầng hầm nữa. Khi vào nghỉ ở đây, bạn bè trong nước và quốc tế có thể thưởng thức những ca khúc, những làn điệu dân ca đặc sắc nhất của 54 dân tộc Việt Nam".

Quả là một ý tưởng độc đáo.

Và như thế, với tất cả những gì đã có ấy, Apricot quả là một địa chỉ văn hoá rất đặc biệt và cũng rất hiếm hoi của đất Kinh kỳ. ■

A Glimpse Of Apricot

🟡 Words by Poet Tran Dang Khoa

I

When only glimpsing at Apricot Hotel's exterior, the old adage applies — never read a book by its cover. Beautiful. Luxurious. Modern yet French colonial inspired. This is why it easily blends in with Le Thai To Street's scenery, where many ancient buildings have stood for centuries. The architect behind Apricot has a special talent. Thanks to this design, the hotel's beauty does not seem out of place, bare or even obnoxiously arrogant like many of the modern buildings in the capital city.



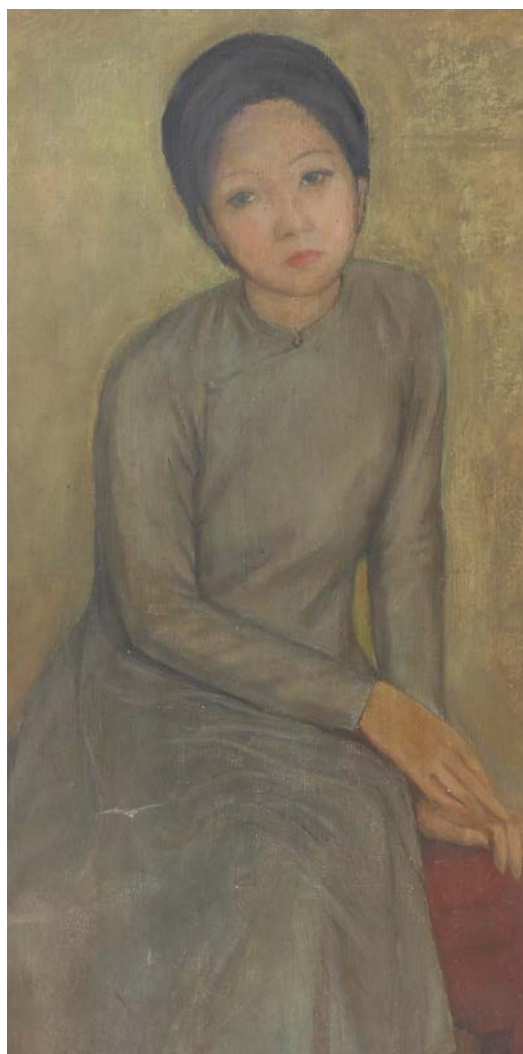
Yet, walking through the cheerful and welcoming doors, we have arrived at a different realm, a different class. It is overwhelmingly luxurious, yet cozy and unique. This luxury and warmth can be seen in many other modern hotels, but Apricot's artistic uniqueness is one of a kind in this thousand-year city. Throughout the world, the amount of hotels similar to Apricot can be counted on one hand.

Apricot is not just a hotel. It is also an art museum. An elegant, modern yet ancient art museum, but without the musty, perennial smell of time.

What a talent.

How wonderful of a talent!

II



Young Girl (1934) - Mai Thu - Oil on canvas

I do not know why, but the line "Dazed with new love, grieved by the old passion" by poet Nguyen Du, which discusses the pain of love, came to my mind when I walked into Apricot.

I remembered the old Phu Gia Hotel, where many of my memories were made. My wedding took place at this long gone hotel. My wife worked as a receptionist there for five years. My mother-in-law, Ms. Nguyen Thi Hong - a chef at Phu Gia, stayed with the place for 35 years. Her entire career took place there. According to her, the old Phu Gia was a French club. After 1958, it became a restaurant owned by the Hanoi Trade Corporation. After a while, their customers did not come only to enjoy meals; they also wanted to stay the night. They started renovating and adding more rooms to accommodate guests, becoming a guest house of Hanoi's People's Committee. As time passed, it became Phu Gia Hotel.

Phu Gia Hotel. The name itself sounded elegant. It was located right next to Hoan Kiem Lake, making it even more luxurious. However, the hotel only had a limited number of rooms. The prices were relatively cheap, some rooms were priced at only hundred thousand Dong. It was no different than an affordable guest house. When a wedding took place there, they had to move the beds to make room for dining tables.

Each room could only hold a few tables. It was because of this layout - similar to the many burrows in a cricket's nest due to the patchwork construction during the subsidy period - that I chose this place to hold my wedding. I had many friends, and they were vastly different in artistic views. Because of these differences, they had a lot of heated arguments. They often "smashed" and "pounded" each other in the virtual world of literature. Now, they had to meet up in the real world, so I was afraid my wedding would turn to a forum for their arguments. On my wedding day, writer Le Luu, poet Tran Nhuan Minh and theoretician Ngo Vinh Binh wore their harmonic, evergreen smiles while receiving my guests, and

then brought the guests into different rooms. Each room had a different school of thought. They were in different realms. So everyone was happy.

For me, Phu Gia was a place for "national reconciliation". Now, Apricot is a place for "international integration".

III

Only when entering Apricot Hotel can one fully witness the talent of its founder. He must be a famous painter to create the artistic ambience of this hotel. It is a hotel, but it is also an art museum. A museum livelier than any museum in this thousand-year city. Over 700 paintings and sketches. And they are all original, exclusive artworks by the most famous artists in this country, like Nguyen Tu Nghiem, Nguyen Sang, Tran Van Can, Bui Xuan Phai, or Nguyen Phan Chanh ...

I cannot name them all. There are also young artists, whose works are always sought after by Vietnamese and international collectors.

Here, you can see art everywhere. Hanging inside the rooms. On display along the hallways. There are many famous sketches. Original artworks you can only see in this hotel.



Street (1962) - Bui Xuan Phai - Oil on plywood

It will soon dawn on you this magnificent building was born to display art. It seems this building liberates the artworks from imprisonment like the cold mummies often seen in art museums. Here, artworks become alive as if they are living, breathing. Their vitality becomes the soul of this special hotel and art museum. Not every hotel has a soul. But Apricot does. It's a living organism.

If they are not already, visitors to the hotel become art enthusiasts. They can wander endlessly admiring the magnificent artworks by Vietnam's leading artists. They can admire the artworks while staying in luxurious rooms right in the center of Vietnam's historic capital city. "Do you plan on extending the collection to feature world-renowned artists as well?" I asked Mr. Ngo Tan Trong Nghia, a shareholder of the company. "No!" he responded. "This is Vietnam. We should only honor Vietnamese artists. Except for sculptures; it

seems that we do not have many beautiful sculptures that fit well with the hotel so I had to feature just one sculpture by a sculptor from Hong Kong. But the paintings here are all by Vietnamese artists. I want to prove to our international friends that Vietnamese are not only good at fighting in wars. The Vietnamese also know art. Art at its peak forms. In addition to the upper floors, which display many unique paintings, Apricot also has a performance hall in the basement with over 300 seats. While staying here, our Vietnamese and international guests can enjoy some of the most beautiful and distinctive folk songs of Vietnam's 54 ethnicities."

What a unique idea.

And so, with all of its features, Apricot is a special cultural palace. That is one of a kind in the capital city. ■

Hanoi Through Our Lens





FROM THE SIMPLE BEAUTY IN OLD PHOTOS
TO THE PRESENT VIEW

Hồ Gươm

Vẻ đẹp mộc qua ảnh xưa tới góc nhìn nay

📌 Phóng sự ảnh: Trọng Chính và các nguồn Ảnh Tư liệu

Photo journal: by Trọng Chính & other Documentary photograph sources.

Ngày nay nếu mạng xã hội là hình thức liên lạc và sẽ chia nhanh chóng các khoảnh khắc chụp được thì những năm đầu thế kỷ 20, việc gửi bưu ảnh cho người thân đã trở thành thói quen của nhiều người. Thử làm một cuộc du ngoạn ngược thời gian qua những bức ảnh xưa chụp Hồ Gươm, trong đó phần lớn là bưu ảnh hoặc ảnh tư liệu của người Pháp chụp vào thời điểm hơn trăm năm trước và theo dấu của những góc này chụp các bức ảnh tương đồng để chứng kiến Hồ Gươm “hôm qua” trong sự thay đổi nhanh chóng của ngày hôm nay.

While social networks become the means of quick communication and sharing of captured moments these days, back in early 20th century, sending postcards to loved ones was the habit of many. Let us take a walk back in time through old photos of Hoan Kiem Lake, the majority of which are either postcards or documentary photos taken by the French about a 100 years ago, to capture similar photos following the path of old photos and to witness the Hoan Kiem Lake of “yesterday” changing into the fast-paced present day.

Toàn cảnh Hồ Gươm về đêm - A panoramic view of Hoan Kiem Lake by night





Toàn cảnh khu vực trung tâm của Hồ Gươm nhìn từ không ảnh - Aerial photograph of the center of Hoan Kiem lake

1 Toàn cảnh khu vực trung tâm của Hồ Gươm nhìn từ không ảnh. Hình ảnh này được máy bay quan trắc của người Pháp chụp khoảng những năm 1926 - 1951. Dù không tìm được gốc chụp chính xác nhưng với 03 góc chụp toàn cảnh từ trên các điểm cao nhất xung quanh hồ: đỉnh cao nhất của tòa nhà Tràng Tiền Plaza, từ tầng cao nhất Avalon Cà phê ở các khung thời gian khác nhau...có thể thấy khung cảnh xung quanh Hồ Gươm đã thay đổi rất nhiều. Duy chỉ còn đó Tháp Rùa cùng với những hàng liễu rủ thơ mộng bên mặt nước hồ vẫn mãi là biểu tượng của trái tim Hà Nội.

Aerial photographs of the center of Hoan Kiem Lake. These were taken by a French observation aircraft between 1926 and 1951. Although the exact camera angles remain unknown, the three panorama photos captured from the highest points around the lake are from: the rooftop of Trang Tien Plaza, the highest floor of Avalon Café taken at different time to allow us to see how much the scenery around Hoan Kiem Lake has changed. Yet, there it still stands – the Turtle Tower embraced by circles of weeping willows around the lake – forever and always being the heart of Hanoi.



Chùa Bảo Ân xưa - nay đã bị phá bỏ để xây dựng tòa nhà Bưu điện Hà Nội - Bao An Pagoda was demolished to build the Hanoi Post Office

2 Bức ảnh tư liệu giá trị này chụp chùa Bảo Ân năm 1884 của bác sĩ Hocquard. Đây là một ngôi chùa lớn, độc đáo từng tồn tại ở ven Hồ Gươm trong khoảng 5 thập niên của thế kỷ 19 với mặt trước quay ra sông Hồng, mặt sau dựa vào hồ. Bốn năm sau khi bức ảnh được chụp, năm 1888 người Pháp đã phá hủy chùa Bảo Ân để xây bưu điện Hà Nội. Trên dải đất của chùa giờ đây là toà nhà 5 tầng của Bưu điện thành phố Hà Nội ở số 75 Đinh Tiên Hoàng, nơi giao dịch của rất đông khách trong và ngoài nước.

This valuable documentary photo of Bao An pagoda was taken by Dr. Hocquard in 1884. Bao An was a large and unique pagoda standing at the side of the Hoan Kiem Lake for around 5 decades in the 19th century. The pagoda had its front facing the Red River and its back resting against the lake. In 1888, four years after the photo was taken, the French had Bao An pagoda demolished to build the Hanoi Post Office. On the land that once belonged to the pagoda, today stands the 5-story building of the Hanoi Post Office at No. 75 Dinh Tien Hoang and is popular with local and international visitors.

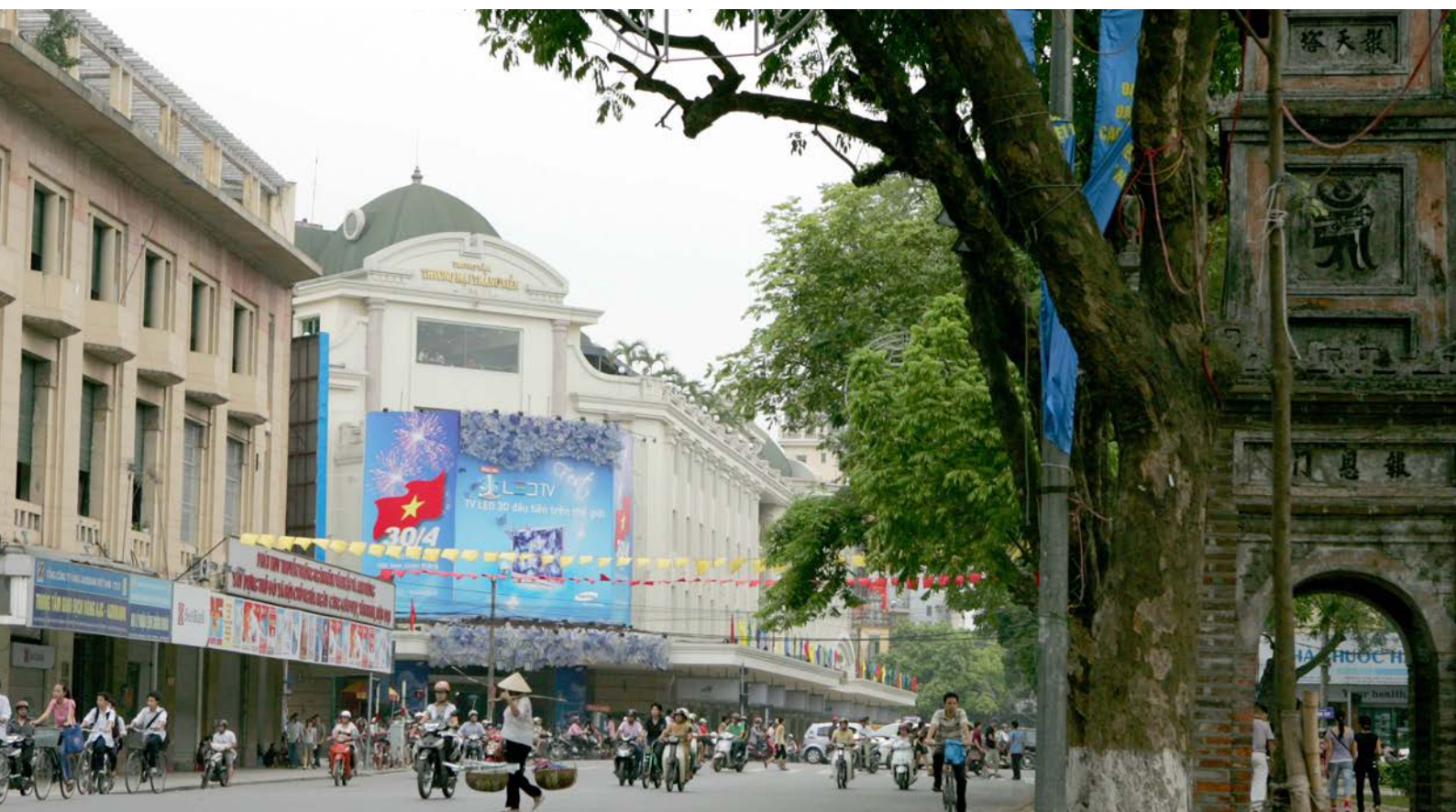
3 Khu vực phía đông Hồ Gươm hình thành sau khu vực phía tây hồ và được người Pháp quy hoạch thành khu trung tâm hành chính – thương mại của Hà Nội. Trục chủ đạo của khu vực này là vườn hoa Paul Bert (vườn hoa Lý Thái Tổ ngày nay) nằm vuông góc với hồ. Với mục tiêu xây dựng một trung tâm bưu điện, thông tin liên lạc tại Hà Nội, người Pháp đã hoàn thành việc xây dựng nhà Bưu điện Bờ Hồ năm 1901. Ngôi nhà 3 tầng vừa là nơi khai thác, giao dịch, vừa là nơi làm việc của các bộ phận quản lý. Bưu điện Bờ Hồ còn là nơi đầu mối về nghiệp vụ, kỹ thuật, và vận chuyển bưu chính giữa Hà Nội với các tỉnh Bắc Kỳ. Ngày nay, sau nhiều lần phá đi và xây lại, tòa nhà bưu điện vẫn còn đó những nét kiến trúc của người Pháp nằm ở góc phố Lý Thái Tổ và Đinh Tiên Hoàng.

The Eastern side of the Lake was established after the formation of its Western side. The French planned this side to become the commercial and administrative centre of Hanoi. The major axis of this area was the Paul Bert flower garden (currently known as Ly Thai To flower garden), standing in a perpendicular position to the lake. Aiming to build a center for postal and communication in Hanoi, the French completed their construction of Lakeside Post Office in 1901. This 3-story building was not only a place for transactions but also the office space for department managers. At that time, the Lakeside Post Office also worked as the hub for business, technical and postal services between Hanoi and other Northern provinces. At present, after being demolished and reconstructed several times, the post office building at the corner of Ly Thai To and Dinh Tien Hoang Street still has its French architecture in place.

4 Khung cảnh đại lộ Đồng Khánh (nay là phố Đinh Tiên Hoàng) trên bưu ảnh chụp những năm đầu thế kỷ 19. Khi Hà Nội trở thành thuộc địa, người Pháp tiến hành quy hoạch xây dựng khu phố mới với kiến trúc Châu Âu bên cạnh khu phố cổ, xác định khu vực Hồ Gươm là trung tâm Hà Nội. Thời đó, khi làm đường lớn đi ven Hồ Hoàn Kiếm và bây giờ chính là đường phố Đinh Tiên Hoàng. Phố Đinh Tiên Hoàng dài khoảng 900m, ngày ấy được gọi là đại lộ Francis Garnier. Tháp Hòa Phong, dấu ấn còn lại của ngôi chùa xưa Báo Ân cao 3 tầng, nằm trên rẻo đất bên hồ.

Scene of Dong Khanh boulevard (currently known as Dinh Tien Hoang Street) on a postcard taken in the early 19th century. When Hanoi fell under colonialism, the French planned to construct a new town area dominated by European architecture right next to the Old Quarter, which defined Hoan Kiem Lake area as the center of Hanoi. The boulevard curving around Hoan Kiem Lake built back then became Dinh Tien Hoang Street nowadays. At that time, this 900-meter street was named Francis Garnier Boulevard. Hoa Phong Tower, the only remnant of the ancient Bao An pagoda was a 3-story structure standing on a sliver of land by the lake.

Phố Đinh Tiên Hoàng hôm nay - Dinh Tien Hoang street nowadays



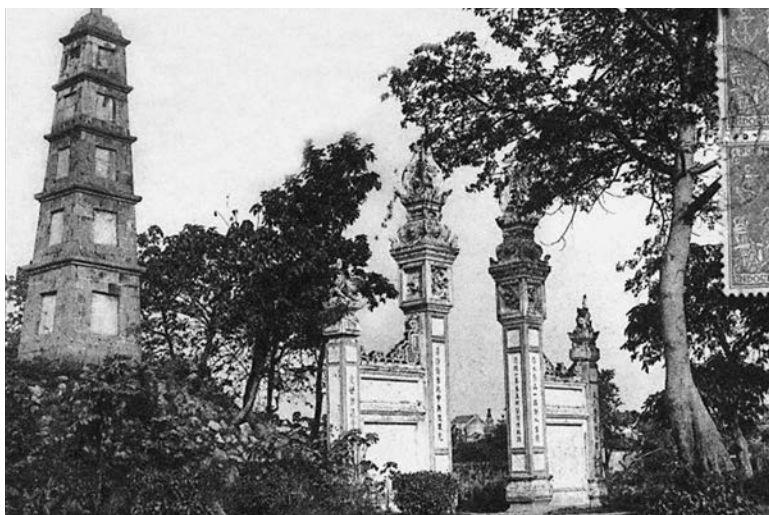


Khu vực Đền Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc - Ngoc Son Temple, The Huc Bridge

5 Lối vào Đền Ngọc Sơn trên bưu ảnh cổ. Đền được xây dựng trên đảo Ngọc, cùng với Tháp Bút, Đài Nghiên, Cầu Thê Húc (cầu đậu nắng ban mai), Lầu Đắc Nguyệt (lầu được trăng), đình Trấn Ba (đình chắn sóng) và đền chính hợp thành cụm di tích lịch sử kiến trúc - nghệ thuật và danh lam, thắng cảnh tiêu biểu của thủ đô. Bây giờ, cảnh vật ở cùng góc chụp này đã không còn hoang sơ như hơn 100 năm trước mà là đà bóng của những cây cổ thụ, những rặng tre xanh rủ bóng trùm lên mái đền cổ kính, cây cầu gỗ và không gian xung quanh.

Entrance to Ngoc Son Temple on an ancient postcard. The temple was built on the pearl island. Thap But (the Pen Tower), Dai Nghien (the Ink Slab) and The Huc Bridge (the bridge where morning sunbeams land) and Dac Nguyet Pavilion (Moon Contemplation Pavilion), Tran Ba communal house (wave-guard communal house) together with the main temple Ngoc Son formed the Capital's iconic complex and popular attraction that boasts historical and architectural meanings. The scenery captured from this camera angle today no longer holds the same pristine beauty as that of over 100 years ago, but fills with swaying shadows of century-old trees, rows of green bamboo trees silhouetting against the roof of the ancient temple, the wooden bridge and the surrounding space.

Tháp Bút ngay cạnh cổng đền Ngọc Sơn - Thap But (the Pen Tower) stands next to the first gate of Ngoc Son Temple



6 Năm 1865 (đời Vua Tự Đức thứ 18), Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, được người đương thời phong là "Thần Siêu" đã đến Hồ Gươm xây dựng cổng đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên và Tháp Bút. Biểu tượng hùng hồn khí phách văn chương của kẻ sĩ đất Kinh kỳ vẫn mãi trường tồn cho đến ngày nay bên phố Đinh Tiên Hoàng. Trên núi Độc Tôn cũ, ông cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là Tháp Bút. Ngày nay cụm kiến trúc này không thay đổi nhiều lắm, ngoại trừ cây gạo trong bức ảnh xưa đã chết và tháp thoáng cây gạo mới trồng thay thế bên góc phải của ảnh.



Cổng Đền Ngọc Sơn - First gate of Ngoc Son Temple

In 1865 (the 18th year of King Tu Duc), Phuong Dinh Nguyen Van Sieu, praised by public as "the Deity Sieu", arrived at Hoan Kiem Lake to build the entrance to Ngoc Son temple, the Pen Tower and the Ink Slab. The almighty symbol of pride for every literary figure of the Capital is alive and well up to this day on Dinh Tien Hoang Street. On the old Doc Ton Mountain, Nguyen Van Sieu had a stone tower built with its peak representing the shape of a brush and three words "Ta Thanh Thien" (write onto the blue sky) inscribed on the body. This tower is known as Thap But (the Pen Tower) these days. The whole architecture complex shows little change over time, except for the loss of the ancient cotton tree seen on old photos. Today a new cotton tree has been planted in replacement for the old one and can be seen on the right hand corner of the photo.

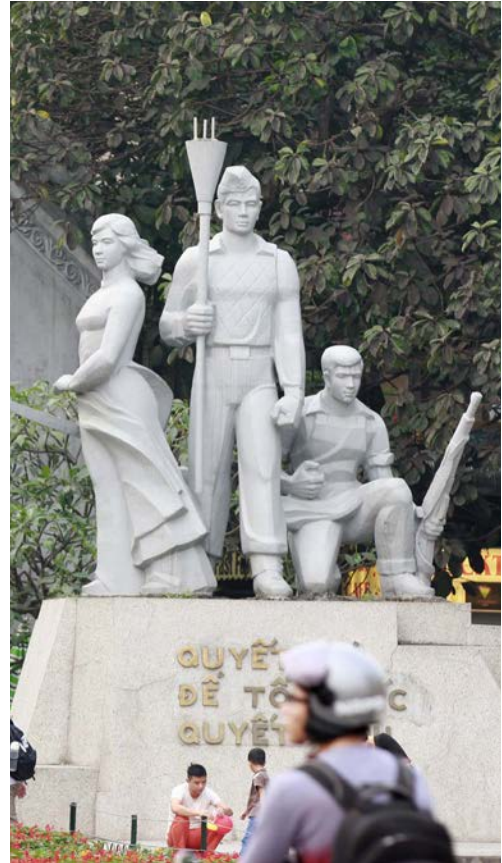


Cầu Thê Húc - The Huc Bridge



7 Cảnh quan Hồ Gươm nhìn từ Cầu Thê Húc vào Đền Ngọc Sơn in trên bưu thiếp năm 1884. Cầu Thê Húc nối từ Bờ Hồ ra hòn đảo nhỏ nơi có Đền Ngọc Sơn. Cây cầu màu đỏ son, chất liệu gỗ và có nhiều trụ liên tiếp. Tên của cầu có nghĩa là "nơi đậu ánh sáng Mặt Trời buổi sáng sớm". Nếu thử ngắm nhìn cầu Thê Húc qua nhiều góc độ khác sẽ thấy ở trực diện nổi bật lên cây cầu son đỏ chói như một dải lụa đào mềm mại vắt mình in bóng lên mặt hồ Lục Thủy xanh biếc. Chuyển qua góc nhìn khác, chúng ta lại thấy một cây cầu son e ấp lấp mình sau lơ thơ liễu. Và khi bước chân lên một cây cầu, thì bạn sẽ khám phá ra những điều lý thú khác. Cầu Thê Húc dẫn lối vào Đền Ngọc Sơn được xem là một điển hình về không gian kiến trúc của Hà Nội thu hút hàng nghìn lượt du khách mỗi năm.

Overview of Hoan Kiem Lake looking from The Huc Bridge on the entrance of Ngoc Son Temple in an 1884 postcard. The Huc Bridge connects the lakeshore and the small island where Ngoc Son temple is located. This red wooden bridge carries the name that means, "Where morning sunbeams land". In trying to observe The Huc Bridge from different angles, one could discover how the bridge stands out in bright red like a lithe sliver of red silk curving itself over the lake, silhouetted on the emerald water. Yet, when changing to another angle, what we see is a little red bridge shyly appearing and disappearing behind the willow curtains. Stepping on the bridge would bring to your attention many interesting discoveries. The Huc Bridge leading the way to the entrance of Ngoc Son Temple could be said to be symbolic architecture of Hanoi that attracts thousands of tourists every year.



Rạp chiếu bóng Les Varietés cạnh đền Bà Kiệu - Les Variétés Cinema



Một góc phố Hàng Khay - Hang Khay Street

8 Hình ảnh chụp rạp chiếu bóng Les Variétés cạnh đền Bà Kiệu lợp tôn. Đây là một rạp nhỏ ven hồ nhưng rất đông khách. Một thời gian sau, rạp chiếu bóng bị chính quyền thuộc địa phá bỏ để xây nhà bia Alexandre de Rhodes. Sau này, nhà bia được dỡ bỏ để xây dựng cụm tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.

Image of Les Variétés cinema near laminated-roof Ba Kieu temple. This small cinema right around the lake attracted many visitors. After a while, the colonial government had the place demolished to build the beer house, Alexandre de Rhodes. Later, the beer house was demolished to make space for the statues “To Die for the Birth of the Country”.



"Ban công Juliet - Juliet balcony"

9 Phố Hàng Khay (thời Pháp thuộc là phố Thợ Khảm) ở phía đông, nhìn thẳng ra Hồ Gươm trong lành. Năm 1885, việc mở rộng phố Hàng Khảm hoàn thành và người ta cho lát vỉa hè, trồng phượng hai bên, nhà xây gạch thay cho nhà lá xuất hiện ngày càng nhiều. Hiện tại tầng 3 (nhà số 3 phố Hàng Khay) vẫn còn hàng số 1886, tức là năm xây dựng ngôi nhà. Cũng tại phố này, nhiều ngôi nhà khác đến nay vẫn còn giữ được những ban công rất đẹp và có lẽ đây là những ban công đầu tiên của nhà dân ở Hà Nội. Loại ban công có trong kiến trúc cổ điển Châu Âu và trở nên phổ biến sau khi bị kịch "Romeo và Juliet" của W.Shakespeare viết năm 1597 được công diễn, trong đó có cảnh nàng Juliet trên ban công và Romeo đứng ở dưới tâm tình. Cái tên "ban công Juliet" ra đời từ đó. Năm 1923, một loạt công trình lớn được xây dựng tại Hà Nội với kiến trúc theo phong cách Pháp kết hợp với kiến trúc dân gian Việt Nam và tất nhiên không thể thiếu được "ban công Juliet" xinh xắn.

Hang Khay Street (known as Tho Kham Street during French colonial times) on the East, looks directly to the refreshing Sword Lake. In 1885, the expansion of Tho Kham Street was completed with tiled pavements and flamboyant trees planted on both sides. More and more brick houses appeared replacing those with thatch roofs. Today, on the third story of No 3 Hang Khay Street, the number 1886, the year when the house was built, remains. On this same street, several other houses still keep beautiful balconies that possibly were the very first balconies on local residences in Hanoi. This type of balcony is classic European architecture and rose to fame after the tragedy of "Romeo and Juliet", written by Shakespeare in 1597, was performed in public. The term "Juliet balcony" started from the scene where Juliet talks down from a balcony to her Romeo standing on the ground. In 1923, multiple large buildings were constructed in Hanoi copying the French architecture in combination with Vietnamese traditional architecture and the can-not-be-missed "Juliet balcony".





Phố Paul Bert (ngày nay là phố Tràng Tiền) - Paul Bert Street (known as Trang Tien Street nowadays).

10 Năm 1883 lúc đó chỉ là một đường đắp nhỏ hẹp nơi thường xuyên qua lại của các quân đoàn viễn chinh Pháp. Đến năm 1886, phố được đổi tên thành phố Paul Bert, tên của chính trị gia người Pháp qua đời vào cuối năm đó tại Hà Nội và trở thành trục chính để các phố khác của một thành phố kiểu châu Âu song song hoặc vuông góc với nó. Theo tư liệu của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và những tư liệu còn lưu giữ, thì hình ảnh phố Tràng Tiền được đưa vào bưu thiếp nhiều nhất thời bấy giờ. Là một con phố đắt giá nhất Hà Nội thời Pháp thuộc, nhưng theo đánh giá thì phố Tràng Tiền cũng chính là con phố có diện mạo thay đổi nhiều nhất từ khi nó ra đời cho tới hôm nay. Vì thế, những dấu tích kiến trúc trên con phố Paul Bert xưa ấy như nhà hát, rạp chiếu bóng, khách sạn, hiệu sách, ngân hàng... nay đã phai mờ.

Back in 1883, Paul Bert Street was only a small and narrow street where the French military usually frequented. The street was named after Paul Bert in 1886, following the death of the French politician at the end of that year in Hanoi. This also marked the time this street became a major street from which other streets would align in parallel or perpendicular direction. According to documents from Vietnamese Association of Historical Sciences and other collected sources, the image of Trang Tien Street was most frequently printed on postcards during this time. Trang Tien Street was the most expensive street during French colony, and considered the most changed in look since its birth, until today. Thus, the architectural hints of the old Paul Bert such as cinemas, theatres, hotels, bookstores and banks... can no longer be found these days.

Phố Tràng Tiền nay - Trang Tien Street nowadays





Khung cảnh Hồ Gươm được chụp hơn một thế kỷ trước - Photo of Sword Lake taken more than a century ago

11 Có thể coi đây là một trong số các bức ảnh màu đầu tiên của Hồ Gươm được chụp hơn một thế kỷ trước. Bức ảnh nằm trong bộ sưu tập gốc 1500 phiên bản hình màu do nhà nhiếp ảnh Léon Busy chụp (từ 1914 đến 1917) trong thời gian ông làm việc ở Bắc Kỳ, được giao nhiệm vụ cầm máy ảnh của quân đội Lê Dương Pháp. Hiện phim gốc của các bức ảnh được bảo quản tại Kho Lưu trữ Toàn cầu, trực thuộc Viện Bảo tàng Albert Kahn (Pháp). Dưới thời Pháp thuộc, Hồ Gươm được biết tới với cái tên Petit Lac (Hồ Nhỏ) nhằm phân biệt với Grand Lac (Hồ Lớn), tức Hồ Tây ngày nay. Bức ảnh cũng đã tái hiện sống động khung cảnh thiên nhiên quanh hồ cách đây 100 năm mà rõ nhất là 02 cây gạo trồng ven hồ. Bây giờ ở góc chụp tương đồng là cây gạo cổ thụ hiện nằm ở phía đường Đinh Tiên Hoàng, gần ngay hai gốc lộc vừng là một cây mỡ (ảnh 11b). Cây mỡ này có tán lá xoè ra rất đẹp với hai cành lớn rủ xuống như một khuôn hình mà Tháp Rùa là chủ thể.

This could be considered as one of the first color photographs of Sword Lake and was taken more than a century ago. The photo belongs to the original collection of 1500 color photos by Léon Busy (from 1914 to 1917), which were taken during his work in Northern Vietnam as a photographer for the French Foreign Legion. Currently, the original copies of the photos are kept at the Archive of the Planet, Alber Kahn Museum (France). During the French colonial times, Sword Lake was known as Petit Lac (Small Lake) in order to differentiate with the Grand Lac (Big Lake) which is Ho Tay. The photo lively portrayed the natural scenery around the lake from 100 years ago, which clearly displayed the two cotton trees by the lake. Today, the same camera angle shows the ancient cotton tree currently standing on the side of Dinh Tien Hoang Street, right next to two Barringtonia trees and a Magnolia Conifera. The Magnolia Conifera tree has its beautiful widespread foliage with two large branches hanging down, thus artistically framing Turtle Tower as the central subject.



THE SOUL OF HANOI

Tâm hồn Hà Nội

Là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước, thủ đô Hà Nội hôm nay vừa mang dáng vẻ cổ kính, nên thơ vừa toát lên hơi thở của nhịp sống hiện đại, hội nhập quốc tế.

Hà Nội được mệnh danh là thủ đô độc đáo nhất châu Á với nhiều kiến trúc cổ, ngõ nhỏ, phố nhỏ, hồ xanh, sông dài. Những danh thắng nổi tiếng như Hồ Gươm huyền thoại, Tháp Rùa, Đền Ngọc Sơn, Đền Bạch Mã, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Nhà tù Hỏa Lò và Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh... là những nơi khiến du khách có thể trải nghiệm, khám phá và hiểu sâu hơn về lối sống, phong tục tập quán và lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam nói chung, cũng như Hà Nội nói riêng.

Bên cạnh các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, Hà Nội còn là thiên đường ẩm thực, chủ yếu tập trung ở khu Phố cổ - nơi vẫn còn lưu giữ trong đó cả tâm hồn của con người thủ đô. 36 phố phường giống như một làng nghề thu nhỏ, tập hợp các sản phẩm truyền thống của Hà Nội với mỗi con phố được đặt tên theo sản phẩm đặc trưng riêng. Thực tế thì có nhiều hơn 36 con phố, nhưng con số này được hình thành từ thế kỷ 15, khi đó nơi đây là tổ hợp của 36 'phường' buôn bán nhộn nhịp. Khu phố cổ "36 phố phường" của Hà Nội được giới hạn bởi đường Hàng Đậu ở phía Bắc, phía Tây là đường Phùng Hưng, phía Đông là đường Trần Nhật Duật và Trần Quang Khải, phía Nam là đường Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng. Hãy cùng Apricot điếm qua những con phố đã, đang và sẽ góp phần làm nên một Hà Nội cổ kính, nên thơ trong lòng du khách. ■

Vietnam's political and cultural capital Hanoi exudes compelling beauty and charm with its ancient attractions and energetic vibe.

It's dubbed Asia's most atmospheric capital and for good reason. Sweeping boulevards. Tree-lined lake. Ancient pagodas. Quaint alleyways. There are the famed landmarks including the iconic Hoan Kiem Lake with its Turtle Tower, Ngọc Sơn Temple, Temple of Literature, Bach Ma Temple, Hoa Lo Prison and Ho Chi Minh Mausoleum. Yet there's also Hanoi's vibrant Old Quarter with its teeming 36 streets offering glimpses into the locals' colorful way of life. The Old Quarter's charms from bygone eras captivate visitors, making for a pleasant counterpoint to the capital's burgeoning modern development. From street vendors and streetside stalls to luxury restaurants, there are plenty of dishes to whet your appetite.

Carry a rich soul and history, Hanoi is also an easy city to traverse; you can capture its taste just on foot while moving around the bustling Old Quarter. Back in the day, Hanoi's Old Quarter was defined by the 36 streets, where each of which carried their own reputations as craft areas with a collection of tiny trade villages. The 36 streets were often classified by its name, most of which starting with "Hang", followed by their specific product, service or location. There are actually more than 36 streets, but the number came from the 15th century when there may have been 36 guild locations, which were trade areas, not streets, and the name has been used ever since. In this list we would like to introduce the most unique and well known streets that guests should visit at least once to experience the heart of the capital.





Cái làm nên sự khác biệt của một Hà Nội có lẽ nằm ở chữ “36 phố phường”. Nói đến 36 phố phường là nói đến Hà Nội. Và cũng bởi tên phố độc đáo bắt đầu bằng chữ “Hàng”, gắn với từng làng nghề truyền thống khác nhau của dân cư sinh sống nơi hàng phố đó mà đặt tên như Hàng Mã, Hàng Bạc, Hàng Da, Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Buồm, Hàng Bó, Hàng Quạt, Hàng Cân.... mà Hà Nội luôn mang một dáng dấp một phong vị cổ kính, trầm mặc, xa xưa... Không ai lý giải được vì sao Hà Nội có gần 80 chữ Hàng tên phố, nhưng con số “ba sáu” lại là thứ độc tôn duy nhất để làm nên một cái tên “Hà Nội 36 phố phường”? Có lẽ điều đó chỉ mãi mãi là phân bí ẩn ở phía sâu tâm hồn Hà Nội ngàn năm vẫn hiển. Thử Apricot ở số đầu tiên xin được bắt đầu với bạn bằng câu chuyện của phố Hàng Trống, một con phố đặc biệt, và điều thú vị hơn nữa khách sạn Apricot mà các bạn đang dừng chân tọa lạc nằm trên chính con phố này.



It is probably the word “36 streets” that make Hanoi stand apart with its difference. When one talks about “36 streets”, he is talking about Hanoi. Another unique character is that all street names start with the word “Hang” which connects with the traditional occupancy of the people living on that street. Thus, the name was formed such as Hang Ma (paper), Hang Bac (silver), Hang Da (leather), Hang Ngang, Hang Dao, Hang Buom, Hang Bo, Hang Quat, Hang Can... These bring out a feeling of something ancient, taciturn and far away in the past... No one could properly explain why the number “thirty six” was the unique character that made up the name “Hanoi 36 streets” while in fact, Hanoi has over 80 streets starting with the word “Hang”. Perhaps this will forever remain as one little mystery deep inside the heart of the thousand-year-old capital city infused with culture and tradition. The first issue of Apricot Letters brings you the story of Hang Trong Street, a special street on which Apricot hotel is currently located.

Nghệ thuật Tranh dân gian Hàng Trống

THE ART OF HANG TRONG FOLK PAINTINGS

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng có lẽ dòng tranh Hàng Trống xuất hiện từ khoảng 400 năm trước đây. Và chịu ảnh hưởng rõ rệt của các luồng tư tưởng, văn hoá, tôn giáo, của vùng miền, các dân cư. Là kết quả của sự giao thoa tinh hoa giữa Phật giáo, Nho giáo; giữa loại hình tượng thờ, điêu khắc ở đình chùa với những nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá hằng ngày. Dòng tranh Hàng Trống này cũng như các dòng tranh phổ biến khác ở Việt Nam thời xưa đều có hai dòng tranh chính là Tranh Thờ và Tranh Tết. Nhưng chủ yếu là tranh thờ dùng trong sinh hoạt tín ngưỡng phục vụ đền, phủ của đạo giáo nhất là tranh thờ của đạo mẫu

A number of researchers believe Hang Trong folk paintings appeared somewhere around 400 years ago and were clearly impacted by the areas and its citizens with different mindsets, cultures and religions. These paintings are a harmonious mixture of the best features of Buddhism and Confucianism, between statues and carved artworks in religious places and the beauty of everyday life. Hang Trong folk paintings, similar to other painting styles in Vietnam back then, were divided in two major categories, which are Worship Paintings, and Tet Paintings. As for worship paintings, most of them are used in religious rituals of temples, worship places in different religions, especially those of the Mother Goddess Religion.

Paint through our lens



Cách in ấn và vẽ

Tranh Hàng Trống sử dụng kỹ thuật nửa in nửa vẽ, tranh chỉ in ván nét lấy hình, còn màu là thuốc nước, tô bằng bút lông mềm rộng bản, một nửa ngọn bút chấm màu, còn nửa ngọn bút kia chấm nước lã, tô tranh theo kỹ thuật “vỡn” màu.

Tranh chỉ có một bản đen đầu tiên, sau khi in thì tranh được tô màu lại bằng tay. Từ các bản khắc gỗ, những bức tranh đã được in ra, bằng mực Tàu mài nguyên chất. Sau đó là công đoạn bồi giấy. Tùy thuộc từng tranh cụ thể mà có tranh chỉ bồi một lớp, có tranh lại phải bồi đến 2 hay 3 lớp giấy. Khi hồ đã khô thì mới có thể vẽ màu lại. Có khi phải mất đến 3, 4 ngày mới hoàn thành một bức tranh.

Tranh được in trên giấy dó bồi dày hay giấy báo khổ rộng. Có những tranh bộ khổ to và dài, thường bồi dày, hai đầu trên dưới lồng suốt trục để tiện treo, phù hợp với kiểu kiến trúc nhà cao, cửa rộng nơi thành thị.

Ván khắc được làm bằng gỗ lông mực hoặc gỗ thị. Mực in truyền thống dùng bằng những chất liệu dân dã nhưng cầu kỳ và tinh xảo trong chế tác.

Màu sắc và cách tạo màu

Tranh dùng các gam màu chủ yếu là lam, hồng, đôi khi có thêm lục, đỏ, da cam, vàng... Tỷ lệ được tạo không hề đúng với công thức chuẩn mà chỉ để cho thật thuận mắt và ưa nhìn.

Tranh Hàng Trống được tô màu bằng bút lông và phẩm nhuộm nên màu sắc đậm đà hơn tranh Đông Hồ.

How to print and paint

Hang Trong paintings involved a technique comprising printing and painting. The printing was applied to provide the outlines of the painting's subjects. After that, the painting involved using a soft and large brush with half of the brush dipped in color and the other half dipped in pure water. The coloring technique was called “playing with” colors.

After printing, the outlines are further detailed by hand. From the original woodblocks, many prints are produced with pure Chinese ink. The next process is to strengthen painting paper. Depending on each painting, some only require one layer of paper while others require up to 2 or 3 layers. Colors could only be re-applied after the starch dried. It could take up to 3 or 4 days to finish one painting. Paintings are printed on thick rhamnaneuron paper or large-scaled papers. The large-scale paintings with many layers of paper are often attached to horizontal frames at the top and bottom of the paintings so that they could easily be hung and adapted to the tall and spacious architecture of urban houses.

*Woodblocks were made from *Holarrhena pubescens* or *Diospyros decandra*. Traditional printing ink was made from typical materials but required skillful and elegant creation.*

Colors and how to mix colors

Paintings mostly featured the deep blue and pink colors, sometimes adding colors such as emerald, red, orange, and yellow... The ratio created does not follow standard formulas but does deliver on a suitable look and feel.

Hang Trong paintings were colored with brush and dye, thus, they are a few shades darker in colors compared to Dong Ho paintings.



Đề tài nội dung và thể thức tranh

Đề tài của tranh rất phong phú nhưng chủ yếu là tranh thờ như: “Hương chủ”, “Ngũ hổ”, “Độc hổ”, “Sơn trang”, “Ông Hoàng Ba”, “Ông Hoàng Bảy”... Ngoài ra cũng có những bức tranh chơi như các bộ “Tứ bình” (4 bức) hoặc “Nhị bình” (2 bức). Tứ bình thì có thể là tranh Tố nữ, Tứ dân (ngư, tiều, canh, mục) hoặc Tứ quý (Bốn mùa). Tứ bình còn có thể trình bày theo thể liên hoàn rút từ các truyện tích như “Nhị độ mai”, “Thạch Sanh”, “Truyện Kiều”. “Nhị bình” thì vẽ những đề tài như “Lý ngư vọng nguyệt”

(Cá chép trông trăng) hoặc “Chim công múa” có tính cách cầu phúc, thái bình. Những bức về đề tài dân dã như cảnh “Chợ quế” hay “Canh nông chi đồ” cũng thuộc loại tranh Hàng Trống. Cùng với các đề tài phản ánh sinh hoạt thường ngày hay minh họa cổ tích, tranh Hàng Trống nổi trội về thể loại tranh thờ, ảnh hưởng Phật giáo và Đạo giáo, với hình tượng tương đối giản dị mà thể hiện công phu, không bao giờ thiếu sắc thái uy vệ về ý nghĩa.

Việc xuất hiện những tranh Hàng Trống như “Gà đàn”, “Tướng Trấn môn” (“Canh cửa”) tại kinh đô, từ nội phủ cung đình đến nhà thường dân, từng được Hoàng Sĩ Khải, một nhà thơ làm quan thời Mạc (cuối tk.16) nhắc tới. Như vậy, tranh Hàng Trống có lẽ ra đời cùng thời với tranh Đông Hồ, vốn được dòng họ Nguyễn Đăng sản xuất truyền tới hai mươi đời, tức khoảng năm trăm năm.

Trong số bản khắc tranh

Hàng Trống còn giữ lại được, có mấy tấm đặc biệt giá trị, lưu tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Hà Nội dưới ký hiệu I.5484 a.b.c. Những tấm gỗ thị dầy dặn này được khắc cả hai mặt, theo đề tài rút từ kinh nhà Phật hay cổ tích Việt Nam, Trung Hoa, kèm cả tuổi tranh “Quý Mùi lục nguyệt khởi Minh Mệnh tứ niên”, tức là 1823 dương lịch. Những tấm ván này được khắc cách đây đã ngót hai trăm năm, nên ta có cơ sở tin rằng dòng tranh Hàng Trống xuất hiện còn sớm hơn thế khá nhiều.

Một dòng tranh dân gian

Trong ba dòng tranh dân gian tiêu biểu: “Tranh điệp Đông Hồ” (Bắc Ninh), “Tranh đồ Kim Hoàng” (Hà Tây) và “Tranh Hàng Trống” thì Hàng Trống là trung tâm làm tranh lớn thứ

hai, chỉ sau Đông Hồ. Khác với tranh Đông Hồ, kỹ thuật tranh Hàng Trống kết hợp đường nét in đen từ bản khắc gỗ, với việc tô màu phẩm bằng tay, dùng bút mềm quét phẩm nước, luôn luôn tạo được những chuyển sắc đậm nhạt tinh tế. Nhờ vậy, màu sắc rất uyển chuyển, đáp ứng đòi hỏi của khách mua tranh nơi kẻ chợ. Tranh Hàng Trống in trên giấy dó hay giấy báo khổ rộng. Những bộ tứ bình khổ to thường được bồi trên giấy dầy, hai đầu trên dưới

lồng xuất trục để tiện treo. Gọi là tranh Hàng Trống bởi “lò” tranh quy tụ ở phố Hàng Trống, Hà Nội. Từ đây “bắt lửa” sang Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt. Cùng với các hộ dân cư bản địa lâu đời, cũng có nhiều thợ vẽ và thợ khắc tài hoa từ nơi khác đến đây làm thuê cho các chủ xưởng in tranh. Do buôn bán cạnh tranh, thường in kèm tên hiệu như Thanh An, Vĩnh Lợi, Phúc Bình... Thế nhưng, dường như thời sầm uất đã xa.

Dòng tranh Hàng Trống thực sự phát triển cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhưng tới thế kỷ 20 dòng tranh này bắt đầu suy tàn, nhất là kể từ sau kết thúc chiến tranh Việt Nam hầu như các nhà làm tranh đều giải nghệ. Nhiều nhà làm tranh còn đốt bỏ hết những dụng cụ làm tranh như ván, bản khắc, một phần do thú chơi tranh của người Hà Nội đã đổi khác, một phần do việc làm tranh không có thu nhập cao nên nhiều người đã chuyển nghề. Nghệ nhân tranh Hàng Trống giờ đã mai một, chỉ còn lại duy nhất một người đó là nghệ nhân Lê Đình Nghiên là vẫn còn gắn bó với nghệ thuật tranh Hàng

Trống và những nét tinh hoa của dòng tranh này. Muốn tìm lại tranh Hàng Trống phải đến chốn linh thiêng: Đền, Miếu, Điện thờ, hoặc lục tìm trong các bộ sưu tập của cá nhân và các Viện bảo tàng Việt Nam cũng như ở nhiều nước trên thế giới. Bức tranh Ngũ hổ được coi là lớn và hầu như còn giữ được vẻ đẹp thuần khiết của phong cách tranh Hàng Trống, hiện còn ở Chùa làng Kim Liên.

Có lẽ nuối tiếc về một phố cổ bày bán tranh dân gian, tranh chữ tấp nập người qua lại vào mỗi dịp xuân về tết đến mà ông Vũ Đình Liên, một người Hà Nội từng nhiều năm giảng dạy khoa tiếng Pháp của trường Đại học Quốc gia đã sáng tác một thi phẩm bất hủ: “Ông đồ” như một tiếng than cho những nét đẹp văn hóa xưa giờ đã lặn sâu trong trầm tích Hà Nội. ■

ÔNG ĐỒ

Vũ Đình Liên

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay”*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay*

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

1936

The Paintings topics, content and presentation of paintings

While Hang Trong paintings are used for various purposes, most typically they are used for worship purpose such as: "Huong chu", "Ngu ho" (Five Tigers), "Độc ho" (Lone Tiger), "Son trang", "Ong Hoang Ba", "Ong Hoang Bay"... Aside, there are other paintings for decoration purpose such as the set "Tu Binh" (Four paintings) or "Nhi Binh" (Two paintings). A set of four paintings could be "To Nu" painting, "Tu Dan" (fisherman, woodman, farmer, cattle-man) or "Tu Quy" (Four seasons). "Tu Binh" can also be presented as a series of paintings from legendary tales such as "Nhi Do Mai" (The Plum Tree Blossoms Twice), "Thach Sanh" (The Story of Thach Sanh), "Truyen Kieu" (The Tale of Kieu). "Nhi Binh" paintings could be about "Ly Ngu Vong Nguyet" (Carp looking at the Moon) or "Peacocks dancing" with the implication of blessings and peace. Paintings about daily local scenes such as "Cho que" (Local market) and "Canh nông chi đồ" are also topics suitable for Hang Trong paintings. Together with paintings reflecting the daily life or fairy tales, the Hang Trong paintings also stood out for its worship paintings that were influenced by Buddhism and other religions. These paintings were quite simple in objects yet also greatly skilled in representation, which guaranteeing profound meaning.

The appearance of some Hang Trong paintings such as "Ga Dan" (Chicken School) or "Tuong Tran Mon" (Guarding Gates) in the capital, from the palace to houses of locals, had been mentioned by Hoang Si Khai, a poet and an official during the Mac dynasty (at the end of 16th century). In turn, Hang Trong paintings were probably presented during the same period along with Dong Ho paintings, which were originally produced by 20 generations of the Nguyen Dang family spanning a 500 years timeframe.

Among the carved woodblocks of Hang Trong paintings that have survived until this day, there are several special ones currently housed at the National Museum of Vietnamese History in Hanoi under the code I.5484 a.b.c. The thick wooden panels were carved upon both sides with subjects stemming from topics about Buddhism sutra or fairy tales

from Vietnam and China together with the age of the paintings "Quý Mùi lục nguyệt khởi Minh Mệnh tứ niên" meaning the year 1823 in Christian calendar. These panels were carved almost 200 years ago, therefore, we have base to believe that Hang Trong paintings had appeared long before that time.

A Type of Folk Paintings...

Among three typical types of folk paintings: "Dong Ho Diep paintings" (Bac Ninh), "Kim Hoang red paintings" (Ha Tay) and "Hang Trong paintings", Hang Trong was the second largest painting source, only after Dong Ho. Different from Dong Ho paintings, the technique of Hang Trong paintings combined black outlines printed from woodblocks with painting colors by hand using soft brush with liquid dye. This technique creates special emphasis on the moving of color with elegant difference in light and dark shades. Therefore, the colors in Hang Trong paintings are quite flexible and could satisfy different demands from buyers in the market. Hang Trong paintings are printed on rhamnoneuron paper or large-scaled papers. Sets of four large paintings are often made with thick layers of papers and have horizontal axis made of ivory bamboo on top and bottom for easier hanging on walls. The paintings were called Hang Trong paintings because a major portion of the paintings was gathered in Hang Trong, Hanoi. From here, they spreaded to Hang Non, Hang Hom, Hang Quat. Together with the long-time locals, there were talented painters and sculpturers from other places coming here to

work for painting factory owners. As a result of market competition, paintings often came with shop names such as Thanh An, Vinh Loi, Phuc Binh... However, the time of bustling trade seemed so far away now.

Hang Trong paintings were at their peak in popularity during the end of 19th century and beginning of 20th centuries. However, their popularity started to decline in 20th century, especially after the Vietnam War. Most painting makers were no longer in business then. Some even burnt all of their equipments used to make paintings such as woodblocks

THE MASTER

Written by Vu Dinh Lien
(Translated by Vuong Thu Trang
with reference from Tran Dinh Hoanh's translation)

*Peach blossoms bloomed every spring
There again, old master came
With red paper and black ink
On a street, where people claimed*

*They claimed to buy his writings,
And all praised him while buying
"Just a mere move of his hand
Turns strokes into phoenix dance!"*

*But less buyers came each years
Admirers, where did they go...?
Unused ink laid like black tears;
Red paper dulled in sorrow...*

*That old master just sat there
Among those who did not care.
On the dull red dropped dead leaves;
Out there soft rain with slight grief.*

*Another peach blossoms' spring
Yet old master is there not.
Oh, where are they wandering
Old folks' souls we all forgot?*

1936



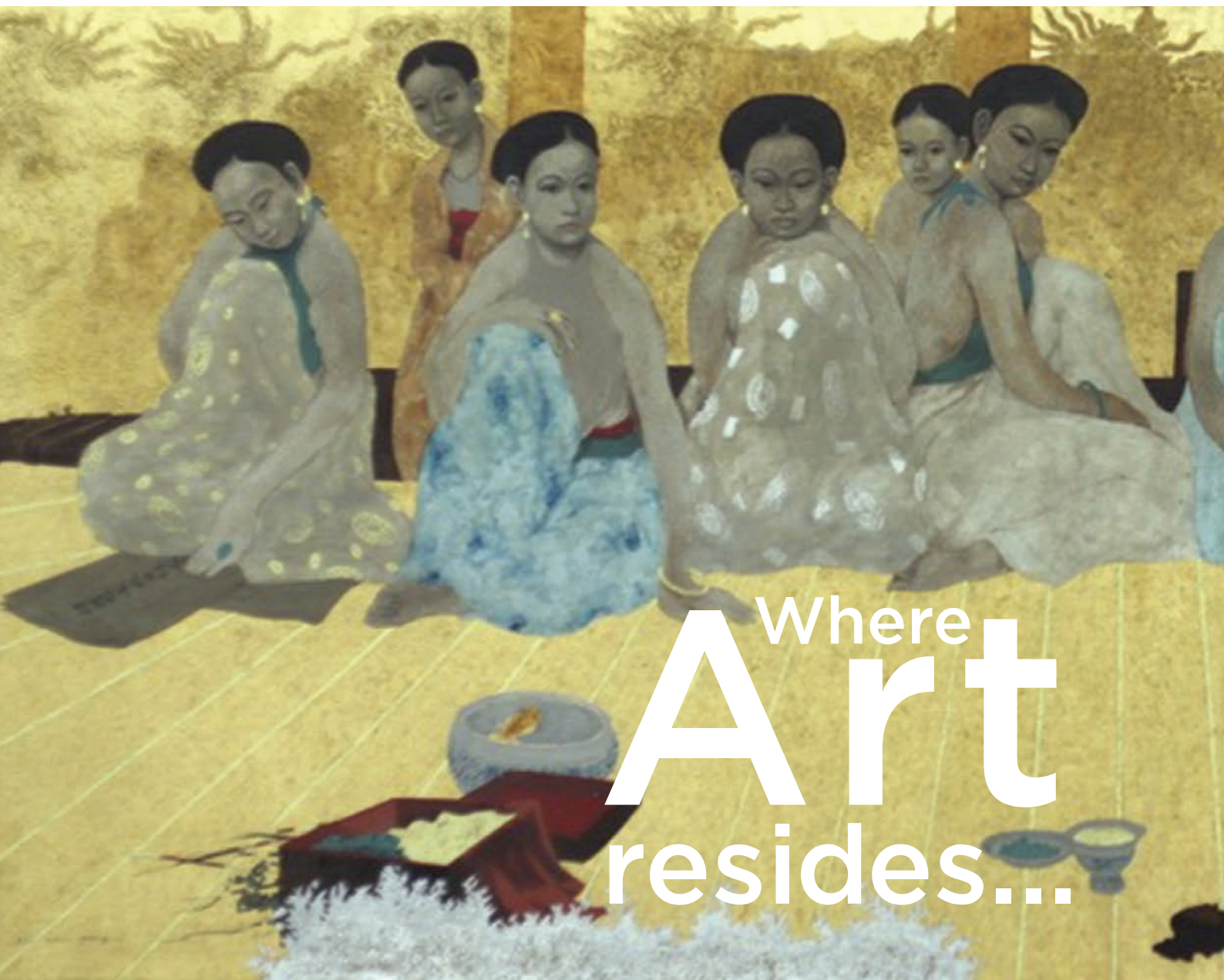
and canvases. The reason for this decline was partly due to a small change in artistic preference among Hanoi's art lovers and the limited profits the artists generated. Eventually, most artists who mastered the Hang Trong painting technique were gone. Except for one artist - Le Dinh Nghien. Until this day, the artist is still breathing life into Hang Trong paintings and their finest features.

To find Hang Trong paintings, one needs to go to places such as temples, religious places or searching through private collections or museums in Vietnam as well as other

countries worldwide. The painting of Five Tigers currently situated in Kim Lien village pagoda is considered the largest and most well kept Hang Trong painting, proof to this genre of painting's pure beauty.

In memory of a busy old street selling folk paintings and calligraphy paintings each year as the spring drew near, Mr. Vu Dinh Lien, a Hanoian with years of experience as a French teacher in National University of Vietnam, wrote the poem "Ong Do Gia" (The Master) as a wistful tribute to a beautiful culture that has been long forgotten in Hanoi. ■

Collected and edited by Apricot



Where
Art
resides...



Royal Elegant Music - 160cm x 410cm - Lacquer on canvas
Bui Huu Hung

Một tiếng nói im lặng của hội họa

📍 Nhà phê bình Mỹ thuật Thái Bá Vân

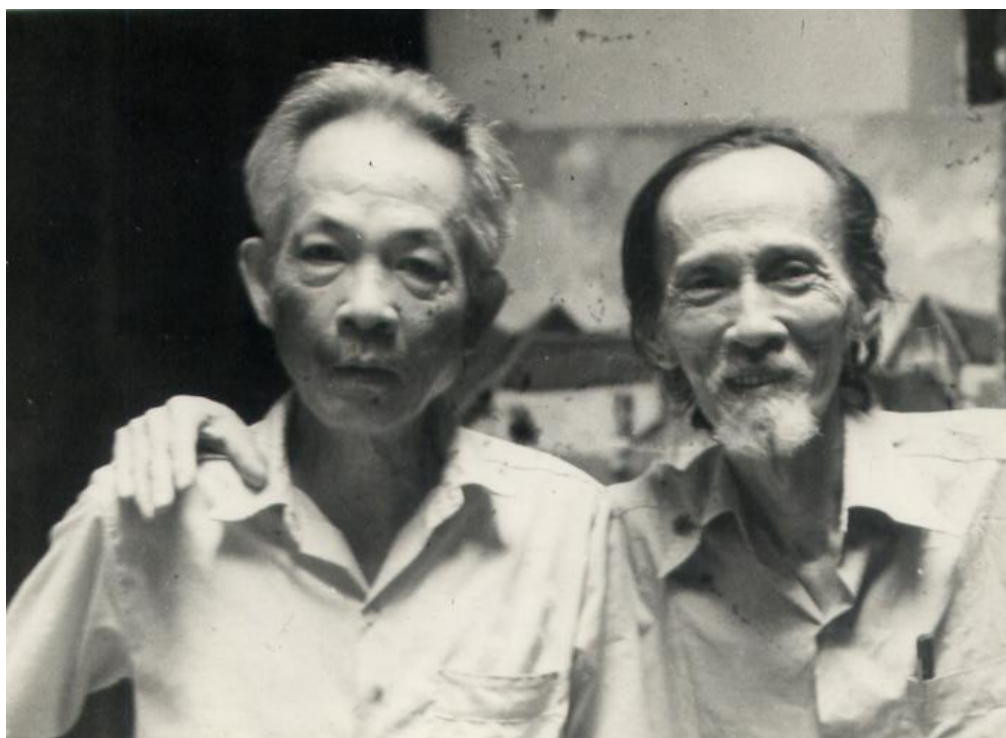
“Nhưng, nghệ thuật của Anh là một thế giới sang trọng, miên man trí thức, và như vậy nó là một tôn tại trang nghiêm. Ở đấy, chúng ta nhận ra một nhân cách thẩm mỹ có uy quyền, tự trọng, mà sự yêu thương con người là cuồng nhiệt. Ở đấy, tranh chấp và thù hận được từ bỏ. Ở đấy, có sự chinh phục của cuộc sống hối bình an, có cái im lặng cao thượng.

Xem tranh Dương Bích Liên là được cảm thông với một thân phận nghệ sĩ, đã tự nguyện chọn tiếng nói im lặng của hội họa làm bản thân.

Hội họa Dương Bích Liên không là mới, không là cũ, mà là hiện tại.

Hiện tại với cái nghĩa là sự có mặt đời đời của mặc cảm cô đơn, và cô đơn đó là hiện diện.

Chúng ta cần có kế hoạch lập chương trình triển lãm Dương Bích Liên với tất cả ăm năn và hi vọng về Anh, vì Anh”



ART'S SILENT VOICE

• Words by Art critic Thai Ba Van

“However, his art is a luxurious world with endless knowledge, and therefore is a solemn being. There, we can see an aesthetic personality with authority and self-respect, with a passionate love for humanity. There, disputes and hatred are abandoned. There is a conquest of a peaceful penitent, there is a noble silence.

Seeing Duong Bich Lien’s paintings means being sympathetic with an artist who voluntarily chose the silent voice of art.

Duong Bich Lien’s art is either new or old, but it’s present.

*Presence means the eternal presence of loneliness,
and loneliness that is present.*

We need to plan an exhibition for Duong Bich Lien, with repentance and hope for Him, because of Him.”

Họa sĩ Dương Bích Liên



👉 Nhà nghiên cứu Triết học Nguyễn Hào Hải

“Con đường nghệ thuật rất hà khắc, và không phải dễ dàng có những sự tiến bộ - ông thường nói - Nghệ thuật anh đã là thế nào, thì gần như vẫn là như thế ấy cho đến khi xuống tận nấm mồ. Không thể che mặt nạ!”.

Họa sĩ Dương Bích Liên (1924 - 1988) là một trong số những họa sĩ rất nổi tiếng của Hội họa Việt Nam hiện đại, nhưng giới yêu nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng rất ít được xem tranh của ông.

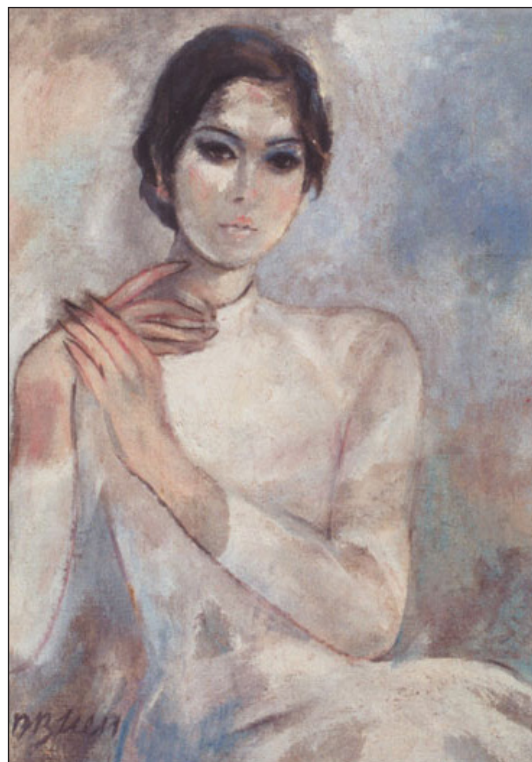
Nhờ có công cuộc đổi mới ở Việt Nam, hình thức triển lãm cá nhân sau gần một nửa thế kỷ bị loại bỏ, đến năm 1984 đã được phục hồi lại. Bộ Văn hóa và Hội Mỹ thuật Việt Nam đã quyết định chọn 4 họa sĩ tiêu biểu của hội họa Việt Nam hiện đại để tài trợ kinh phí cho việc trở lại lần đầu tiên hình thức sinh hoạt hội họa này, mà vào những năm 30 và 40 của thế kỷ trước ở Việt Nam đã diễn ra khá thường xuyên và hào hứng. Bốn họa sĩ được Hội Mỹ thuật chọn là: Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên và Bùi Xuân Phái. Các họa sĩ Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm và Bùi Xuân Phái đã bày triển lãm cá nhân theo đúng như lịch trình kế hoạch của Hội Mỹ thuật chỉ có họa sĩ Dương Bích Liên quyết định không

tham gia triển lãm, nhưng không giải thích lý do tại sao ngoài sự “im lặng” không bàn, không phát biểu gì như người ta vẫn thường thấy ông luôn như vậy. Một số người trong giới mỹ thuật cho rằng hành động này của ông là một sự cao ngạo, chơi trội, nhưng nếu họ biết được một trong những điều mong muốn nhất của họa sĩ trước lúc qua đời là chỉ muốn làm thế nào để lấy lại tất cả những bức tranh của mình đốt đi để đem chúng theo ông xuống nấm mồ.

Việc họa sĩ không tham gia triển lãm cá nhân đã làm cho những người yêu mến, hâm mộ hội họa của ông bị hụt hẫng. Ông được đánh giá cao, được nổi tiếng chủ yếu là những sự ca tụng, ngợi khen của những đồng nghiệp trong giới họa sĩ cùng thời nhận xét, đánh giá.

Trong sự nghiệp hội họa của mình, họa sĩ Dương Bích Liên đã từng đạt được những giải thưởng cao nhất trong “Cuộc triển lãm ở Việt Bắc” (1948) và “Cuộc triển lãm ở An toàn khu” (1950). Năm 1980 trong cuộc triển lãm lớn toàn quốc, cuộc

Where art resides...



Một số tranh về thiếu nữ của Họa sĩ Dương Bích Liên



Họa sĩ Dương Bích Liên chụp ảnh cùng nguyên mẫu cô Mai

triển lãm lần đầu tiên tập hợp các họa sĩ hai miền Bắc và Nam sau khi đất nước được giải phóng thống nhất, họa sĩ đã giành được giải nhất với tác phẩm "Hồ Chủ tịch qua tuổi".

Như những văn nghệ sĩ nổi tiếng nhất, gạo cội nhất cùng thời, họa sĩ Dương Bích Liên cũng được tặng thưởng những bằng khen, huy chương, huân chương, nhưng ông thường vắng mặt trong những buổi lễ trao tặng, do vậy bằng khen, huy chương, huân chương của ông vẫn nằm lưu lại tại những văn phòng của Hội Mỹ thuật trong các thời kỳ, kể cả "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học nghệ thuật của Nhà nước trao tặng ông (lúc Họa sĩ đã mất) nên cũng nằm lưu lại ở Văn phòng Hội Mỹ thuật - việc đã gây cho Hội nhiều áy náy và phiền toái: vì văn bằng để lưu lại thì không sao, nhưng sổ tiền lớn kèm theo giải thưởng này, Hội Mỹ thuật không biết xử lý thế nào, cứ phải giữ năm này qua năm khác, vì họa sĩ sống đơn độc một mình, xa lánh đồng nghiệp và cả họ hàng. Mọi người đã tôn trọng sự lựa chọn và tính cách của ông.

Nói về nghệ thuật của họa sĩ Dương Bích Liên, người ta thường nhắc đến nghệ thuật vẽ chân dung của ông. Đây là một chủ đề họa sĩ rất yêu thích. Người ta có thể gọi ông là một họa sĩ vẽ chân dung đúng nhất với ý nghĩa của từ này (Portraitisme), đặc biệt là vẽ các chân dung thiếu nữ, chủ đề này đã chiếm một vị trí quan trọng trong những sáng tác của ông. Một chủ đề khác họa sĩ cũng rất quan tâm và có thể nói cũng là một sở trường của ông: đó là tranh khỏa thân (Le nu), nhưng đề tài này họa sĩ chỉ vẽ cho riêng mình, không phổ biến, vì ở Việt Nam trước đổi mới trong lĩnh vực hội họa, nhiếp ảnh đề tài này bị cấm, dù không có văn bản thành luật chính thức, nhưng trong giới nghệ thuật ai cũng hiểu như vậy, nên các họa sĩ khi vẽ về đề tài này chỉ chuyển tay cho những đồng nghiệp thân cận xem. Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm cũng ưa thích đề tài này, thỉnh thoảng vẫn trao đổi, bàn luận với họa sĩ Dương Bích Liên về những bức tranh khỏa thân mà hai họa sĩ đã vẽ, và có lần ông đã tặng lại họa sĩ Dương Bích Liên một, hai dessin khỏa thân ông đã vẽ các cô gái mà họa sĩ Dương Bích Liên thấy hay và thích. Sự cấm không thành văn việc trưng bày trước công chúng tranh khỏa thân chỉ là những ý muốn của vài quan chức văn nghệ có một quan niệm chưa thấu đáo về nghệ thuật. Ở góc độ nghệ thuật cũng như thẩm mỹ, hình thể, dáng vẻ của một

phụ nữ khỏa thân tự nó là một cái đẹp trọn vẹn mà không có một họa sĩ tài ba nào có thể sáng tạo được điều gì đẹp hơn thế. Cho nên được vẽ những thiếu nữ khỏa thân là một niềm hạnh phúc lớn lao, một sự khát khao của mọi họa sĩ đi tìm đến cái đẹp. Vấn đề còn lại chỉ là họa sĩ đó có đủ vững chắc về tay nghề cũng như năng lực thẩm mỹ để thực hiện được những khát vọng đó hay không?

Về mặt chủ đề, trong giới mỹ thuật vài người cho rằng họa sĩ Dương Bích Liên rất mạnh và rất thành công với các đề tài về "phái yếu" và ẩn mình trong những đề tài "nữ tính" như vậy. Nhưng thực ra ông chẳng ngại một đề tài nào, ngay cả những chủ đề, đề tài về chiến tranh, chiến đấu, lao động sản xuất - những chủ đề, đề tài được coi là khó để có một tác phẩm hay, có giá trị. Nhưng những tác phẩm như: "Hào"; "Đi học đêm"; "Mùa gặt"; "Chiều về bên đồng lúa"; "Chiều sông Hồng" có thể nói đó là những bức tranh trong số những bức tranh đẹp nhất, lớn lao nhất, giá trị nhất về đề tài chiến tranh, lao động, sản xuất của hội họa Việt Nam hiện đại.

Là một người được đào tạo ở "Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương" (L'École supérieure des Beaux-Arts de l'Indochine) do người Pháp sáng lập với nhiều giáo sư hội họa Pháp giảng dạy và với kỹ thuật vẽ sơn dầu là cơ bản, cốt lõi, họa sĩ Dương Bích Liên đã nắm vững kỹ thuật này nhưng để vượt qua nó bằng cách riêng của ông. Xem những tranh sơn dầu của họa sĩ Dương Bích Liên, người ta thấy ông không quá câu nệ vào kỹ thuật này, nói cách khác không thấy ông "tây" một chút nào, mà vẫn thấy ngời ngời một chất Á đông nhẹ nhàng, duyên dáng, đậm sâu như kiểu vẽ tranh lụa vậy. Ông ít sử dụng những pát (Pâte) gỗ ghê, dày thô như lối phết trát trong kỹ thuật sơn dầu phương Tây thường thấy. Các lớp màu sơn trong tranh của ông rất mịn mỏng, tinh tế, hòa quyện sắc màu vào nhau, nên tranh sơn dầu của ông từ thể loại bố cục đến thể loại chân dung bao giờ cũng thấy hiệu quả uyển chuyển, lung linh, gợi nhiều ấn tượng và những cảm xúc bằng lòng và chứa đựng được cái hồn Việt Nam. Tính chất Á đông của ông còn thể hiện cả trong cách thức bố cục tác phẩm. Tranh của ông thường để thừa rất nhiều khoảng trống mênh mông cho đất nước, cỏ cây, hoa lá. Chính vì thế nhân vật trong tranh của ông rất ít, thường là một, hoặc hai, nhiều nhất là ba, vì còn để dành chỗ cho không gian. Với ông không gian là một chủ đề

quan trọng trong những tranh của ông, chúng tồn tại gần như một chủ đề độc lập bên những bố cục khác, mà quan trọng hơn chúng lại hòa quyện, gắn bó, nâng đỡ, làm giàu có thêm những vẻ đẹp, những ý nghĩa của các bố cục trong tranh. Khi xem những tranh sơn dầu của họa sĩ Dương Bích Liên người ta thấy ông không vẽ dày, vẽ nhiều lớp sơn như nhiều họa sĩ vẽ sơn dầu mà ông vẽ rất mỏng. Việc vẽ mỏng, lướt nhanh các gam màu thể hiện những đường nét, hình khối, màu sắc, những tình cảm trong những tranh của ông chính là cách thức tốt nhất để ông ghi chép, thể hiện một cách gấp gáp những cảm xúc, những ấn tượng của mình trước các vật thể và các đối tượng. Ông thường vẽ một mạch, một hơi. Đối với ông đề tài nhiều khi chỉ là cái cớ để thể hiện, diễn tả những ấn tượng về những hồi quang của màu sắc, cảnh vật và sự xúc động trước con mắt của mình về sự vật. Họa sĩ chú tâm khám phá những tác dụng của ánh sáng và những khả năng phong phú, vô tận của sắc màu trong những tranh của mình. Nhìn "Mùa gặt"; "Mùa thu và thiếu nữ" (Ba cô gái), người ta thấy rộn lên một màu vàng, nhưng nếu quan sát kỹ ở nhiều chỗ, nhiều mảng còn có biết bao sắc tím, hồng, xanh, trắng, ẩn chứa tầng tầng, lớp lớp, nhòa quyện vào nhau dưới tác dụng của những hào quang ánh sáng. Có thể nói đó là những tác phẩm rất giàu sang về màu sắc. Giàu sang một cách hào hoa, tinh tế. Và như vậy, ở khía cạnh khác, thì chính ông đã thực hiện theo lối vẽ của các họa sĩ theo trường phái ấn tượng chủ nghĩa. Có thể nói họa sĩ Dương Bích Liên là một trong số ít những họa sĩ Việt Nam thể hiện rõ nhất về phong cách của chủ nghĩa ấn tượng (impressionnisme). Điều này không chỉ thấy trong tranh sơn dầu của ông. Sơn mài mặc dù chỉ có một vài màu hạn hẹp: vàng, bạc, sơn then, cánh gián, xanh lục, nhưng họa sĩ vẫn thể hiện được một cách đầy hiệu quả phong cách ấn tượng của mình. Những tranh sơn mài của ông, người ta thấy chất chứa bao nhiêu những hào quang muôn vẻ của những sắc màu huy hoàng, rực rỡ ("Chiều vàng": "Chiều thu"; "Chiều về bên đồng lúa"; "Đi cấy sau cơn lũ"....)

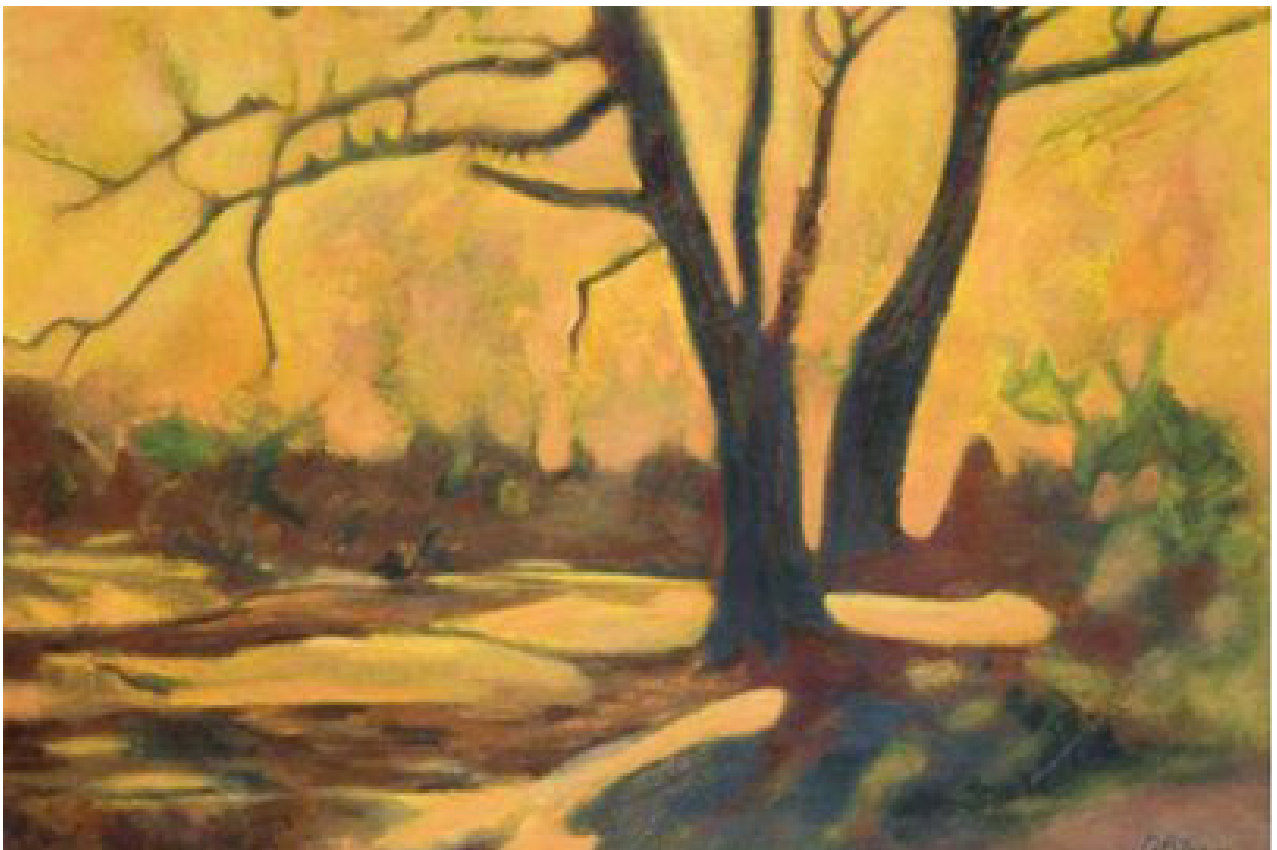
Có thể nói Dương Bích Liên là một họa sĩ có khả năng đối với nhiều loại chất liệu nghệ thuật. Chất liệu nào mà ông thích, đều có thể đạt được hiệu quả ở những đỉnh cao: Sơn dầu, sơn mài, phấn mầu, chì than.

Về ký họa chì than, có lẽ không có ai trong làng vẽ lại không thừa nhận họa sĩ Dương Bích Liên là một trong số ít ỏi các họa sĩ có tay nghề vững vàng và tài hoa nhất.

Nói đến họa sĩ Dương Bích Liên người ta thường nghĩ đến một người nghệ sĩ sống theo lối ẩn mình. Ông lặng lẽ hoạt động nghệ thuật ở những vĩa tăng sâu để đi tìm những cái đẹp đích thực, chứ không hoạt động ở mặt nổi, ở phía trên khu vực khoe khoang làm tung bọt nước hay chạy lăng xăng hô hoán, khuếch trương ồn ào, tranh thủ cướp diễn đàn, hoặc dùng mọi thủ đoạn từ sự thô bạo, kịch cỡm nhất đến sự tinh vi, tế nhị nhất để đề cao, tôn xưng mình. "Con đường nghệ thuật rất hà khắc, và không phải dễ dàng có những sự tiến bộ - ông thường nói - Nghệ thuật anh đã là thế nào, thì gần như vẫn là như thế ấy cho đến khi xuống tận nấm mồ. Không thể che mặt nạ!".

Cuộc đời họa sĩ Dương Bích Liên là một cuộc đời cũng có những trắc trở, những điều trắc ẩn và nhiều nỗi buồn. Tranh của ông chứa nhiều tâm sự và những nỗi suy tư. Những nghệ sĩ thường có những tuyên ngôn của mình về nghệ thuật. Matisse luôn luôn muốn tranh của ông vẽ ra sẽ trở thành những món quà tặng, những món tiệc của con mắt. Họa sĩ Dương Bích Liên rất tránh nói ra những nhận định của mình về hội họa, song xem tranh của ông, nhất là về những đề tài phong cảnh, và thiếu nữ, người ta như thấy được sự nghỉ ngơi, được yên ả, như thấy yêu thương, đôi khi thấy một chút buồn. Và những tình cảm trong sáng lành mạnh chứa chan tình người và đầy tính người ấy trong tranh của ông làm chúng ta muốn xa lánh trút bỏ những điều ÁC để hướng về cái THIỆN. ■

Tác phẩm Chiều vàng



Artist

Duong Bich Lien

☀ Words by Philosophy Researcher Nguyen Hao Hai

“The path in art is harsh, and progress does not come easy – he usually said – How your art is at the moment, will practically be the same until you die. You can never wear a mask!”.

Artist Duong Bich Lien (1924–1988) was one of the pioneers of Vietnamese Contemporary Art. However, aesthetes in general and fine art lovers in particular rarely have the chance to appreciate his paintings.

Thanks to the renovation period in Vietnam, private exhibitions were allowed again in 1984 after half a century of prohibition. The Ministry of Culture and The Vietnam Fine Arts Association decided to select four outstanding artists from the country's contemporary arts scene to each hold an exhibition to celebrate the return of artistic freedom, events that had been widely popular during the 30s and 40s. The four artists selected were Nguyen Sang, Nguyen Tu Nghiem, Duong Bich Lien and Bui Xuan Phai.

Nguyen Sang, Nguyen Tu Nghiem and Bui Xuan Phai all held their exhibitions as planned by The Fine Arts Association, but Duong Bich Lien decided not to and remained silent about his decision. Several people in fine arts circles considered his action a sign of arrogance. Little did they know about the artist's dying wish to retrieve all of his paintings and take them to the grave with him.

The fact that he did not hold an exhibition disappointed many of his fans and fine art lovers. The artist was highly regarded and had become well known through praise and comments from fellow artists at that time.

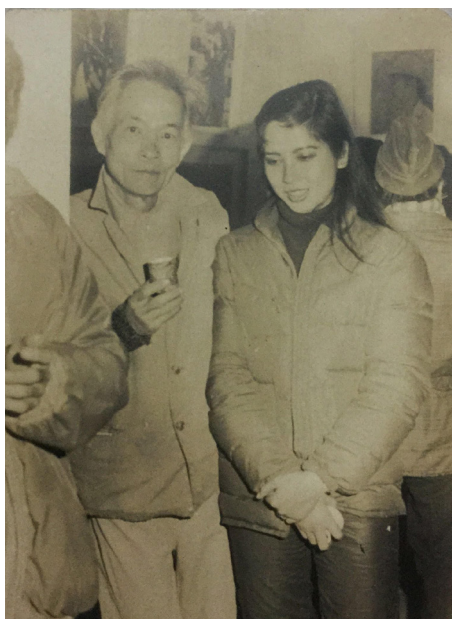
During his career, Duong Bich Lien won the top awards at the Viet Bac Exhibition (1948) and the Safe Zone Exhibition (1950). During a large national exhibition that, for the first time after liberation and unification, included both artists from North and South of Vietnam, the artist won first prize for his painting *President Ho Passing a Stream*.

Like most famous and seasoned artists during his time, Duong Bich Lien received many certificates, medals and honors.

However, he rarely made an appearance at these events, so they are still stored at The Fine Arts Association. Even the Ho Chi Minh Award for literature and fine arts granted by the Government posthumously is kept at the office. This caused a problem for the association. Although it was fine to store the certificates, they did not know what to do with the money that came with the prizes because the artist lived in seclusion without close contact with other artists and relatives.

Regarding Duong Bich Lien's work, his portraits are often the first mentioned, and portraits of girls were probably his favorite subject, particularly nude paintings (*Le nu*). However, he only painted them for himself without making it known to others because this topic was not allowed in art and photography before the renovation period in Vietnam. The fact was silently understood among artists, and even when they did paint nudes, they were only exchanged among close friends and colleagues. Artist Nguyen Tu Nghiem was also interested in this topic and presented Duong Bich Lien with two of his own pieces that Lien found interesting. The unwritten law that prohibited displays of nude paintings in public was only the subjective will of several officials in art field, and only reflected their narrow-mindedness. In the eyes of artists, the posture and expression of a nude woman is considered something of absolute beauty that cannot be rivaled. That is why painting nude women is a passionate desire for every artist who seeks beauty. The only problem is whether the artist holds enough skill and artistic talent to realize their passion.

In terms of subject, a few people in art field thought of Duong Bich Lien as a master of depicting “the weaker sex” and hiding himself in “feminine” subjects. However, he never turned away from other subjects he felt important, even those considered difficult to paint such as war, battles and work. His paintings *Hao*, *Going to School at Night*, *Harvest Season*, *Afternoon by the Rice Field* and *Afternoon by the Red River* are among the most valuable paintings of war and labor



Artist Duong Bich Lien and Ms Mai

in Vietnamese fine arts.

As a student of the Indochina Art College (L'École supérieure des Beaux-Arts de l'Indochine), he was taught the art of oil painting by French art professors. Lien was very skilled in the technique, but improved upon the basics using his own method. Looking at his oil paintings, we can see he did not overly focus on this technique, and this Western influence is not particularly apparent in his style. Instead, his art radiates an oriental aura with lightness, elegance and depth, just like in silk paintings. The artist rarely used rough smearing (pâte) as regularly seen in Western oil paintings. The color layers in Duong Bich Lien's paintings are smooth, thin, and elegant. Therefore, one can always find in his oil paintings the smooth transition, the sparkle and the scatter of feelings and soul of Vietnam. The oriental character of Duong Bich Lien was also expressed in the way he arranged his paintings. The artists usually left wide-open spaces for the land, plants and flowers. There were only ever a few characters in each painting because there had to be room for the space. To the artist, space was an important part of his paintings and was expressed as a separate object to other subjects. However, these objects combined and connected with each other, enhanced each other, and together they enriched the beauty and meaning of the paintings. You can see he did not use thick layers of paint like other artists. Instead, he painted thin layers and switched quickly through different color tones to display his lines, shapes and impressions. The emotion put into his paintings was the best way for him to speedily record and express his feelings and impressions of different objects, and he often finished his paintings in one sitting. To him, subjects were sometimes just an excuse to express his impression of light reflection in colors, in sceneries, and of an overwhelming emotion for the subjects. The artist focused on the use of light together with the endless diversity of colors in his paintings. Looking at *Harvest Season* or *Autumn and Girls*, people can easily see the color yellow, but if you look a little

bit closer, you can see many more colors with violet, pink, blue and white hiding in layer after layer, mixing together under a halo of light. We could say that those paintings are rich in color – rich in an elegant way. Hence, in some ways, Duong Bich Lien was one of the few Vietnamese artists to follow the impressionism movement. This tendency is also apparent in his lacquer paintings, despite the limited choice of colours. Lacquer paintings by Duong Bich Lien are full of colorful halos and glorious shades (*Golden Afternoon*, *Autumn Afternoon*, *Afternoon by the Rice Field*, *Planting Rice after the Flood...*).

Duong Bich Lien was talented in a variety of medium, and could produce exquisite works in oil, lacquer, pastel or charcoal.

People often think of Duong Bich Lien as an artist living in seclusion. He silently sought through deep layers to seek true beauty instead of living on the surface, making loud noises, trying to steal the limelight, or using any kind of measures from the most violent and despicable to the most sneaky and underhanded in order to inflate his name.

"The path in art is harsh, and progress does not come easy – he usually said – How your art is at the moment, will practically be the same until you die. You can never wear a mask!"

The life of Duong Bich Lien was a life not without hardships, secrets or sadness. His paintings contained more than a little of his reflections and thoughts. Artists often have their own statement to make in their works. Matisse always wanted his paintings to be present, to be a feast for the eyes. Duong Bich Lien mostly avoided voicing his own perception of art. Yet, observing his paintings, especially his landscapes and female portraits, people can find relaxation, peacefulness and calmness – and sometimes a sliver of sadness. These emotions his paintings evoke, full of humanity, make us want to stay away from evil and turn towards the good. ■

Cuộc phiêu lưu của “Hào”

🌟 Nhà nghiên cứu Triết học Nguyễn Hào Hải



Hào ra đời trong hoàn cảnh nào

Năm 1972, tôi vừa tốt nghiệp đại học, vì thích luận văn tốt nghiệp viết về triết học của tôi mà tôi được một người anh bên Viện Triết gọi về làm việc. Thời gian đó, tôi chưa chính thức nhận lời, đang lang thang đi chơi với Dương Bích Liên và bạn bè. Dịp ấy, tôi cần mua một cái ba lô, để đựng đồ đạc quần áo phòng khi đi sơ tán. Trong một buổi đi ăn sáng cùng Dương Bích Liên tại hàng Da, hai anh em ra phố nhà Chung nơi mà bán tất cả các hàng hóa của bộ đội mình được phát, có cả chiến lợi phẩm, vật liệu của bộ đội nhiều lắm, nhất là bạt bộ đội. Hai anh em đang đi thì nhìn thấy một cuộn bạt rất giống toan. Tôi lại gần sờ tay xem thử và quả quyết với Dương Bích Liên: "Em chắc, đây là toan Liên Xô anh ạ, chắc là của ai đó ở hội Nghệ sĩ được phân rồi không dùng đến đem bán hoặc là vì một lý do nào đó mà cuộn toan này có mặt ở đây. Nhìn cuộn toan rộng 1,5m, dài 2m, Dương Bích Liên sáng mắt lên. Thế là hai anh em móc toàn bộ tiền mua ba lô và quần áo bộ đội sang mua cuộn toan này. Hai anh em vác cuộn toan đi nhưng không có một cửa hiệu nào có thợ làm sát xi (Tiếng Pháp là "châssis" đóng tấm toan vào khung gỗ để tấm toan căng ra cho họa sĩ vẽ) vì tấm toan rộng quá, lớn quá. Ngày xưa cả Hà Nội chỉ có 1 ông Cả Chè làm khung tranh, nhưng hai anh em đến đó ông Cả Chè lắc đầu vì không có đủ vật liệu to rộng cỡ tấm toan này để làm khung căng tấm toan lên. Cuối cùng cả hai anh em phải ra bờ sông Hồng tìm được một tay thợ mộc chuyên đóng đồ gỗ. Anh thợ mộc đã nhận lời và đo tấm toan để đóng khung căng toan. Tấm toan nguyên bản, chưa được pê-pa-rê. Cả tôi và Dương Bích Liên lại lọ mọ lên phố hàng Bông đến cửa hàng làm mũ cát mua giê - ran - tin để phết lên tránh thấm nước (thời đó muốn mua Giê-ran-tin thì phải đến các cửa hiệu làm mũ). Thế là hai anh tôi tự mua Giê-ran-tin để vẽ hì hụi phết lên toan.

Suốt từ ngày Mỹ đánh phá Hà Nội đến khi kết thúc chiến tranh, họa sĩ Dương Bích Liên không đi sơ tán một ngày nào. Không những thế ông rất ngại xuống hầm trú ẩn, vì thấy tối tăm, chật hẹp, ngột ngạt và đông người. Thấy họa sĩ hay đi trên phố, mấy anh dân phòng trực chiến ở đầu dốc Bà Triệu đã cho một chiếc mũ sắt để phòng mảnh đạn của quân ta và quân địch đánh nhau rơi vào đầu, nhưng không thấy ông đội bao giờ. Hồi đấy, mọi người luôn nhìn thấy hình ảnh Dương Bích Liên mặc quần nhung loe (thứ áo quần của người nhà tôi bên nước ngoài vẽ) và đi xục (cũng do tôi cung cấp) và đội mũ cối. Nhiều người vẫn buồn cười với kiểu cách ăn mặc không giống ai của Liên nhưng Liên đơn giản, không mấy bận tâm.

Trong những năm tháng Mỹ sử dụng không quân đánh phá Hà Nội ác liệt ấy, ở trên gác số nhà 55 Bà Triệu, Dương Bích Liên đã vẽ "Hào" trên tấm toan Liên Xô khổ rộng do hai anh em tôi tậu được. Cần nói thêm hồi đó toan với họa sĩ là thứ vô cùng quý hiếm, các họa sĩ thường chỉ vẽ những bức tranh khổ nhỏ vì không có toan, không kiếm đâu ra toan để thỏa mãn nhu cầu vẽ của mình. Vì thế có một bức tranh khổ lớn hồi đó là vào loại cực hiếm. Thời gian vẽ "Hào" vào nhiều ngày tháng trong chiến tranh, ngoài rượu, lương thực để nuôi sống ông chính là những gói lương khô Trung Quốc, và những gói bột xúp của Liên Xô – hai mặt hàng viện trợ của hai nước bạn lớn ngày ấy đã nhiệt tình gửi giúp chúng ta trong thời chiến. Những gói lương khô và những gói bột xúp ấy rất tiện lợi cho những người lính vì trận tuyến cam go, không có điều kiện nấu cơm, còn họa sĩ lại thích ăn những thứ lương khô này trong thời chiến, vì sống độc thân, ngại nấu nướng và đi chợ.

Trong những năm chiến tranh, nhiều văn nghệ sĩ xa Hà Nội rất nhớ bia và các tin tức, nên họ không đi sơ tán được lâu, thường họ lên với vợ con, người thân hay làm việc với cơ quan trên những khu sơ tán vài hôm rồi lại quay về thành phố tụ tập nhau ở quán bia vườn hoa Cổ Tân cạnh Nhà hát lớn. Trong những năm máy bay Mỹ bắn phá ác liệt miền Bắc và Hà Nội ấy, đây là điểm duy nhất trong thành phố lúc nào cũng thấy náo nhiệt, sôi động cả sáng lẫn chiều. Mọi người đổ dồn về đây để tìm nhau, để gặp gỡ, chuyện trò với nhau, nói cho nhau đủ mọi tin tức trong chiến tranh, đặc biệt là những người trong giới trí thức văn nghệ sĩ. Nguyễn Tuân và Văn Cao được tin họa sĩ Dương Bích Liên đang vẽ "Hào", khi gặp Dương Bích Liên ở quán bia Cổ Tân, Nguyễn Tuân nói: "Khi vẽ xong "Hào" báo cho bọn mình biết nhé". Còn Văn Cao, mặc dù chưa xem tranh "Hào" nhưng ông nói: "Liên vẽ thì hay rồi".

Ngày ấy những máy bay đánh phá ở ngoại vi hay trong thành phố Hà Nội ác liệt thật, nhưng mọi sinh hoạt đều trở lại bình thường khi "máy bay địch đã đi xa". Thời chiến khó khăn như thế, nhưng người ta vẫn cố gắng duy trì các hoạt động về văn hóa, văn nghệ. Hội Mỹ thuật vẫn chuẩn bị mở một triển lãm trong chiến tranh.

Trước thời gian triển lãm ít tuần, Nguyễn Tuân, Văn Cao, Phạm Văn Khoa và một vài người khác, một hôm từ quán bia Cổ Tân đã về nhà Dương Bích Liên xem "Hào" trước. Mọi người đều ngạc nhiên khi nhìn thấy vóc dáng "Hào" to lớn quá (147x200 cm). Thời ấy các họa sĩ Việt Nam chưa có thói quen vẽ tranh khổ lớn vì nhiều lẽ: vật liệu vẽ rất khan hiếm, nhà ở chật chội, nếu vẽ những tranh khổ lớn họa sĩ sẽ phải ngộp hơi trong tranh không đường nào mà ra.



Sau khi xem "Hào", Nguyễn Tuân vốn thấu hiểu sâu sắc trong chốn văn trường khuyên Dương Bích Liên nên thêm một cái gì để trông "Hào" đỡ mênh mông rồi gợi ý: "Có thể là những chiếc "MIG"

Sau nhiều lời khen, Nguyễn Tuân vốn thấu hiểu sâu sắc trong chốn văn trường khuyên Dương Bích Liên nên thêm một cái gì để trông "Hào" đỡ mênh mông rồi gợi ý: "Có thể là những chiếc "MIG". Dương Bích Liên hiểu ngay ý Nguyễn Tuân muốn nói về điều gì, họa sĩ lấy palette pha màu, cầm bút vẽ lên ở góc cao phía trái của tranh hai quả tên lửa đang bay vút lên trời cao. Vẽ xong họa sĩ nói: "Đây là hai quả tên lửa của Nguyễn Tuân chứ không phải của moi!" (moi tiếng Pháp là: tôi). Mọi người cười ầm lên khen về "cái sự thêm ấy" vào trong tranh của họa sĩ.

Nghe tin Dương Bích Liên vẽ "Hào", Trần Dần cũng đến thăm họa sĩ. Ông còn có dịp ngắm "Hào" vài lần nữa khi nhà văn đến trả những cuốn sách, những tư liệu mượn của họa sĩ. Có một lần đến chơi nhà Dương Bích Liên ông rút trong túi một bài viết bằng một thứ mực tím trên những trang giấy học trò khoảng 8-9 trang, với đầu đề "Hào một tốt", với giọng văn độc đáo như cái tên của bài viết vậy ("Một tốt" với ý nghĩa "Một tác phẩm tốt đỉnh", "Một đỉnh cao"...).

Cuộc phiêu lưu của "Hào"

Trước mọi cuộc triển lãm, theo thông lệ bao giờ cũng có sự duyệt tranh. Có nhiều ý kiến trong Ban Giám khảo cho rằng: Tranh "Hào" nói về đề tài chiến tranh, nhưng yếu tố con người, yếu tố quan trọng nhất trong cuộc chiến tranh đã không được khắc họa rõ ràng. (Nhẽ ra phải miêu tả các chiến sĩ, du kích nhảy phắt khỏi các chiến hào, hiên ngang giương cao cờ súng xông lên nhằm thẳng quân thù bắn như phần lớn các tranh vẽ về chiến tranh ngày ấy, nhưng họa sĩ Dương Bích Liên lại miêu tả họ lơ mơ lom khom đi dưới những con "Hào", còn họa sĩ chủ yếu chỉ muốn miêu tả quang cảnh một chiều về mênh mông im ắng của một trận địa ở thôn quê trong thời chiến tranh. Và cuối cùng, mặc dù được nhà văn Nguyễn Tuân đã "đeo" thêm hai quả tên lửa chống máy bay Mỹ vào tranh để tăng thêm sức nặng, "Hào" vẫn bị Ban Giám khảo loại khỏi cuộc triển lãm, thậm chí còn có ý kiến cho rằng "Tác phẩm "Hào" có vấn đề, và "Hào" đã được đưa về treo ở một phòng trong trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội để cho những người trong giới đến xem, phê bình, góp ý kiến tiếp.

Cuộc triển lãm kết thúc đã lâu, mặc dù người ta cho người đến giục họa sĩ mang tranh về để lấy phòng làm việc khác, nhưng ông vẫn chưa nhớ được ai đưa "Hào" to lớn, cổng kính ấy về nhà. Vì khi đi triển lãm, Ban tổ chức cho xe công cộng để đưa "Hào" đi. Thời chiến mỗi người bận mỗi việc nên vừa triển lãm xong, Ban Tổ chức đã giải tán luôn, họ quên không phân công người đến giúp mang tranh "Hào" về nhà cho họa sĩ.

Ông Phạm Văn Bổng (tức Bổng nháy ở Hàng Buồm) biết được tin người ta giục họa sĩ Dương Bích Liên đến mang "Hào" về để giải phóng phòng cho họ mà Liên thì chưa tìm được phương tiện gì để mang "Hào" về nên đã gặp họa sĩ xin được làm nhiệm vụ đó, nhưng với một lời thỉnh cầu "Xin được đem "Hào" về nhà mình chơi một thời gian ngắn, rồi sẽ đem "Hào" đến tận nhà trả cho họa sĩ". Họa sĩ bất đắc dĩ cũng phải đồng ý phương án đó, vì biết người mượn bức tranh của mình là ai. Ông Bổng phấn khởi lắm, về nhà gọi vợ con đi theo ông đến 42 Yết Kiêu, mỗi người một tay cho "Hào" lên xe bò hồ hởi kéo về nhà mình. Một hình ảnh về lòng nhiệt tình yêu nghệ thuật. Tiếc thay việc mượn ngắn rồi chuyển sang mượn dài để thực thi phương án mua "Hào" từng công đoạn của ông Bổng đã thành công.

Vừa đi công tác ở nước ngoài về đến Hà Nội nhà văn Tô Hoài đã nghe thấy anh em trong giới văn nghệ sĩ nói về "Hào". Nhà văn Tô Hoài và nhà văn Nguyễn Đình Thi là hai nhà văn hồi ấy được mời đi nước ngoài nhiều nhất, mỗi khi đi công tác ở nước ngoài về thường hay đến tặng cho họa sĩ Dương Bích Liên một món quà nhỏ: dăm ba tuýp sơn dầu trắng. Lần này Tô Hoài đến thăm Dương Bích Liên không chỉ đem biếu họa sĩ một chút về đời sống vật chất mà còn muốn bày tỏ quan điểm của mình về "Hào", bằng việc mua bức tranh đó.

Tiếc rằng việc mang bức tranh to ụnh oàng về trong khi căn nhà ở ngõ Đoàn Nữ Hải của Tô Hoài lại quá bé, không có chỗ để treo bức tranh lên cho phù hợp đành phải để ngay trên chiếc sập ở nhà. Nhà chật, con đông, khách khứa của chồng lại vào ra không phải là ít, bà Thu Cúc không ít lần cần nhảu chống rước bức tranh to ụnh về nhà khiến cả nhà sinh hoạt thêm phần khó khăn.

Một hôm nhà văn Nguyễn Hồng ở Nhả Nam về Hà Nội đến chơi



Nhà văn Tô Hoài người đầu tiên ngỏ ý với Dương Bích Liên muốn mua bức "Hào".

với nhà văn Tô Hoài nhìn thấy "Hào", ông mê ngay và đòi bằng được Tô Hoài phải cho về Nhã Nam với ông. Tô Hoài quý bạn thấy ở nông thôn, đời sống văn hóa tinh thần chẳng có gì nhiều nên đã không nỡ từ chối mong muốn của bạn, và lại tình hình chiến sự ngày càng thẳng, Tô Hoài thấy cần phải cho "Hào" đi sơ tán để bảo toàn. Tô Hoài băn khoăn: Nguyên Hồng chỉ có mỗi cái xe đạp con vịt làm thế nào để đèo "Hào" lên Nhã Nam được? Nguyên Hồng nói ông lo nỗi, vì ở đầu làng có một đơn vị bộ đội pháo binh, các anh bộ đội ở đây rất biết ông, họ thỉnh thoảng có xe đi công tác chạy qua Hà Nội, nhà văn sẽ nhờ các anh đến lấy.

Và thế rồi vào một buổi sáng tinh mơ "Hào" đã được các chiến sĩ pháo binh cho lên một chiếc xe cam nhông. Từ biệt "Hào", Tô Hoài nhờ các anh pháo thủ trông nom "Hào" cẩn thận giúp. Mới đầu các pháo thủ cho "Hào" đứng, nhưng khi xe ra khỏi thành phố, gió mạnh quá, các anh lại đặt "Hào" nằm trên các hòm đạn. Xe đỗ ở đầu làng, hai pháo thủ khênh "Hào" vào xóm, trẻ con trong làng chạy theo sau "Hào" hò reo tưởng rằng tối đến thế nào cũng có vấn công. Nguyên Hồng xúc động khi nhận "Hào" từ tay các pháo thủ. Và từ khi Hào về nhà ông, đã có bao bà con nông dân đến xem, do "Hào" không chịu đựng được môi trường ẩm ướt "nhà tranh vách đất", nên bị "dị ứng". Những lớp sơn trên mặt cứ ải ra rơi là tả xuống nền nhà. Nguyên Hồng thấy vậy hoảng quá, ông đã nhiều lần cho "Hào" ra tắm nắng ở sân kho vãn phơi thóc, nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Khi về Hà Nội công tác, gặp Tô Hoài, Nguyên Hồng đã kể về bệnh trạng của "Hào". Nghe xong, Tô Hoài nói: "Nếu bệnh tình như vậy chỉ còn cách đem về cho Dương Bích Liên chữa". Trong một dịp có xe về Hà Nội, Nguyên Hồng đã gửi "Hào" về 55 Bà Triệu.

Họa sĩ Dương Bích Liên nhận "Hào" mà lòng thấy xót xa. Không muốn ai nhìn thấy "Hào" trong tình trạng ấy, họa sĩ đã giấu "Hào" trong một hẻm sát đầu cầu thang, đó chính là cái kho không của họa sĩ để những khung xát xi và những vật liệu vẽ đã hỏng cũ. Ngày ấy, nếu ai đến thăm họa sĩ, khi đến đầu cầu thang đã nhìn thấy ngay một mảng lưng "Hào" nằm thò ra trong cái kho hẹp không của ấy. "Hào" đã nằm ở đây có lẽ đến gần hai năm. Sau đó "Hào" lại về tay ông Nguyễn. Buổi sáng hôm lấy tranh, ông Nguyễn mời họa sĩ và tôi đến một

quán ăn. Khi về, ông Nguyễn hẹn buổi chiều sẽ tìm phương tiện để chở và lấy ra một phong bì đưa cho Dương Bích Liên. Họa sĩ hỏi thư gì? Rồi mở ra thấy một số tiền tương đương với một tháng lương cán bộ khi ấy. Họa sĩ không lấy, bảo ông Nguyễn cầm số tiền đó lên phố Hàng Buồm đến hàng bà Béo ngồi trước cửa hiệu Đông Hưng Viên cũ mua cho ông một chai rượu tây, bà này hay có hàng thực phẩm ngoại và rượu tây do những đầu bếp ở các Sứ quán đem ra bán.

Tôi đèo xe họa sĩ về nhà. Đổ ngay dốc Bà Triệu thì chúng tôi nhìn thấy Hoàng Trung Thông, ông đang đi ngơ ngơ, ngất ngất trên hè phố điệu bộ say lắm. Tôi chào thi sĩ và hỏi:

- Chắc anh mới ở 91 về

Thi sĩ xác nhận.

Họa sĩ Dương Bích Liên hỏi Hoàng Trung Thông: "Có Nguyễn Sáng ngồi ở đó không?". Thi sĩ nói không thấy và đứng nói chuyện với họa sĩ. Ông hỏi Dương Bích Liên, hiện nay đang vẽ gì, họa sĩ nói dạo này không vẽ, chỉ đọc sách.

Hoàng Trung Thông nói. "Có một vài anh em nói về "Hào", Tô Hoài, và Nguyên Hồng cũng kể chuyện bức tranh "Hào" nhưng ông chưa xem". Tôi nói với họa sĩ Dương Bích Liên mời thi sĩ lên xem "Hào", vì có thể chẳng còn dịp nào thi sĩ xem được nữa.

Hoàng Trung Thông lên gác, đứng xem một lúc rất lâu. Ra về thi sĩ nắm chặt tay chào cảm ơn họa sĩ. Tôi đi về cùng với ông, khi chia tay trước cửa nhà họa sĩ Dương Bích Liên, thi sĩ đã nói với tôi

- "Hào đẹp" - ông nói mỗi một câu như vậy rồi lại bước đi trong cơn say. Đó là ngày cuối cùng "Hào" ở 55 Bà Triệu.

Ông Ngô, một quan chức của Nhà nước, một buổi chiều mùa đông đến nhà ông Nguyễn chơi, thấy "Hào" không còn treo ở mảng tường lớn nữa. Ông Nguyễn sửa nhà nên hạ tranh xuống. Ông Ngô đứng ngắm "Hào" một lúc rồi lấy gang tay đo "Hào" cả chiều dài lẫn chiều rộng. Đo xong ông thở phào vỗ đánh đẹt vào đùi mừng rỡ.



Thầy Nguyễn Hồng quá mê "Hào", thương bạn ở nơi xa
điều kiện sinh hoạt văn hóa thiếu thốn, Tô Hoài nhường "Hào" cho Nguyễn Hồng.

Ông Ngô nói với ông Nguyễn, ông muốn mua bức tranh "Hào" vì thấy nó vào duyệt cái khoảng trống ở trên bức tường thùng ở gần đầu cầu thang nhà ông. Ông bảo: "Mua "Hào" về để làm nhiệm vụ chắn gió, nhưng cũng hay là vì có thêm một tí mỹ thuật".

Ông Nguyễn để bức "Hào" ở nhà đã khá lâu nên đã đồng ý bán cho ông Ngô Luân với giá 8.000đ. Như vậy giá tranh cũng đã khá hơn rất nhiều so với thời ông Lâm cà phê mới chơi tranh. Thời mà các "Mét" phải bán tranh bằng cách đổi lấy những tách cà phê.

Từ khi đem "Hào" về ông Ngô rất ưng ý. "Hào" không chỉ chắn được gió mà còn làm đẹp cả nhà. Có lần một viên Đại tá kiêm Tùy viên văn hóa Cu Ba đến nhà ông Ngô chơi, nhìn thấy "Hào" viên Đại tá này rất thích, lại thấy ông Ngô kể rằng "Hào" được vẽ trong lúc những máy bay B52 của Mỹ dội bom xuống Hà Nội, viên Đại tá lại càng thích hơn. Ông vốn là người yêu nghệ thuật, lại rất yêu Việt Nam và rất ghét Mỹ, nên đã đề nghị với ông Ngô hãy để bức tranh này cho Cu Ba để bày ở Bảo tàng Chê - Ghê - vara. Ông Ngô đồng ý nhưng không biết bán với giá bao nhiêu cho xứng với bức tranh. Viên Đại tá đã tạm đưa ra một cái giá ban đầu là 60.000 đô la Mỹ, và nói rằng: Việc này ông còn phải báo cáo lại với Bộ Văn hóa Cu Ba trong chuyến về nước sắp tới. Viên Đại tá nói với ông Ngô: "Đừng để bức "Hào" này cho ai cả". Ông Ngô đồng ý và hứa với viên Đại tá: "Sẽ không bán bức "Hào" này cho bất kỳ một ai, mà chỉ để dành cho nhân dân Cu Ba anh hùng?". Khi viên Đại tá vừa ra về, ông Ngô cho người tháo tranh khỏi mảng tường trống đó, đưa vào nhà đặt ở một vị trí vững chắc và ngày lại ngày chờ viên Đại tá đến.

Nhưng rồi một tháng trôi qua, một năm trôi qua, rất nhiều năm trôi qua, viên Đại tá kiêm Tùy viên văn hóa ấy về nước mà không thấy trở lại nữa.

Bức "Hào" sau đó cũng được vài người khác đến hỏi mua, giá

được nâng lên từ 2.000 đô la đến 6.000 đô la, nhưng ông Ngô vẫn chưa bán.

Tháng 10 năm 1995 tôi được vài người thông báo rằng bức "Hào" đã được ông Ngô bán với giá 60.000 đô la cho một người Việt Nam ở nước ngoài, nghe đâu là một nhà sưu tập tranh cỡ bự.

Tôi không tin vì thời đại quảng cáo người ta hay đưa những tin "giật gân", nhưng mấy tuần sau gặp vài họa sĩ họ cũng lại nói với tôi về tin đó. Sáng hôm sau tôi gọi điện hỏi ông Ngô, và ông xác nhận điều đó là sự thật. Nhưng giá bán có 15.000 đô la, và chỉ thu được về 12.000 đô la, vì "Hào" bán cho một người ở nước ngoài là ông Hà, lại phải qua một trung gian. Ông Ngô nói với tôi hãy thông cảm cho ông ấy vì tuổi già. Chẳng là vì tôi đã khuyên ông Ngô nếu định bán "Hào" thì nên bán cho Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, hay Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Nếu các Bảo tàng này không có khả năng mua thì ông nên tìm một nhà tài trợ mua "Hào" để tặng lại cho Bảo tàng đó. Ông Ngô từng nói với tôi rằng nếu có ý định bán "Hào" ông sẽ giải quyết theo hướng ấy.

15.000 đô là thực ra không cao với một bức tranh đẹp của một họa sĩ lớn và thực sự quá rẻ cho một bức đẹp của cả một thời kỳ kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Và sau một thời gian giữ "Hào", ông Hà bị trọng bệnh, sức khỏe càng nguy kịch hơn – và ông Hà đã bán lại "Hào" cho một người sưu tập tranh là ông Ngô Tấn Trọng Nghĩa trước khi chết. Sau bao nhiêu lưu lạc, cuối cùng thật may mắn, "Hào" đã lại được trở về Hà Nội trong sự trân trọng của những người yêu và tôn thờ nghệ thuật hội họa của Dương Bích Liên. ■

Chú thích: Bài viết in lần thứ nhất ở Phụ san báo Người Hà Nội số tháng 10 năm 1991. Được in lại lần thứ 2 ở Tạp chí Mỹ thuật số tháng 9.2003. Và in lần thứ 3 ở Thư Apricot số đầu tiên tháng 12.2015.

The adventure of “Hào”

🌟 Words by Philosophy Researcher Nguyen Hao Hai

The birth of “Hào”

In 1972, I had recently graduated from university. A friend of mine really enjoyed my thesis about philosophy, so he offered me a job at the Institute of Philosophy. I did not officially accept the offer, because I still wanted to spend time with Duong Bich Lien and some friends. At the time, I needed to buy a backpack to pack my belongings and clothes, in case of an evacuation. One time, after having breakfast with Duong Bich Lien on Hang Da Street, the two of us went to Nha Chung Street, which sold all of the things that our soldiers were rationed, and even some spoils. There was so much military merchandise, especially tarpaulin sheets. The two of us were walking when we saw a roll of tarpaulin that looked a lot like canvas. I approached to touch the material and told Duong Bich Lien resolutely: “I am sure this is Soviet canvas, it must have belonged to someone in the Artists’ Association, who didn’t need it and sold it. Or there must be some other reason for this canvas being here.” Seeing the roll of canvas, 1.5 meters in width, 2 meters in length, Duong Bich Lien’s eyes lit up. The two of us took all the money that was meant to buy backpacks and military clothing to buy this roll of canvas. We took the canvas and searched for a store or someone who could frame it for us to paint on, but we weren’t successful because the canvas was too big. At the time, in Hanoi, there was only one person who made frames, Mr. Ca Che, but even he could not find materials big enough to make a frame for the canvas. Finally, we travelled out to the banks of the Red River to find a carpenter. He accepted the challenge and measured the canvas to make a wooden frame. The canvas was original and untouched. Duong Bich Lien and I then travelled to Hang Bong Street, to buy gelatin to waterproof the canvas, and waterproofed the canvas ourselves.

From the days American troops targeted Hanoi until the end of the war, artist Duong Bich Lien never. He was always hesitant to seek shelter, as it was always dark, cramped, stuffy and crowded. Upon seeing him often walking the streets, civil defense guards on Ba Trieu Street gave him an iron helmet in the event flying bullet fragments struck him. But he never wore it. At the time, people always saw Duong Bich Lien wearing flared velvet pants (that my relatives brought home from overseas), clogs (also supplied by me), and a pith helmet. Many people found his unique fashion style amusing, but he was a simple man and did not care much about clothing and accessories.

During the many years the American airforces attacked Hanoi, upstairs at No. 55, Ba Trieu Street, Duong Bich Lien painted “Hào” on the piece of Soviet canvas the two of us bought. I must add that at the time, a canvas was a very rare thing for a painter. Artists could only paint very small pieces because they didn’t have big canvases. They couldn’t find any to satisfy their need to paint. As such, a large-scale painting was a rarity at that time.

During the war and the period when he painted “Hào”, aside from wine, he stayed alive on packages of Chinese dried food and Soviet soup powder – aid big ally countries sent us. These packages were very convenient for soldiers because of the tough conditions on the front line. Lien preferred the packaged food during these tough times because he was a single man and did not like going to the market or cooking.

During wartime, many artists who were away from Hanoi really missed beer and the news. They often came to evacuation centers to visit their families, relatives, or to work



with government agencies for a few days, and then returned to the city and met up at the beer garden in Co Tan Park, next to the Opera House. During the years when American airforces bombed Northern Vietnam, including Hanoi, this was the arguably only spot in the city always bustling with excitement. People, especially intellectuals and artists, gathered here to meet, talk, and share news. Nguyen Tuan and Van Cao heard that artist Duong Bich Lien was painting "Hào", so when they saw Duong Bich Lien at the Co Tan beer garden, Nguyen Tuan said: "When you finish 'Hào', please let us know". Even though Văn Cao had not seen the piece, he still insisted: "Lien's art is always excellent".

At that time, American airforces attacked Hanoi brutally, but daily activities returned to normal as soon as the enemy's aircraft was out of sight. Although war proved to be difficult, people still tried to organize art and cultural programs. The Artists' Association still prepared an exhibition.

A few weeks before the exhibition opened, Nguyen Tuan, Van Cao, Pham Van Khoa and a few others visited Duong Bich Lien's home to see "Hào" after leaving the Co Tan beer garden. Everyone was surprised by the colossal size of "Hào" (147x200 cm), particularly at a time when art supplies were rare and homes were small, so much so large-scale

paintings would take up all the space, leaving no room to walk.

After many compliments, Nguyen Tuan, who had vast knowledge of art and literature, advised Duong Bich Lien to add something to make "Hào" less immense. He suggested: "Maybe some MIGs". Duong Bich Lien understood Nguyen Tuan right away. He mixed some colors in his palette, then took his brush to paint two missiles flying in the sky on the top left corner of the painting. After finishing, he said: "These two missiles are Nguyen Tuan's, not moi." Everybody laughed and complimented the addition to his painting.

Learning about Duong Bich Lien's "Hào", Tran Dan also visited the artist. He had several other chances to see "Hào" when he came to return books and documents he borrowed from the painter. One time, during a visit to Duong Bich Lien's house, he shared an 8 – 9 page article written in purple ink on notebook paper, with the title "Hào một tột" ("một tột" means "masterpiece"), in a writing style as unique as the name of the article.

The Adventure of "Hào"

Before every exhibition, according to regulations, the

paintings needed to be approved. Many of the judges thought that despite "Hào"'s war theme, humanity, the most important element in a war, was not depicted clearly. The painting was supposed to depict soldiers and guerillas jumping out of combat trenches, proudly holding flags and guns aimed at the enemies, like the majority of war-themed paintings at the time. However, artist Duong Bich Lien painted people blurredly, hunched down and walking under the trenches. He wanted to focus on an afternoon in a quiet, immense battlefield in the countryside. In the end, even though writer Nguyen Tuan had added two anti-aircraft missiles to add weight to the painting, "Hào" was eliminated from the exhibition. Many held the opinion "Hào" was a "problematic" artwork, and thus "Hào" was displayed at the Hanoi University of Fine Arts where experts could see and critique the piece.

A while after the exhibition concluded, even though Duong Bich Lien was urged to collect the painting to make room for other works, the artist could not find anyone to help him bring this big, bulky painting home. When the painting was to be exhibited, the organizers sent a command car to take "Hào" to the exhibition. During wartime, everyone was busy, so when the exhibition concluded, the organizers dismissed right away, and forgot to delegate people to help bring "Hào" back to the artist. Pham Van Bong (also known as BổngNhảy on HàngBuồm Street) heard that artist Duong Bich Lien had been asked to collect "Hào", and Lien had not find any means to bring "Hào" home. Bong asked the artist to do the task, but he also asked for a favor in return: To bring "Hào" back to his home to display for a short time, and then "Hào" would be returned to the artist's door when he was done. The artist reluctantly accepted the request, mainly because he knew the borrower. An enthusiastic art lover, Bong was excited, returning home to collect his wife and children before coming to No. 42 Yet Kieu Street, placing "Hào" on a cart and cheerfully pulling it home. Bổng had planned to buy "Hào" after borrowing the piece for a while, but unfortunately his strategy did not come to fruition.

Returning to Hanoi after an overseas business trip, writer To Hoai had heard words about "Hào" from the artistic community. Writer TôHoài and writer Nguyen Dinh Thi received the most opportunities to travel overseas, and whenever they did, they always brought a small gift for painter DươngBíchLiên: a couple tubes of white oil paint. This time, when To Hoai visited Duong Bich Lien, not only did he want to give the painter a material gift, but also wanted to express his appreciation for "Hào" by buying the painting. Unfortunately, the painting was enormous while To Hoai's

home in Doan Nhu Hai Alley was tiny. The writer could not find a suitable spot to display the painting, so he had to put the painting on his bed. The small, crowded home was often visited by To Hoai's acquaintances, and Thu Cuc – his wife – regularly complained about the giant painting that made everyday activities much more troublesome.

One day, writer Nguyen Hong travelled from Nha Nam to Hanoi and came to visit To Hoai. Seeing "Hào", he was immediately interested in the painting, and insisted that he must borrow "Hào" and bring it back to Nha Nam with him. To Hoai was fond of his friend, who lived in the countryside and had less opportunities for cultural exposure, so he didn't want to refuse. As the war escalated, To Hoai wanted for "Hào" to be evacuated to protect it. Yet To Hoai wondered: Nguyen Hong only had a bicycle, how would he bring "Hào" to Nha Nam with him? Nguyen Hong assured him he knew the artillery unit stationed in his village, and they often travelled to Hanoi, so he could ask for their help.

Early one morning, soldiers from the artillery unit came to pick up "Hào" and put the painting on their truck. Bidding farewell to "Hào", To Hoai asked the artillerymen to take care of the painting. At first, the artillerymen placed the painting upright on the truck. However, when they travelled outside of the city, the wind got too heavy, so they laid the painting down on top of the ammo cans. With the truck parked at the gate of the village, two artillerymen carried "Hào" to Nguyen Hong's home, while children followed them cheering, because they thought a performance troupe was coming to town. Nguyen Hong was emotional when he received the painting, and many villagers came by to see "Hào". However, "Hào" was not used to so much humidity in a cottage, so it deteriorated. Layers of paint started peeling, falling on the floor. Nguyen Hong panicked, because he had tried to repair the painting in his backyard, but to no avail. When he came to Hanoi on a business trip and saw To Hoai, he told him about the damage to "Hào". To Hoai replied: "If it's so damaged, the only way to fix it is to bring it back to Duong Bich Lien". So when the artillerymen travelled to Hanoi again, Nguyen Hong sent "Hào" back to No. 55, Ba Trieu Street.

Artist Duong Bich Lien was tormented when he received "Hào". He did not want anyone to see "Hào" in this state, so he hid the painting in the closet under his stairs. This closet did not have a door and was where the painter stored his frames and old art supplies. Whoever came to visit the painter at the time would see a part of "Hào" peeking out of this small supplies closet. "Hào" remained there for almost two years until it was sold to Nguyen. During the morning the artwork changed hands, Nguyen



invited the painter and me to a restaurant. When we left, Nguyen said he would pick up the painting that afternoon, and then handed Duong Bich Lien an envelope. The painter asked what the letter was about, and when he opened, he saw money amounting to an official's monthly salary at the time. The painter did not accept the money but asked Nguyễn to come to Hang Buom Street to buy him a bottle of imported wine. There was a fat lady in front of the old Đông Hưng Viên store, who sold imported food and winesold to her by chefs working at embassies at the time.

I took the painter home, and when we got to Ba Trieu Street, we saw Hoang Trung Thong walking aimlessly on the sidewalk, looking very drunk. I greeted the poet and stated:

- You must have just returned from No. 91 (the beer garden).

The poet confirmed.

Artist Duong Bich Lien asked Hoang Trung Thong: "Was Nguyen Sang there?" The poet replied no, and continued talking to the painter. He asked what Duong Bich Lien was painting. The painter answered that he was not painting anything lately, he was only reading.

Hoang Trung Thong said: "Many fellow artists have talked about 'Hào', To Hoài and Nguyen Hong have also shared tales about the painting, but I haven't seen it".

I told Duong Bich Lien to invite the poet back to his home to see "Hào" because that might be the last opportunity for the poet to see the painting.

At the painter's home, Hoang Trung Thong stared at the painting for a very long time. When he left, the poet held the painter's hands tightly and thanked him. I left with the poet, and when we bid farewell at the gate of Duong Bich Lien's home, the poet said to me: "'Hào' is beautiful", and then walked away drunkenly. This was the last day that "Hào" stayed at No. 55, Ba Trieu Street.

Ngo, a government official, visited Nguyen's home on a winter afternoon. He saw that "Hào" was no longer on display as Nguyen was renovating and had to take down the painting. Ngo looked at "Hào" for a long time, and then measured the width and length of the painting with his hands. Afterwards, he sighed with relief.

Ngo told Nguyen he wanted to buy "Hào" because it fit with a space on the holed wall near his stairs. He said: "I want to buy 'Hào' to block the wind, but it's great because it adds some art to my house".

Nguyen had had "Hào" at his house for a long time, so he agreed to sell the painting to Ngo Luan for 8,000 Dong. This price was a lot more expensive compared to the time when Lam, who sold coffee, had just started buying art at a time artists sold their paintings in exchange for cups of coffee.



Ngo was thrilled with the painting. "Hào" did not only block the wind, but also added beauty to his whole house. One time, a Cuban Colonel cum Cultural Attaché visited Ngo's house. He really enjoyed "Hào", and when Ngo shared that it was painted when American B-52 aircrafts were still bombing Hanoi, the Colonel grew even more excited. The Colonel was an art lover who loved Vietnam and detested the U.S.A., so he asked Ngo to give this painting to Cuba to be displayed at the Museum of Che Guevara. Ngo accepted, but did not know how to value the painting. The Colonel made an offer of 60,000 USD, but said that he had to ask for permission from the Cuban Ministry of Culture. The Colonel told Ngo not to "Do not sell "Hào" to anyone. Ngo agreed, and promised the Colonel: "I will not sell 'Hào' to anyone, and will save it to give to the heroic people of Cuba." When the Colonel left, Ngo had people remove the painting from his wall and store it in a safe place in his home while he waited for the Colonel to return.

A month passed. A year passed. Many years passed, and the Colonel cum Cultural Attaché had not returned to Vietnam. Many people came and asked to buy "Hào", with offers rising from 2,000 to 6,000 USD, but Ngo didn't sell. In October 1995, I was notified Ngo had sold "Hào" for 60,000 USD to an overseas Vietnamese who was a big art collector.

I didn't believe it, because in the commercial age, people always exaggerated information. A few weeks later, I met up

with some artists, and they shared this news again. The next morning, I called Ngo to ask him myself, and he confirmed the news. However, he sold the painting for 15,000 USD, and only received 12,000 USD, because he had sold the work to an overseas Vietnamese named Ha via a middleman. Ngo asked for my sympathy, because he was in his old age. Maybe it was because I had advised him that if he wanted to sell "Hào", he should sell it to the Vietnam Fine Arts Museum or the Vietnam Museum of Revolution. And if these museums did not have the resources, I insisted he should find sponsors to buy "Hào" and then donate the painting to these museums. Ngo had previously shared with me that if he was ever to sell "Hào", he would have done it that way.

Fifteen thousand dollars is not a high price for a beautiful painting created by a great painter. It's too cheap for such a magnificent painting about our country's great revolutionary period.

After keeping "Hào" for a while, Hà became seriously ill. Hà sold "Hào" to Apricot Gallery before he passed away. After so much travelling, fortunately, "Hào" has returned to Hanoi, welcomed by those who love and worship Duong Bich Lien's art. ■

Note: This article was published for the first time in *Ngươi Hanoi* (Hanoians) newspaper in October 1991, for the second time in *Tạp chí Mỹ Thuật* (Fine Arts Magazine) in September 2003, and for the third time in the first edition of *Thu Apricot* (Letter from Apricot) in December 2015.

KÝ HỌA TRẦN HỮU TRI (1954 - 2013)

Một thế giới được hồi sinh

📍 Nhà báo Hà Văn Bảy

Đương thời, Trần Hữu Tri vẽ chừng 600 ký họa (trong đó có khoảng 200 ký họa kháng chiến) và gần 100 tác phẩm trên nhiều chất liệu, nhưng rất ít khi công bố, nên nhiều người cứ tưởng ông chỉ là giảng viên mỹ thuật, thế thôi.

Cho nên, chỉ những ai đủ sự nhạy cảm thì mới nhận ra ở ông có một “mỏ quặng”, một “kho tàng” để tìm đến, và việc sở hữu được (dù một phần) bộ ký họa của Trần Hữu Tri, đã là may mắn.



Một số tranh kí họa của Trần Hữu Tri

May mắn đầu tiên, đó chính là kết quả của những chuyến đi không lặp lại, khó tái diễn, và cái nhìn đầy chất lọc, đủ sự nhạy cảm. Ở tuổi đôi mươi, sau đại sự kiện 1975, vì nhiệm vụ, Trần Hữu Tri đã đặt chân đến nhiều vùng vừa tiếp quản, những ký họa trung thực ấy không chỉ góp một điểm nhìn cá nhân vào lịch sử, mà còn ẩn chứa nhiều nỗi niềm để các thế hệ sau chiêm nghiệm.

Một tâm thế tự tại

Sinh ngày 10/10/1954 tại Bồng Sơn, tỉnh Bình Định, một tuổi đã theo gia đình tập kết ra Bắc, sống "tàn cư" ở nhiều nơi, ký ức tuổi thơ là tiếng bom đạn, là tiếng loa phát thanh, là các cuộc di chuyển bất kể ngày đêm. Giai đoạn 1965 -1972, ông theo học lớp hội họa sơ trung cấp 7 năm tại Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, nơi sinh viên/giảng viên/họa sĩ đều phải có tâm thế của một chiến sĩ, phải biết lấy cái nhìn trực họa của mình làm phương tiện chiến đấu với địch, động viên phe mình, an ủi hậu phương... Háo hức, nhiệt huyết và những

chuyến đi đã cho Trần Hữu Tri cơ hội vẽ chừng hai trăm ký họa (lời của ông lúc sinh thời), nay còn lại chừng 20 bức, nhiều bức có giá trị độc lập như một tác phẩm hoàn chỉnh.

Giai đoạn đẹp, giàu lý tưởng, nhiều năng lượng nhất trong ký họa của Trần Hữu Tri có lẽ là từ tháng 4/1972 đến 1975, khi ông nhận chỉ thị đi B - phải vào Nam, mà thực tế là "về gần quê nhà", nơi ông công tác là Ban tuyên huấn khu V - biệt phái tại tỉnh Bình Định. Phần lớn ký họa (trong 200 bức còn lưu giữ) được vẽ trong giai đoạn này. Chiến tranh leo thang tới tột đỉnh thì khát vọng ngưng tiến súng, khát vọng hòa bình càng cháy bỏng. Gần như 100% ký họa của ông thể hiện rõ khát vọng này, nên bối cảnh chiến tranh, quân phục và súng ống... đều có, nhưng không hề có cảnh đánh nhau, xông lên, giết giặc, bị thương... Rồi những vùng vừa được hòa bình mà ông đi qua, những hình ảnh trao trả tù binh, thương binh, tái thiết đất nước... đều được chọn lọc một cách tinh tế. Thời đó mà xem ký họa Trần Hữu Tri có thể "ghép" tác giả vào diện mạo là ngời ca chiến thắng, cái gì cũng

chứng mực, tránh tuyên truyền - cổ động - tự hào, bây giờ nhìn lại thì thấy những ký họa đó thật sự thuần khiết, có độ lùi, đủ tự tại, nên ít bám trụ vào thời sự, khó bị lạc thời.

Đặc biệt nhất trong mảng ký họa của Trần Hữu Tri là chân dung người thật việc thật, họ phần nhiều là những chiến sĩ, anh hùng, người dân gắn liền với cuộc cách mạng, nhưng không hề được lãng mạn, thổi phồng, mà trông thật bình dị. Qua cái vẽ gần gũi này càng cho thấy ý thức tiếp cận và diễn tả hiện thực của họa sĩ, nơi tinh thần của nhân vật luôn là yếu tố ưu tiên được nắm bắt, chứ không phải những "vỏ bọc" tạm thời. Bởi chiến tranh, sự chiến thắng rồi sẽ đi qua, nó chỉ là một giai đoạn của đời người, một khoảnh khắc của dân tộc, đời sống, sự bình yên mới dài lâu và đáng khát vọng hơn. Dường như với Trần Hữu Tri, dù bị hoàn cảnh sống chi phối, nhưng trong sâu thẳm thì con người vẫn còn sự tự tại riêng, vẽ là vẽ sự tự tại thuần khiết đó. Quan niệm này được Trần Hữu Tri theo đuổi đến cuối đời, trong cả việc vẽ ký họa, sáng tác và giảng dạy.

"Xem ký họa của anh ở chiến trường miền Trung, nhất định cảm nhận được một bầu nhiệt huyết. Chúng tôi thì nhớ quá một thằng Tri vẫn như thời ấu thơ, hăng hái, xông pha trong mọi chuyện. Những bức ký họa vượt trên tầm mức chuyên môn của một người chỉ mới học qua hệ sơ trung. Nhiệt huyết và hiện thực dữ dội của đất nước truyền vào tâm thần và bàn tay anh. Tri vẽ những bức ký họa không chỉ đầy cảm hứng mà còn rất tài hoa. Đây là quãng thời gian anh phát tiết trôi chảy, yên tâm và nhất quán. Chưa có thoáng dằn vặt hay ám ảnh nào len lách vào nội tâm nghệ sĩ đa đoan như anh", họa sĩ Trần Luân Tín nhận định.

Vẽ như sống

May mắn thứ hai của việc sở hữu được ký họa của Trần Hữu Tri là tinh thần không chấp nê vào danh phận và tiền tài của họa sĩ này, nên vẽ vô tư, không cần "nịnh" theo thị hiếu. Sinh ra ở xứ võ - xứ quật khởi Bồng Sơn, đi qua chiến tranh ác liệt, rồi sống ở phương Nam, Trần Hữu Tri có đủ phong sương để "trọng nghĩa khinh tài", để buông bỏ và vui chơi. Bạn bè, học trò kể lại những chuyến đi thực tế, những giờ lên lớp, hướng dẫn bài tập, rồi cả các cuộc cà phê, nhậu nhẹt... của Trần Hữu Tri đều toát lên vẻ hào sảng, nhưng chừng mực.

Từ năm 1981 về sau, bên cạnh mảng ký họa trên nhiều chất liệu, chủ yếu vẽ phong cảnh, Trần Hữu Tri dành nhiều cảm xúc cho nhân vật khỏa thân. Loạt tranh thiếu nữ khỏa thân

bên bờ biển là những ấn tượng lạ về bố cục, xa rời quy tắc mô phạm, diễn tả được sự tương phản giữa con người với thiên nhiên. Loạt tranh khỏa thân với nội thất là nổi trội vắng và sự ơ hờ mà nhân vật đang phải đối diện. Và trên hết, là khát vọng của tự do, sự bất phá, đổi mới... để truy tìm tiếng nói cá nhân.

Nếu những ký họa thời kỳ đầu được đánh giá là "vượt trên tầm mức chuyên môn của một người chỉ mới học qua hệ sơ trung", thì chính tác phẩm khỏa thân này (sau khi tốt nghiệp ĐH Mỹ thuật TP.HCM) lại bị đồng nghiệp dè bĩu, xem nhẹ. Có những người ác ý còn nói Trần Hữu Tri không biết vẽ hoặc sa đoạ về cảm hứng sáng tạo. Nhưng với những ai từng là học trò, bạn bè thân thì đều biết họa sĩ này không hề cầu thả với việc sáng tạo, Trần Hữu Tri luôn đặt đạo ý tưởng và luôn có chủ đích trong công việc.

"Tri là người say sưa giữa những người say sưa. Say sưa sống, học, nghĩ ngợi, say sưa thực hiện những điều tâm đắc. Ai từng sống cùng anh khó mà quên được tấm lòng nhiệt thành của bạn Trần Hữu Tri, họa sĩ Trần Hữu Tri, thầy Trần Hữu Tri", họa sĩ Trần Luân Tín nói thêm.

Chủ đích lớn nhất của Trần Hữu Tri không phải là vẽ "cho đúng, cho được", mà chỉ là nắm bắt cảm xúc, vẽ như buông thả, "đủ hình" là lập tức dừng, không tô vẽ, tia tót. Chính vững tập và triển lãm hồi cố tháng 11/2014 nhân 1 năm ngày mất của Trần Hữu Tri đã là một xác tín khó phủ nhận cho tinh thần buông thả, chấm phá đó.

Và cũng có một điều thú vị, chính những chấm phá, buông thả trong tác phẩm khỏa thân một lần nữa thể hiện sự tiếp nối, sự nhất quán đã có từ giai đoạn ký họa tiêu biểu, thời đi B. Từ 1987 đến khi qua đời do bệnh hiểm nghèo (năm 2013), Trần Hữu Tri có 26 năm là giảng viên Đại học Mỹ thuật TP.HCM, được phong tặng Nhà giáo ưu tú năm 2010. Trước đó, từ 1981 đến 1987 làm việc tại Sở Văn hóa - Thông tin TP. HCM, nghĩa là trọn vẹn sống trong "định hướng hiện thực XHCN". Chưa một lần thể hiện sự "nổi loạn", bất phá ra bên ngoài, điều mà nhiều giảng viên hoặc họa sĩ cùng thời với ông đã làm, thế nhưng các tác phẩm (đặc biệt ký họa) lại gián tiếp thể hiện tinh thần đó. Nhìn những ký họa phong cảnh của Trần Hữu Tri, nếu để ý, chúng ta có thể nhớ về những tranh phong cảnh quanh quẩn của thi sĩ Quang Dũng (1921 - 1988), nơi chiến tranh đúng nghĩa "không phải trò đùa", nên khát vọng về hồi sinh, về sự bình yên càng phải được nung nấu, gìn giữ. ■

TRAN HUU TRI'S SKETCHES (1954 - 2013)

A revived world

👤 Journalist Ha Van Bay

During his lifetime, Tran Huu Tri had drawn approximately 600 sketches (including 200 sketches about resistance war) and nearly 100 other pieces on other types of material. However, these works are seldom published. Most people were not aware of his talents and thought of him only as a lecturer in the arts. The few people who truly appreciated his work were the only ones to realize how much of treasure it was. Those who own original Tran Huu Tri's sketches (or just one part) are now worth a fortune.

The first fortune of possessing Tran Huu Tri's sketches is that the sketches are the result of various trips which cannot be repeated, difficult to recur, and showed a refined and adequately sensitive insight. In his twenties, after the big event in 1975, to fulfill his duty, Tran Huu Tri had set his foot on many recently taken-over regions. His honest sketches not only contributed a personal point of view to the history, but also hid many his inner feelings for the next generation to contemplate.

A content state of mind

He was born on 10th October 1954 in Bong Son, Binh Dinh Province and when he was one his family regrouped to the North of Vietnam. Because his early life was spent living in "evacuated" areas his childhood memories were the sound of bombs, the sound of public loudspeakers and the evacuations, whether it was day or night. From 1965 to

1972, he attended the 7-year pre-intermediate art class at Vietnam Fine Arts College, where the students/teachers/artists must have a state of mind of a soldier and know how to use this direct insight in their paintings as a means of fighting the enemies, motivating the home side, and raising morale across the country... His eagerness, enthusiasm and his travelling gave him the opportunities to draw about 200 sketches (as stated by Tran Huu Tri), but unfortunately there are only a few remaining. Among these remaining sketches, many have independent value as a completed artwork.

The period which provided the most inspiration, beautiful and rich ideas for his sketches was probably from April 1972 to 1975. It was when he received the order to go to the battlefield B – in the South of Vietnam, in fact, the place was "close to his hometown". He worked in the Propaganda and Training Department of Zone V—as an officer on secondment in Binh Dinh. Most of his sketches (of the 200 remaining)



“Ra khoi” (Sail away) - Tran Huu Tri

were drawn during this period. The more the war escalated, the stronger the desire was to stop gunfire and live in peace. Almost 100% of his sketches clearly reflected this desire. So the reality of war, uniforms and weapons ... were all shown. Yet, there was no fighting, violence or scenes of carnage portrayed in his sketches. Also, in the new peaceful areas that he came across, the scenes of returning POWs, wounded soldiers, people rebuilding the country ... were portrayed in a subtle way to be in his sketches. At the time, if someone looked at Tran Huu Tri's sketches, they could “assume” that the author was neglectful for not praising victory; everything was moderate, avoided propaganda—motivation—pride. But now, when we look at those sketches, we find them so pure, embracing a content state of mind and not relying much on the current events and so they do not become out-dated.

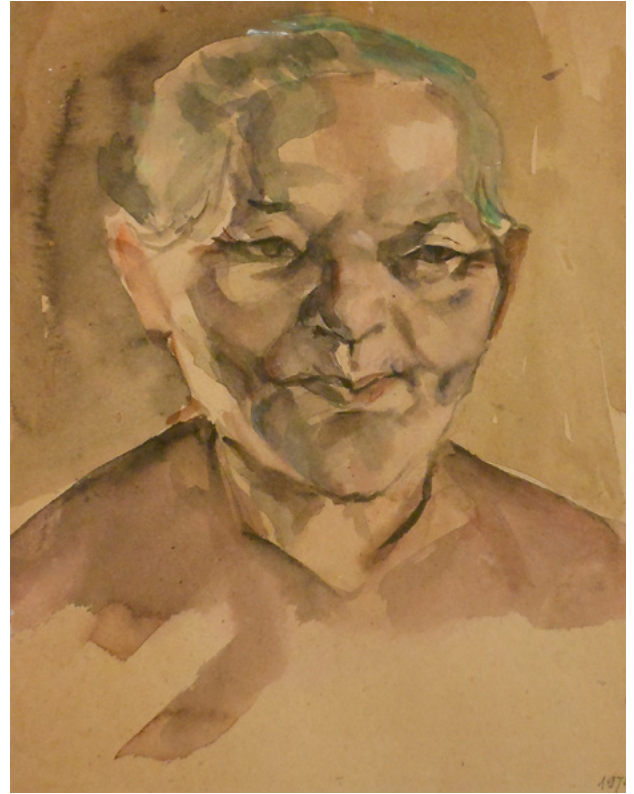
The most distinctive feature in the sketches of Tran Huu Tri is the portraits of real people, real events. Mostly they are soldiers, heroes, people closely connected to the revolution; they were not romanticized, exaggerated, but shown with an idyllic look. That idyllic look shows the artist's conscience of approaching and expressing the reality where the spirit of the characters is always the main element to be captured, not like the temporary “shells”. For the war, the victory will eventually pass, as it is just a phase in life, a moment of a nation. Nevertheless, long life and peace is worth aspiring to. It seems that the conception of Tran Huu Tri is, that despite being dominated by life circumstances, a content state of mind still exists deep inside a human-being, and what he

sketched is about that purity. This concept was followed by Tran Huu Tri until his last days, in both sketch drawing, writing and teaching.

“Seeing his sketches done in the Central Battlefield, you will certainly feel the enthusiasm. We miss Tri so much, a person who could still be childlike, and eager, aggressive in everything. These are the sketches of a person who only went through pre-intermediate classes of art and reached that level of expertise. The passion and intense reality of his homeland had gone into his hands and mind. His sketches are not only inspiring but also very talented. That was the period when he drew smoothly, reassuringly and consistently. There was no obsessive or tormenting moments that sneaked in the inner mentality of a sophisticated artist like him”, artist Tran Luan Tin said.

Drawing like living

The second fortune of possessing Tran Huu Tri's sketches is the artist's spirit. He does not care for social status and money; so he drew freely without “flattering” the current trends. Born in the martial arts area – the revolutionary region of Bong Son, lived through the fierce war then lived in the South of Vietnam, Tran Huu Tri had accumulated enough experiences to allow him to “value the affection, despise the talent”, to let all go off and have fun in life. His friends and students portrayed Tran Huu Tri through the field trips, lectures, tutoring and get-togethers for coffee or drinking...



Sketches by Artist Tran Huu Tri

as a free spirit, but in moderation.

From 1981 onward, in addition to drawing sketches mainly about landscapes on multiple materials, Tran Huu Tri spent a lot of his feelings on nude characters. The painting series of nude girls at the seaside brought a strange impression about the layout not following set rules. Thus, these works expressed the contrast between human being and nature. The nude series with interior backgrounds reflected the emptiness and the negligence that the characters are facing. And above all, it expressed the desire of freedom, the breakthrough and innovation ... to pursue the individual's voice.

While his earlier sketches were rated as "exceeding the expertise level of a person who only went through the pre-intermediate art class", then these nude works (after graduating from the HCMC University of Fine Arts) were scornfully disregarded by his colleagues. Even, some spoke maliciously about Tran Huu Tri that he did not know how to draw or it was a decay of creative inspiration. But for those who were his students and close friends, they all knew that this artist was not negligent in creating arts. Tran Huu Tri always overflowed with ideas and worked purposefully.

"Tri was a passionate person among those passionate people. He lived, learnt, thought and done his favorite things passionately. Anyone who lived with him would find it hard to forget the enthusiasm and sincerity of a friend Tran Huu

Tri, an artist Tran Huu Tri, a teacher Tran Huu Tri", artist Tran Luan Tin added.

The biggest purpose of Tran Huu Tri was not "drawing right, drawing for benefit". He just wanted to capture the emotions and seem to draw with indulgence and a free spirit. When "the picture is full", he immediately stopped drawing, no more painting or adjusting. An undeniable proof of that free and remarkable spirit is the retrospective collection and exhibition in November 2014 on the occasion of Tran Huu Tri's 1-year death anniversary.

Another interesting thing is that the free and remarkable spirit shown in his nude works once again represents the continuity and consistency with the typical sketch period when he was at the Battlefield B. From 1987 till his death by severe diseases (2013), Tran Huu Tri had been working as a lecturer at HCMC University of Fine Arts for 26 years and was awarded the 2010 Meritorious Teacher. Before that, from 1981 to 1987, he had worked at the HCMC Department of Culture – Information. That meant he lived fully in the "socialist realism element". Although he did not express the "rebel", break-out spirit that once many teachers or artists of his time had done, his works (particularly the sketches) expressed that spirit indirectly. If we look at the landscape sketches of Tran Huu Tri with much attention, we can relate to the lonely landscape of poet Quang Dung (1921 - 1988) where the war is literally "not a joke" and the desire for the revival and peace should be preserved. ■

Where art resides...

Triển lãm hội hoạ
Genesis
tại khách sạn Apricot
Một số tác phẩm được trưng bày

"GENESIS" ART EXHIBITION AT APRICOT HOTEL
SHOWCASING PROFOUND VIETNAMESE ARTWORKS



Self-portrait (2009) - 60cm x 80cm - Acrylic on canvas
Tran Luu Hau





Nostalgia of the Dynasty - 160cm x 410cm - Lacquer on canvas
Bui Huu Hung





Red Circle of Life (2009) - 150cm x 300cm - Oil on canvas
Dang Xuan Hoa



Hanoi Light On (2010) - 135cm x 155cm - Oil on canvas
Pham Luan



Admiring the Lotus (2015) - 80cm x 100cm - Oil on canvas
Le Thiet Cuong





Victory Celebration (2010) - 130cm x 200cm - Oil on canvas
Le Quy Tong





Bamboo River (2010) - 110cm x 210cm - Oil on canvas
Hong Viet Dung



The Art of Fine Dining



Lung Linh Hà Nội

📍 Nhà báo Bill Healey

Có lẽ đó là sự sắp đặt tình cờ đầy may mắn, chuyến du lịch vòng quanh thế giới kéo dài gần 4 tháng đã cho vợ chồng tôi cơ hội được khám phá Hà Nội yên bình và nên thơ trong hơn một tuần lễ. Trước khi đến sân bay quốc tế Nội Bài, tôi đã nghe rất nhiều gợi ý về Apricot Hotel, một khách sạn 5 sao nhỏ xinh nằm ở ấp bên Tháp Rùa nổi tiếng với khoảng cách chỉ vài bước chân.

Dù mới mở cửa được hơn 3 tháng, khách sạn sang trọng và đẳng cấp này đã nhận được rất nhiều những đánh giá và lời ngợi khen tích cực. Và tôi biết đây sẽ là điểm dừng chân mình cần phải khám phá khi đến Hà Nội – Thành phố vì hòa bình, đặc biệt là hành trình trải nghiệm những giây phút thăng hoa trong nghệ thuật ẩm thực tại nhà hàng L'Artiste của Apricot Hotel.

Bước vào sảnh khách sạn, không khó để nhận ra sự đầu tư công phu và tỉ mỉ của người chủ đầu tư nhằm tôn vinh tinh hoa của mỹ thuật và di sản văn hóa Việt Nam với hơn 600 nguyên tác hội họa của các danh họa nổi tiếng Việt Nam như Nguyễn Dung, Phan Kế An, Bùi Hữu Hùng và Hồng Việt Dũng bên cạnh những tác phẩm điêu khắc và tranh màu nước. Với vị trí vô cùng đắc địa, xưa kia đây là nơi tọa lạc của khách sạn nổi tiếng Phú Gia, chốn giao lưu của các tầng lớp chính trị, doanh nhân có tiếng trong xã hội ngay từ những năm 1920. Theo những thăng trầm của thời gian, cũng trên cùng mảnh đất lịch sử đó khách sạn Apricot đã ra mắt thủ đô trong diện mạo hoàn toàn mới. Toàn bộ decor trong khách sạn được trang hoàng cầu kỳ theo phong cách tân cổ điển với tông màu kem ấm áp, sàn đá cẩm thạch, đèn chùm lộng lẫy và đồ nội thất sang trọng.

Những bước đi thư thái trên đường đến nhà hàng L'Artiste giúp vợ chồng tôi có cơ hội được hòa mình vào không gian nghệ thuật và thưởng thức những giai điệu ngọt ngào từ phím đàn piano được chơi bởi các nghệ sỹ tài

năng. Có cảm giác như chúng tôi đang đi dạo trong một phòng tranh nghệ thuật đầy tao nhã ở các thành phố lớn trên thế giới. Băng qua khu bếp mở đầy phong cách, chúng tôi bước vào phòng ăn riêng, nơi có khung cửa tuyệt đẹp nhìn ra Hồ Hoàn Kiếm. Thêm một lần may mắn khi chúng tôi được đích thân bếp trưởng của khách sạn chia sẻ về những món ăn độc đáo.

Hành trình khám phá ẩm thực của chúng tôi bắt đầu với món khai vị bò thái lát New Zealand, salad bưởi và sốt Caesar, sau đó là món chính phi lê cá vược với dầu oliu & zucchini risotto, cà tím nướng trứng cá muối kết hợp với nước sốt bơ cam. Bữa tối tuyệt vời khép lại với món tráng miệng đặc trưng của khách sạn – Mousse trà xanh, quả mơ và dâu tây. Với tôi, mỗi món ăn là một quá trình chuẩn bị công phu và chúng thực sự là những tác phẩm nghệ thuật dưới bàn tay của người bếp trưởng tài hoa.

Những trải nghiệm ẩm thực tinh tế tại L'Artiste, với tôi như vậy đã là quá đủ cho một buổi tối tuyệt vời ở Hà Nội. Nhưng khi được thỏa sức phóng tầm mắt nhìn ra toàn cảnh Hồ Gươm trên tầng cao nhất của Apricot, vẻ đẹp của thủ đô mới thực sự khiến tôi không khỏi ngỡ ngàng. Dưới ánh đèn đêm, Hà Nội thật lung linh, huyền ảo. Có lẽ hiếm có địa điểm nào sánh được với tầng thượng của Apricot nếu bạn muốn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Tháp Rùa khi hoàng hôn tắt nắng. Đó là một thứ cảm giác thật khó để diễn tả bằng lời nhưng sẽ không dễ dàng quên được.

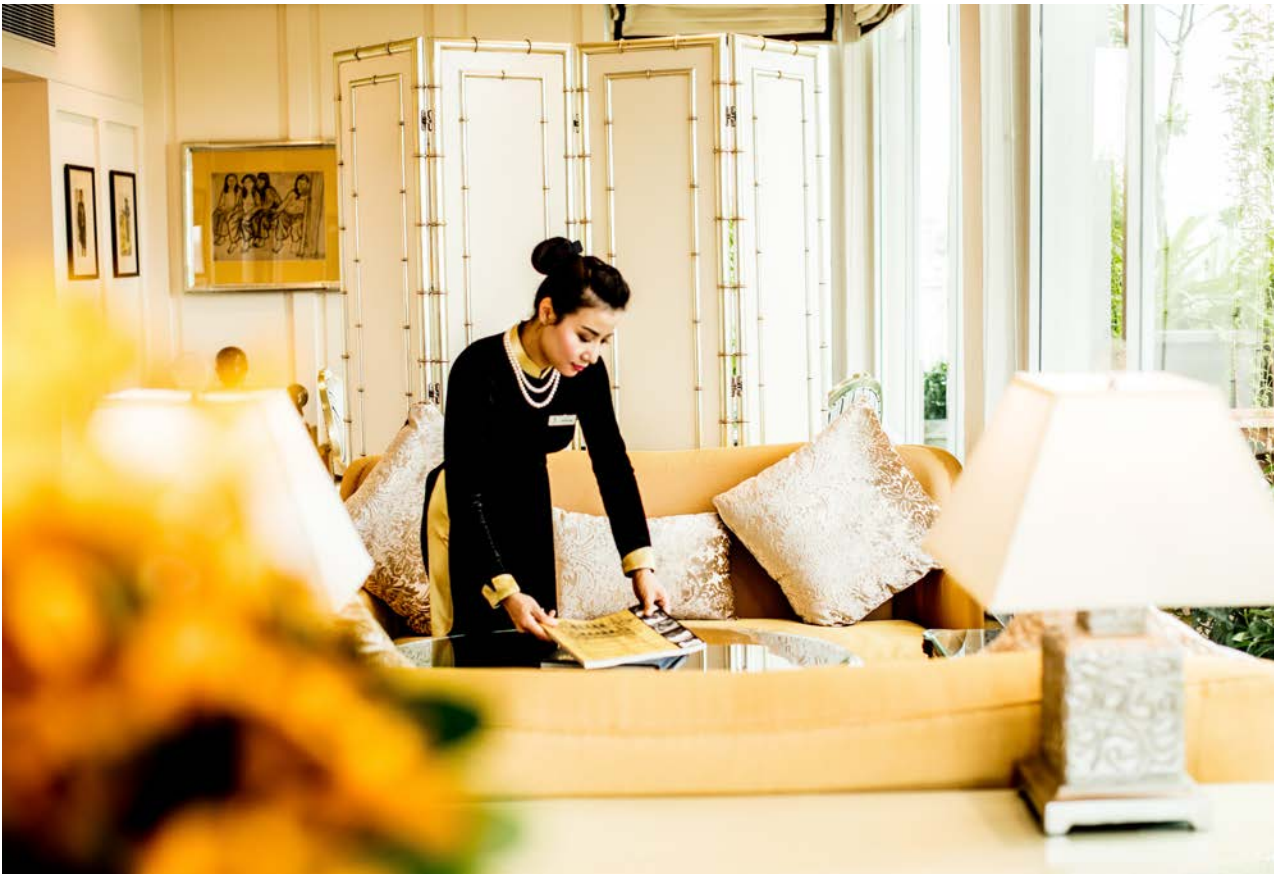
Bữa tối tại L'Artiste và những trải nghiệm đáng nhớ tại trên tầng thượng là những điểm cộng cho những ai đang muốn đến thăm Hà Nội. Quả thực với những dịch vụ hàng đầu, lối thiết kế mang phong cách Pháp đặc trưng cùng bầu không khí ấm áp, đầy mời gọi, nơi đây chắc chắn sẽ là lựa chọn lý tưởng khi đến với mảnh đất Hà Thành nghìn năm văn hiến. ■





Truly Hanoi

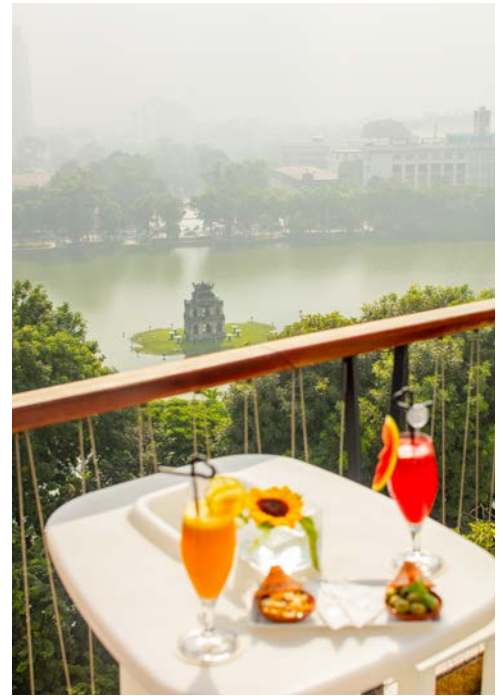
Words by Journalist Bill Healey



As good fortune would have it, our four-month global tour brought us to Hanoi for a week-long visit. Prior to touch-down, reports had come to us about the Apricot Hotel, a newly opened five-star, small luxury hotel just steps away from Hoan Kiem Lake. In just three months following its opening in April 2015, the trendy luxury property has received a generous number of positive reviews. We knew it was a stop we needed to make. Our chief aim was to experience the culinary delights at L'Artiste Restaurant. Upon entering the Apricot lobby, we quickly noticed the meticulous attention to service and the hotel's focus on Vietnamese art, culture and heritage. Placed throughout the public areas and guest rooms are more than 600 works by renowned Vietnamese

artists. Some of the showcased pieces are by master painters Nguyen Dung and Phan Ke An and contemporary stars Bui Huu Hung and Hong Viet Dung, together with sculptures, ink drawings and watercolours.

Formerly known as the Phu Gia, the hotel had welcomed socialites, political leaders and business elite since the 1920s. Coming back to life after a top-to-bottom renovation, the interior is now a crisp and light cream, taking its cue from the French colonial era with marble floors, extravagant chandeliers and classical furnishings. On our way to the fine dining restaurant L'Artiste, we proceeded at a leisurely pace that allowed us to enjoy the artwork along with the soft melodies played by the lobby pianist. We could have



just as easily been walking through a boutique art gallery in any major metropolitan city. When reaching L'Artiste, we were escorted past the open-style kitchen on the way to our private dining room with an enchanting lakeview.

Our dinner started with a New Zealand beef carpaccio, pomelo salad with Caesar sauce, followed by a main course of sea bass filet with olive & zucchini risotto, smoked eggplant caviar, and an orange star and butter sauce. Our dessert featured its apricot & matcha tea mousse with apricot & strawberries. Each course was artistically prepared, culinary masterpieces served by professional staff.

As our fashionable evening ended with the delightful

dinner at L'Artiste, it would have been a very good night. However, later in the evening we made our way up to Apricot's rooftop pool which provided a stunning panoramic view of Hanoi and the iconic Hoan Keim Lake. The tranquility of the rooftop terrace piqued our senses of sight and sound, offering a truly therapeutic and memorable sensory experience.

An evening at the L'Artiste and on Apricot's rooftop is a welcomed break for even the most seasoned traveller. The service is top-notch, the French colonial architecture is warm and inviting, and the sophisticated ambiance puts one at ease. Highly recommended for a night out on the town, or a longer stay to get-away. ■

Bún cá Hồi

Phong vị đặc biệt của Apricot



Khoảng ba đến bốn chục năm nay, người dân Hà Nội không chỉ có phở, có bún bung, bún thang, bánh cuốn,... làm quà sáng mà còn cả món bún cá rô đồng đậm chất đồng quê. Món bún cá đồng ấy không có xuất xứ từ chốn Đô thành, mà do những người dân ở Hải Dương mang về đây giới thiệu và gia nhập vào kho tàng ẩm thực của Hà Nội như một lễ ngẫu nhiên bởi chính cái hương vị thơm ngon và khoái khẩu của món bún cá. Vẫn là khoái khẩu, nhưng thêm phần tinh tế hơn, ngon hơn, bổ dưỡng hơn, và đương nhiên sang trọng hơn thì phải kể đến Bún Cá Hồi Apricot.

Sự hấp dẫn ở đây không chỉ là những miếng cá hồi Na Uy dày dặn, tươi ngon (loại cá chuyên dùng trong các nhà hàng ẩm thực nổi tiếng của Nhật Bản). Thứ làm nên sự đặc biệt của Bún cá Hồi Apricot ở nước canh, loại nước dùng được chế biến theo cách rất riêng của Apricot để thực khách chan lên những miếng cá hồi hồng đậm, lát trên những sợi bún trắng tinh, lẫn với rau xanh, vài lát dứa mọng, thứ rau chỉ có ở miền

Bắc, miền Trung của Việt Nam, kèm vài cọng giá đỗ trắng nõn, mang đến một hương vị vừa lạ vừa thân quen. Thêm chút ớt mọi cay xè đến tê cả đầu lưỡi của nước canh bún (cho những ai thích thêm vị cay) vài lát chanh cho vị thanh của bún. Nước canh của bún cá Hồi không tanh, không nồng mùi vị mắm mà nhẹ nhàng mùi thơm của nước ninh từ xương cá hoà trộn cùng gừng nướng, hành nướng, thảo quả, hoa hồi, quế, dầu hạt điều, và dấm bỗng (một thứ gia vị thường dùng trong món bún ốc của người Hà Nội).

Món bún cá hồi mà thực khách được thưởng thức ở Apricot chính xác là một tác phẩm nghệ thuật ẩm thực của người đầu bếp có 20 năm kinh nghiệm và trên hết là tình yêu, sự đam mê vô tận của ông với các món ẩm thực mang phong vị Hà Nội ở Apricot. Ngoài tài nghệ chế biến món ăn, sự cầu kỳ tinh xảo trong sáng tạo ẩm thực, người đầu bếp của Apricot xem công việc của mình như một sự sáng tạo nghệ thuật, một thứ nghệ thuật sang trọng và quyến rũ. Nghệ thuật ẩm thực. Tham vọng của đầu bếp Apricot là muốn mang món ăn



đặc trưng riêng biệt của Apricot giới thiệu đến những thực khách sành ăn khắp thế giới mỗi dịp họ ghé chân đến Hà Nội.

Điều đáng nói, ý tưởng để làm nên món Bún Cá Hồi Apricot lại chính từ những vị thực khách sành ăn đến khó tính đến với Apricot. Họ luôn muốn khám phá những món ăn ngon khi dừng chân ở những miền đất mới, để có thể giới thiệu đến người thân, bạn bè và du khách gần xa về sự độc đáo trong ẩm thực của Hà Nội nói chung và Apricot nói riêng. Lắng nghe và thấu hiểu những gì thực khách muốn là bổn phận và cũng là niềm hạnh phúc của Apricot.

Một buổi sáng bên Hồ Gươm xanh thẳm, lắng nghe tiếng chuông từ đâu đó vang lên trong thinh không thông thả vang lên. Hay chợt chạm vào chút mùi trầm hương văng vất từ phía cầu Thê Húc, ngọn Tháp Bút... Ngồi ở sảnh khách sạn Apricot hay trên tầng thượng để có thể hưởng trọn vẹn phong vị của Hà Nội nơi phố cổ Hồ Gươm, thắm cái không khí lành lạnh từ bờ hồ hắt lên, hay đắm mình trong không gian lãng đãng đầy sương sớm từ phía hồ tỏa xuống, ngắm Tháp Rùa trầm lặng trong sự tĩnh mịch của thời gian để thưởng thức tô bún cá hồi Apricot nóng sực, cay ấm, ngọt dịu đến tê cả đầu lưỡi mới thấy cái thú tiêu diêu nơi mảnh đất cổ kính Hà Nội ngàn năm. Và cũng chỉ duy nhất ở Apricot, du khách mới có được cái thú ăn sáng trong bảng lãng sương Hồ Gươm Hà Nội. Khung cảnh này, những món ăn ngon chứa đựng trong đó cái hồn vía, cốt cách của Hà Nội hẳn sẽ níu chân du khách khiến họ muốn quay lại và ở lại lâu hơn... ■

SALMON VERMICELLI APRICOT'S SIGNATURE DISH

For the last thirty to forty years, Hanoians have been enjoying more than just the likes of "pho", "bung" vermicelli, "thang" vermicelli and steam rice rolls for breakfast. They have also indulged perch vermicelli encapsulating the strong flavour of the countryside introduced to the city by the people of Hai Duong province. Perch vermicelli dish soon made its presence felt among the varied collection of Hanoi cuisines thanks to its tasty fish vermicelli flavour.

Apricot Hotel's "Salmon Vermicelli" marks a new spin on usual fish vermicelli as, thanks to a touch of refinement, the dish still retains its zesty flavour yet tastes even better, while also being more nutritious.

It's about more than just its thick, fresh slices of Norwegian salmon (the type specially used by well-known Japanese

restaurants. What makes this dish special is the broth, derived from Apricot's old, secret recipe. Poured over lush salmon slices, pure white strands of vermicelli, vegetables, a few slices of Indian taro (found in Vietnam's North and Central regions) and bean sprouts, a unique flavor emerges that is somewhat familiar yet unfamiliar at the same time. You can add a little bit of chili to spice up the soup as well as a few slices of lime to lighten the taste of the vermicelli. The salmon vermicelli soup has neither the fishy nor strong smell of fish sauce. It has a light fragrance thanks to its mixture of fish soup with roasted ginger, onions, rosemary, anise, cinnamon, cashew nut oil and traditional vinegar (a kind of additive typically used in Hanoians' whole vermicelli).

The Salmon Vermicelli guests enjoy at Apricot is a work of art created by our chef with his endless love and passion for Hanoi dishes. Aside from his talent for cooking and





two decades of experience, his touch of high refinement in the creation of dishes has turned cooking into an art of great charm and luxury. Culinary art at its finest. The chef's ambition has been to introduce Apricot's distinctive cuisine to food lovers around the world whenever they have the opportunity to visit Hanoi. And he has achieved this, for Apricot takes great pride in having an artist specializing in Hanoi cuisine.

The idea for Apricot's Salmon Vermicelli stems from our guests who are gastronomes. They want to explore delectable dishes as they embrace the culture of a new land. And they often share stories about the uniqueness of Hanoi's culinary delights, including those found at Apricot, with their relatives, friends and fellow travelers. We take pleasure in listening to and understanding our guests' voice.

Picture a bright morning at the side of the emerald Sword Lake, listening to the relaxing sound of pagoda bells echoing from somewhere afar. Your nose recognizes the smell of incense coming from the direction of The Huc Bridge and the Pen Tower. Sitting at Apricot's lounge or on the rooftop, you can feel a slight chill from the lake as you immerse yourself in the early morning's foggy atmosphere and observe the silent Turtle Tower. In this setting, savouring a steamy bowl of Apricot's Salmon Vermicelli is definitely the way to contemplate this thousand-year ancient capital city's charms. At Apricot, travelers can relish a tasty, spicy breakfast as the morning fog rises from Hoan Kiem Lake. The cuisine and the scenery emulate Hanoi's integrity and soul easily disarm travelers, making them want to come back, to stay longer... ■

Snap Shots

Snap Shots











Model: Truong Tung Lan

Photographer: Louis Vu

Dress: May's Bridal

Makeup & Hair: Tony Nguyen

Location: Apricot Hotel

Special thanks to Thoi Trang Tre Magazine







Model: Duong Tu Anh
Photographer: Truong Luong
Designer: Ha Duy
Makeup & Hair: Dung Nguyen
Location: Apricot Hotel





The Art of Entertainment

136 Hang Trong St., Hoan Kiem Dist., Hanoi, Vietnam Tel: +844 3828 9595 | Fax: +844 3828 6565
info@apricothotels.com | apricothotels.com